**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CHIẾN LƯỢC**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ**

**GIAI ĐOẠN 2021-2030**

**Hà Nội, năm 2020**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**TẬP THỂ (KTTT) GIAI ĐOẠN 2011 – 2020**

Bước vào giai đoạn 2011-2020 tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khủng hoảng nợ công diễn ra trầm trọng hơn ở nhiều quốc gia, kinh tế thế giới phục hối chậm hơn. Khoa học công nghệ phát triển nhanh, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế số trở thành một trong những xu hướng phát triển chủ yếu của thời đại. Ở trong nước, những năm đầu giai đoạn, nền kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro, lạm phát cao, nợ công tăng nhanh, tỷ lệ nợ xấu tăng nhanh; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp. Đặc biệt, vào năm 2020 đã xảy ra đại dịch Covid-19 trên toàn cầu ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến các quốc gia, khu vực và có khả năng gây ra suy thoái kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam.

Mặc dù khó khăn nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng nhân dân, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) trong giai đoạn 2011-2020 đã từng bước phát triển khá ổn định và đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

**I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2011-2020**

Trải qua bề dày lịch sử hơn 200 năm, hợp tác xã đã trở thành loại hình tổ chức phổ biến ở hầu hết các nước trên thế giới, có ý nghĩa kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội vô cùng to lớn. Tại Việt Nam, phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn lịch sử, phong trào hợp tác xã ở Việt Nam đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Về mặt kinh tế, đóng góp của khu vực KTTT, HTX vào GDP của cả nước khá ổn định, khoảng 4%/năm. Ngoài đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế chung, các HTX còn đóng góp gián tiếp thông qua tác động tới kinh tế của hơn 6 triệu thành viên, HTX thành viên. Ngoài ra, hợp tác xã là một kênh quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động với thu nhập bình quân hơn 40 triệu đồng/năm, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, từ đó góp phần đảm bảo tình hình an ninh – chính trị - xã hội của địa phương.

1. **Tình hình chung**

 Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020, nhất là từ năm 2012, sau khi Luật HTX năm 2012 được Quốc hội thông qua và Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2013 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khu vực KTTT, HTX đã có chuyển biến mạnh mẽ, thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài của giai đoạn trước đó, đạt kết quả phát triển tích cực cả về số lượng và chất lượng.

 Từ năm 2016 trở lại đây, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, ban hành nhiều quyết sách quan trọng trong công tác chỉ đạo phát triển KTTT, HTX.

 Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX đã chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh phát triển KTTT, HTX; các cấp ủy đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm, vào cuộc, tập trung nỗ lực, cố gắng nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật HTX năm 2012 và Chỉ đạo của Bộ Chính trị. Cụ thể là, trên cơ sở Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020; Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã đẩy mạnh thu hút đầu tư vào nông nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu, xây dựng vùng nguyên liệu; tổ chức triển khai Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tạo ra “*sân chơi*” cho các HTX phát triển, đặc biệt là các HTX nông nghiệp. Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo đã tổ chức các Diễn đàn để hỗ trợ phát triển KTTT[[1]](#footnote-1).

Nhờ đó, khu vực KTTT, HTX đã được tạo điều kiện để phát triển cả về số lượng và chất lượng; các tổ chức KTTT, HTX đã từng bước tự củng cố, đổi mới. Thông qua các tổ chức KTTT, HTX, các hộ thành viên có điều kiện tham gia và được hỗ trợ của Nhà nước, của các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Nhờ đó, thu nhập của người lao động cũng như của thành viên, hộ thành viên được cải thiện, góp phần giải quyết công ăn việc làm, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Tình hình phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2011-2020 cụ thể như sau:

***1.1. Về tổ hợp tác (THT)***

Trong giai đoạn 2011-2020, xuất phát từ nhu cầu phát triển của kinh tế hộ và điều kiện kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương, khu vực THT phát triển tương đối ổn định về số lượng, cũng như đa dạng về tên gọi và hình thức hoạt động, như: Tổ dịch vụ, tổ chị em vay vốn, hội quán, câu lạc bộ ngành nghề…để cùng tương trợ nhau khuyến công, khuyến nông rộng khắp mọi miền cả nước. Hoạt động của THT chủ yếu hướng vào mục đích giúp đỡ, tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống, như: trao đổi kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ nhau về giống mới, kỹ thuật mới, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản; cung cấp thông tin và tiêu thụ sản phẩm; động viên và cùng nhau xây dựng kênh mương, bờ bao chống lũ; tổ chức bơm nước, làm đất; xây dựng quỹ tương trợ giúp nhau vốn sản xuất.

Ước thực hiện đến 31/12/2020 cả nước có 119.248 THT (40.354THT trong lĩnh vực nông nghiệp và 78.894THT phi nông nghiệp), tăng 13.235 THT (khoảng 12,4%) so với 31/12/2011, thu hút 1.665.271 thành viên tham gia (bình quân một THT có khoảng 14 thành viên), tăng khoảng 7% so với năm 2011[[2]](#footnote-2). Số lao động thường xuyên trong THT gần 1,1 triệu lao động, tăng 11,2% so với năm 2011. Doanh thu bình quân của 1 THT là 523 triệu đồng/năm, tăng 96% so với năm 2011. Lãi bình quân của 1 THT là 84,51 triệu đồng/năm, tăng 134% so với năm 2011. Thu nhập bình quân của 1 lao động thường xuyên trong THT là 26 triệu đồng/năm, tăng 34% so với năm 2011.

Mô hình THT phù hợp với nhu cầu của người nông dân, lao động nghèo, đặc biệt ở vùng nông thôn và miền núi, mang tính chất thời vụ hoặc vụ việc, hợp tác với nhau theo hợp đồng hợp tác. THT đã khắc phục được một số mặt yếu kém của kinh tế hộ đơn lẻ, như thiếu vốn, công cụ, kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, đồng thời phát huy giá trị tinh thần về xã hội, văn hóa như: Khuyến khích tinh thần tương thân, tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất, đời sống, là cầu nối giữa chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội với người nông dân trong công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

 Cơ chế tổ chức quản lý THT từng bước được hoàn thiện và chặt chẽ hơn, số THTcó tài sản dùng chung, thành viên tham gia góp vốn, góp sức, có quy chế nội dung hoạt động, có sự chứng thực của chính quyền địa phương ngày càng tăng. Không ít THT có quy mô hoạt động và tổ chức chặt chẽ hơn cả HTX[[3]](#footnote-3).

Tuy nhiên, các THT không có tư cách pháp nhân, không bắt buộc các thành viên phải góp vốn, hoạt động theo thời vụ nên thiếu tính bền vững. Số THT phát triển thành HTX còn ít, chưa thống kê được. Hiện nay, theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác thì các THT không phải thực hiện chứng thực hợp đồng hợp tác mà chỉ thông báo với UBND cấp xã để theo dõi, điều này làm cho công tác quản lý nhà nước về THT gặp khó khăn. Chính sách hỗ trợ từ Nhà nước đối với THT chưa kịp thời, sâu sát; trình độ khoa học công nghệ, vốn và thị trường còn hạn chế nên phần lớn THT gặp khó khăn trong các giao dịch kinh tế, thương mại, vay vốn ngân hàng.

***1.2. Về Hợp tác xã***

- *Về số lượng*:

Ước tính đến 31/12/2020 cả nước có 26.112 HTX; trong đó có 17.462 HTX nông nghiệp, khoảng 8.650 HTX phi nông nghiệp (4.544 HTX tiểu thủ công nghiệp - thương mại dịch vụ, 1.700 HTX giao thông vận tải, 1.075 HTX xây dựng, 1.182 Quỹ tín dụng nhân dân, 149 HTX lĩnh vực khác), so với năm 2011, số lượng HTX tăng gần 7.487 HTX (khoảng 40%).

 Số lượng HTX có xu hướng tăng qua các năm giai đoạn 2011-2020, với tốc độ tăng bình quân là 3,83%/năm. Trong giai đoạn 2011-2020, số lượng HTX thành lập mới là 16.190 HTX, giải thể khoảng 8.328 HTX. Nhất là từ năm 2013 trở lại đây, từ khi có Luật HTX năm 2012, số lượng HTX thành lập mới tăng nhanh qua các năm, từ 1.159 HTX và đến năm 2020, số HTX thành lập mới ước 2.175 HTX. Nếu như ở năm 2011 chỉ có 491 HTX thành lập mới thì đến 2020 cả nước ước có 2.175 HTX thành lập mới (tăng gấp 4,3 lần so với năm 2011).

 Đặc biệt, số lượng các HTX tăng mạnh hơn vào giai đoạn 2016-2020 do đây là giai đoạn Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, ban hành nhiều quyết sách quan trọng trong công tác chỉ đạo phát triển KTTT, HTX. Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX đã chỉ đạo quyết liệt các địa phương đẩy mạnh phát triển KTTT, HTX; các cấp ủy đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm, vào cuộc, tập trung nỗ lực, cố gắng nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật HTX năm 2012 và Chỉ đạo của Bộ Chính trị.

*- Về thành viên HTX*

Ước thực hiện năm 2020, tổ chức HTX thu hút 6,1 triệu thành viên, giảm gần 2 triệu thành viên (tương đương 24%) so với năm 2011. Nguyên nhân do sau khi Luật HTX năm 2012 được ban hành và có hiệu lực, các hợp tác xã tự điều chỉnh, chuyển đổi, các hợp tác xã hoạt động đúng bản chất sẽ hoạt động hiệu quả hơn, phục vụ các thành viên tốt hơn ngược lại các hợp tác xã yếu kém, không hoạt động sẽ giải thể, hoặc chuyển sang hình thức khác phù hợp hơn. Số lượng thành viên HTX giảm do sự sắp xếp lại của các HTX như chuyển đổi, sáp nhập, giải thể,…để hoạt động phù hợp hơn với các quy định mới của Luật Hợp tác xã 2012.

Số lao động thường xuyên trong HTX ước là 1,133 triệu người, giảm khoảng 300 nghìn người (khoảng 21%) so với năm 2011.

 *- Về hiệu quả hoạt động:*

 Doanh thu bình quân của một HTX thực hiện năm 2020[[4]](#footnote-4) ước đạt 4.387 triệu đồng/HTX, tăng 2.355 triệu đồng (khoảng 116%) so với năm 2011, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2020 đạt 8,92%/năm. Trong đó doanh thu bình quân của HTX với thành viên[[5]](#footnote-5) cũng tăng từ 1.280 triệu đồng năm 2011 lên 2.608 triệu đồng năm 2020, tăng 1.327 triệu đồng (khoảng 104%, chiếm khoảng 60% doanh thu bình quân của một HTX), tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2020 đạt 8,22%/năm.

 Cùng với doanh thu, lãi bình quân của một HTX[[6]](#footnote-6) tăng từ 156 triệu đồng/HTX/năm 2011 lên 314 triệu đồng/HTX/năm 2020, tăng 158 triệu đồng/HTX/năm (tương đương 101%) so với năm 2011, tốc độ tăng trưởng bình quân tăng 8%/năm. Thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong HTX tăng từ 20 triệu đồng năm 2011 lên 51 triệu đồng năm 2020, tăng khoảng 32 triệu/đồng, tương đương tăng 160%, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2020 khoảng 11,2%. Thông qua HTX, đời sống của thành viên và lao động trong HTX được tăng lên đáng kể, từng bước cải thiện kinh tế hộ thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo tại cộng đồng.

 Mặc dù khó khăn nhưng hiệu quả hoạt động của các HTX những năm gần đây ngày càng ổn định và có xu hướng phát triển. Theo báo cáo của các địa phương[[7]](#footnote-7), tổng vốn hoạt động của HTX năm 2020 ước đạt 113.843 tỷ đồng, tăng khoảng 59.000 tỷ đồng (tương đương 107%) so với năm 2011. Tổng giá trị tài sản ước đạt 55.777 tỷ đồng, tăng 25.500 tỷ đồng (tương đương 84%) so với năm 2011.

 *- Về đóng góp của khu vực hợp tác xã vào GDP cả nước*: Đóng góp của khu vực HTX thể hiện qua hai kênh: đóng góp trực tiếp của khu vực KTTT, HTX vào tăng trưởng kinh tế và đóng góp gián tiếp thông qua tác động tới kinh tế hộ thành viên, kinh tế cá thể.

 Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, đóng góp của khu vực HTX vào GDP của cả nước trung bình khoảng 3.9%/năm và có xu hướng giảm giai đoạn 2011-2020. Trong khi đó, đóng góp của khu vực kinh tế cá thể, hộ gia đình chiếm trên 30% GDP cả nước. Đây chính là đóng góp gián tiếp nhưng rất quan trọng của khu vực KTTT, HTX tác động tới kinh tế hộ thành viên mà hiện nay chưa thể tính toán cụ thể vào GDP – đóng góp này thể hiện rõ bản chất của HTX là đem lại lợi ích thành viên là chủ yếu.

|  |
| --- |
| Biểu 1: Đóng góp các thành phần kinh tế trong GDP |

ĐVT:%

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **Sơ bộ 2019** | **Bình quân** |
| **Tổng số** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** |
| Kinh tế Nhà nước | 29,01 | 29,39 | 29,01 | 28,73 | 28,69 | 28,81 | 28,63 | 27,67 | 27,06 | 28,56 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 43,87 | 44,62 | 43,52 | 43,33 | 43,22 | 42,56 | 41,74 | 42,08 | 42,68 | 43,07 |
| *Kinh tế tập thể* | *3,98* | *4* | *4,03* | *4,04* | *4,01* | *3,92* | *3,76* | *3,74* | *3,63* | *3,90* |
| *Kinh tế tư nhân* | *7,34* | *7,97* | *7,78* | *7,79* | *7,88* | *8,21* | *8,64* | *9,1* | *9,68* | *8,27* |
| *Kinh tế cá thể* | *32,55* | *32,65* | *31,71* | *31,5* | *31,33* | *30,43* | *29,34* | *29,24* | *29,37* | *30,90* |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 15,66 | 16,04 | 17,36 | 17,89 | 18,07 | 18,59 | 19,63 | 20,28 | 20,35 | 18,21 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm. | 11,46 | 9,95 | 10,11 | 10,05 | 10,02 | 10,04 | 10 | 9,97 | 9,91 | 10,17 |

Nguồn: Tổng cục thống kê (https://www.gso.gov.vn)

 Tuy tỷ trọng GDP có xu hướng giảm, nhưng về quy mô, lĩnh vực HTX vẫn có sự tăng trưởng từ mức hơn 110 nghìn tỷ (năm 2011) tăng lên hơn 219 nghìn tỷ (năm 2019), gấp 2 lần so với năm 2011 (khu vực kinh tế cá thể tăng 2 lần và kinh tế tư nhân tăng 2.8 lần so với năm 2011).

|  |
| --- |
| Biểu 2: GDP theo giá so sánh 2010 chia theo các thành phần kinh tế và loại hình kinh tế |

ĐVT: tỷ đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phấn** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **Sơ bộ 2019** | **Bình quân** |
| **Tổng số** |  **2.779.880**  |  **3.245.419**  |  **3.584.262**  |  **3.937.856**  |  **4.192.862**  |  **4.502.733**  |  **5.005.975**  |  **5.542.332**  |  **6.037.348**  |  **4.314.296**  |
| Kinh tế Nhà nước |  806.425  |  953.789  |  1.039.725  |  1.131.319  |  1.202.850  |  1.297.274  |  1.433.139  |  1.533.459  |  1.633.868  |  1.225.761  |
| Kinh tế ngoài Nhà nước |  1.219.625  |  1.448.171  |  1.559.741  |  1.706.441  |  1.812.152  |  1.916.263  |  2.089.784  |  2.332.245  |  2.576.556  |  1.851.220  |
| *Kinh tế tập thể* |  *110.679*  |  *129.821*  |  *144.296*  |  *158.964*  |  *167.913*  |  *176.510*  |  *188.096*  |  *207.505*  |  *219.247*  |  *167.003*  |
| *Kinh tế tư nhân* |  *204.001*  |  *258.598*  |  *278.699*  |  *306.857*  |  *330.590*  |  *369.434*  |  *432.491*  |  *504.352*  |  *584.085*  |  *363.234*  |
| *Kinh tế cá thể* |  *904.945*  |  *1.059.752*  |  *1.136.746*  |  *1.240.620*  |  *1.313.649*  |  *1.370.319*  |  *1.469.197*  |  *1.620.388*  |  *1.773.224*  |  *1.320.982*  |
|  Khu vực có vốn FDI |  435.392  |  520.410  |  622.421  |  704.341  |  757.550  |  837.093  |  982.678  |  1.124.184  |  1.228.297  |  801.374  |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP |  318.438  |  323.049  |  362.375  |  395.755  |  420.310  |  452.103  |  500.374  |  552.444  |  598.627  |  435.942  |

Nguồn: Tổng cục thống kê (https://www.gso.gov.vn)

Bên cạnh những đóng góp về mặt kinh tế, khu vực KTTT, HTX còn có vai trò rất quan trọng trong vấn đề chính trị, an sinh, xã hội tại cộng đồng. Mô hình HTX tác động đến kinh tế thành viên thông qua tạo việc làm, giảm chi phí, tăng giá bán, góp phần cải thiện thu nhập, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội tại địa phương. Thực tế cho thấy, giữa hộ thành viên HTX so với hộ không phải là thành viên HTX về năng suất lao động không chênh nhau nhưng giá thành thì có sự chênh lệch rõ rệt. Các hộ thành viên HTX bán hàng với giá cao hơn các hộ không phải thành viên HTX khoảng trên 10%, chi phí sản xuất giảm khoảng 25%. Do vậy, thu nhập của hộ thành viên HTX cao hơn so với các hộ không phải thành viên HTX khoảng 30% (ở thành phố Hồ Chí Minh là 35,7%), qua đó khẳng định vai trò quan trọng của HTX đối với nông dân. Đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX không chỉ đánh giá về tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận mà quan trọng nhất là thông qua cung ứng dịch vụ đầu vào, đầu ra cho thành viên thì làm gia tăng giá trị của kinh tế hộ thành viên; hiệu quả hoạt động của HTX vừa là hiệu quả của hộ gia đình, của kinh tế thành viên.

*- Về số lượng cán bộ quản lý HTX*:

 Tổng số cán bộ HTX tăng từ 75.735 người năm 2011 lên 107.506 người ước thực hiện năm 2020, tăng 31.771 người, tương đương 42%, với tốc độ tăng trưởng bình quân 4%/năm giai đoạn 2011-2020. Điều đáng kể là đội ngũ cán bộ có trình độ, được đào tạo cũng được tăng theo thời gian, qua đó mang lại nhiều khởi sắc trong tổ chức và quản lý đối với các HTX. Số lượng cán bộ qua đào tạo sơ, trung cấp tăng từ 29.390 người năm 2011 lên 50.056 ngươi ước thực hiện năm 2020, tăng 20.666 người, tăng khoảng 70%, chiếm khoảng 46,6% trong tổng số cán bộ quản lý HTX. Số cán bộ qua đào tạo cao đẳng, đại học tăng từ 8.417 người năm 2011 lên 23.577 người ước thực hiện năm 2020, tăng 15.160 người, khoảng 1,8 lần, chiếm 22% trong tổng số cán bộ quản lý HTX, qua đó mang lại nhiều khởi sắc trong tổ chức và quản lý đối với các HTX.

Tổng số cán bộ quản lý HTX được đóng BHXH năm 2020 ước đạt 23.424 người, tăng 8.760 người (tương đương 60%) so với năm 2011.

 - Về nợ đọng của HTX:

Trong giai đoạn trước, vẫn còn tình trạng các HTX ngưng hoạt động, chưa giải thể do còn nợ đọng không giải quyết được. Giai đoạn 2003-2012, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các ngân hàng thương mại đã xóa nợ khoảng 568,4 tỷ đồng (nợ gốc 462,4 tỷ đồng, nợ lãi 106 tỷ đồng) cho khu vực HTX; trong đó xóa nợ 168,4 tỷ đồng cho HTX nông nghiệp; góp phần lành mạnh hóa tài chính, tạo điều kiện giúp HTX hoạt động tốt hơn.

Trên thực tế, đối với người nợ thuế, khi cơ quan thuế đã thực hiện cưỡng chế lần lượt bằng nhiều biện pháp thì hầu như các tổ chức, cá nhân còn nợ thuế hiện nay thực tế không còn hoạt động, tồn tại ở địa điểm đã đăng ký kinh doanh. Do vậy, cơ quan thuế không thể thực hiện tiếp các giải pháp cưỡng chế còn lại theo quy định của Điều 93 Luật Quản lý thuế, do vậy không thể xử lý xóa nợ theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế.

Bảng 3: Thống kê tình hình nợ thuế của HTX giai đoạn 2014 – 2019:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** |
| 1 | Số lượng HTX nợ thuế lũy kế đến năm báo cáo | 6,022 | 7,437 | 7,996 | 9,156 | 10,021 | 13,123 |
| *Trong đó: Số lượng HTX nợ thuế ngừng hoạt động lũy kế đến năm báo cáo* | *2,885* | *3,108* | *3,133* | *3,234* | *3,175* | *5,369* |
| 2 | Số thuế HTX nợ thuế lũy kế đến năm báo cáo *(triệu đồng)* | 695,010 | 480,941 | 614,542 | 718,665 | 768,522 | 838,505 |
| *Trong đó: Số thuế HTX nợ thuế ngừng hoạt động lũy kế đến năm báo cáo (triệu đồng)* | *342,180* | *237,409* | *275,770* | *287,620* | *318,921* | *375,003* |

*Nguồn: Thống kê trên hệ thống quản lý thuế của Tổng cục Thuế tại thời điểm 31/12 hàng năm*

 Như vậy, tính đến ngày 31/12/2019, có tới gần **5.369 HTX** đã ngừng hoạt động nhưng vẫn còn nợ số tiền thuế khê đọng và không có khả năng thu hồi là gần **375 tỷ đồng**. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 65, Luật Quản lý thuế thì ngoài các trường hợp được xóa nợ thuế đối với doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản; cá nhân được coi là chết, mất tích... thì đối với các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt này đã quá 10 năm, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nhưng không có khả năng thu hồi mới được xem xét xóa nợ thuế.

 Theo báo cáo của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 7131/BTC-TCDN ngày 12/6/2020 về đề xuất phương án xử lý nợ của HTX ngừng hoạt động, cả nước có 1.080 HTX ngừng hoạt động có số liệu báo cáo về nợ đọng (444 HTX thương mại, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; 349 HTX nông nghiệp; 147 HTX xây dựng; 90 HTX vận tải và 50 HTX trong các lĩnh vực khác). Tổng số nợ đọng của các HTX này đến thời điểm ngừng hoạt động là 374.647 triệu đồng, bao gồm nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước là 117.582 triệu đồng. Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất, việc xử lý nợ thuế đối với các HTX sẽ được xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị quyết số 94/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn. Đề xuất trên đã được Chính phủ đồng ý tại văn bản số 8058/VPCP-KTTH ngày 25/9/2020.

***1.3. Về Liên hiệp hợp tác xã (LHHTX)***

 Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Liên minh HTX Việt Nam, ước đến 31/12/2020, cả nước ước có có 100 LH HTX (có 57 LH HTX nông nghiệp và 43 LH HTX phi nông nghiệp), tăng 53 LH HTX (khoảng 113%) so với năm 2011. Số LH HTX được thành lập mới giai đoạn 2011-2020 khoảng 90 LH HTX. Các LH HTX thành lập chủ yếu ở các vùng: Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long …. Các LH HTX thu hút 636 HTX thành viên, tăng 387 HTX thành viên, tương đương 155% so với năm 2011. Số lao động thường xuyên làm việc trong LH HTX năm 2020 ước đạt 22 nghìn người, tăng khoảng 20 lần so với thời điểm năm 2011.

Tổng vốn hoạt động của LHHTX[[8]](#footnote-8) năm 2020 ước đạt 588 tỷ đồng, tăng 407 tỷ đồng (tương đương 225%) so với năm 2011. Tổng giá trị tài sản của LHHTX[[9]](#footnote-9) ước đạt 187,4 tỷ đồng, tăng 170,5 tỷ đồng (tương đương tăng 10 lần) so với năm 2011. Doanh thu bình quân của một LH HTX[[10]](#footnote-10) ước năm 2020 đạt 13.181 triệu đồng, tăng 12.707 triệu đồng (tăng hơn 26 lần) so với thời điểm năm 2011, tốc độ tăng trưởng bình quân là 44,67%/năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong khí đó, lãi bình quân của một LH HTX tăng lên gấp nhiều lần, từ 21,67 triệu đồng năm 2011 lên 430 triệu đồng năm 2020.

Đa số các LH HTX tổ chức theo mô hình vừa quản lý, vừa điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành, Hội đồng quản trị có từ 7-9 thành viên; Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, giám sát các hoạt động theo điều lệ của LH HTX. Đối với các liên hiệp chỉ có thành viên là HTX thì liên hiệp chịu trách nhiệm thu gom, tiêu thụ nông sản cho thành viên các HTX thành viên thông qua các hợp đồng ký kết với các đối tác; bên cạnh đó, nhiều liên hiệp được thành lập trên cơ sở doanh nghiệp đứng ra hỗ trợ thành lập để phục vụ việc hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, doanh nghiệp ký hợp đồng với liên hiệp như một đối tác làm ăn lâu dài. Đối với liên hiệp có thành viên là doanh nghiệp thì doanh nghiệp trực tiếp ký hợp đồng cung ứng vật tư hoặc tiêu thụ sản phẩm với từng HTX thành viên.

Cũng xuất phát từ những hạn chế, khó khăn chung của các HTX thành viên, các LH HTX có những tồn tại, hạn chế về vốn để hoạt động, quy mô sản xuất còn nhỏ, chưa xây dựng được các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hiệu quả, sự hạn chế về trình độ quản lý cũng như sự gắn bó của các thành viên là cán bộ, lãnh đạo chưa cao; việc liên kết thống nhất giữa các HTX thành viên trong sản xuất sản phẩm số lượng lớn chưa đáp ứng được, còn thiếu những quy hoạch, định hướng, kế hoạch cụ thể cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

**2. Tình hình phát triển KTTT theo ngành, lĩnh vực**

Ước thực hiện năm 2020, cả nước có khoảng 26.112 HTX, trong đó có 17.462 HTX nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và 8.650 HTX phi nông nghiệp (chi tiết theo hình 1).

Hình 1: Tỷ trọng HTX theo ngành, lĩnh vực (năm 2020)

*1.2.1. HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, diêm nghiệp*

Ước năm 2020, cả nước có 17.462 HTX nông nghiệp (HTX NN), tăng hơn 6.233 HTX (khoảng 55,5%) so với năm 2011; thu hút trên 3,7 triệu thành viên, trung bình 216 thành viên/HTX (giảm so với thời điểm 31/12/2011 là 5.594.792 thành viên do các hợp tác xã đông thành viên thực hiện củng cố lại thành viên, còn các HTX mới thành lập ít thành viên).

Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của HTX trong nông nghiệp là 15.200,25 tỷ đồng. Doanh thu bình quân của HTX trong nông nghiệp là 2.441,36 triệu đồng; lãi bình quân của 01 HTX trong nông nghiệp là 382,6 triệu đồng; thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX trong nông nghiệp (dự kiến đến 31/12/2020) là 40,45 triệu đồng/năm; 3,4 triệu đồng/người/tháng; tăng so với thời điểm 31/12/2011 là 21,14 triệu đồng.

Số lượng cán bộ quản lý HTX trong nông nghiệp đến năm 2020 là 67.122 người, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ, trung cấp là 15.454 người; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 15.816 người; chưa qua đào tạo 35.852 người; số cán bộ HTX trong nông nghiệp được hỗ trợ bảo hiểm xã hội là 14.812 người.

Các HTX nông nghiệp đang thực hiện theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, nhất là đảm bảo số lượng thành viên theo quy định; cơ cấu bộ máy không ngừng được củng cố, kiện toàn; nhiều HTX thu hút các cán bộ trẻ, có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc. Các HTX ngày càng chú trọng thực hiện liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp cung ứng đầu vào và tiêu thụ đầu ra, đặc biệt trên các ngành hàng chủ lực.

Các HTX nông nghiệp có vai trò rất lớn đối với cộng đồng nông thôn thông qua việc tham gia các hoạt động kinh tế và xã hội như: cung ứng dịch vụ hỗ trợ sản xuất cho thành viên (bơm tát nước, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư đầu vào, kỹ thuật, thu hoạch, bao tiêu…), thúc đẩy kinh tế hộ phát triển (từng hộ riêng lẻ thông qua HTX tập hợp thành số lượng lớn, tạo lợi thế về quy mô, vị thế thương mại trên thị trường tốt hơn, loại bỏ sự ép giá từ các bên), tạo việc làm thường xuyên hơn đối với lao động nông thôn. Thông qua HTX nông nghiệp mà các thành viên có thể tương trợ, giúp đỡ được cho nhau, tự cứu được lấy mình, họ cùng được hưởng những quyền lợi từ HTX nông nghiệp vừa với tư cách là chủ sở hữu (được quyền tham gia biểu quyết, quyết định các chính sách kinh doanh của HTX nông nghiệp thông qua các bộ máy, cơ quan lãnh đạo để HTX nông nghiệp ngày càng phục vụ họ đắc lực và tốt hơn…), vừa là người sử dụng dịch vụ của HTX.

Thực tiễn cho thấy, HTX là hình thức tổ chức sản xuất tốt nhất để khắc phục tình trạng sản xuất manh mún nhỏ lẻ, tập trung nguồn lực, đặc biệt tập trung đất đai để sản xuất lớn. Trong chương trình MTQG về Xây dựng NTM, HTX hoạt động theo Luật Hợp tác xã là một phần tiêu chí đo lường tiêu chí tổ chức sản xuất (tiêu chí thứ 13), là mục tiêu đối với các xã khi thực hiện các tiêu chuẩn đạt xã NTM. Tuy nhiên, bên cạnh đó, xét trên tổng thể, HTX chính là phương tiện để hỗ trợ người nông dân sản xuất kinh doanh trên tư liệu sản xuất và vốn của mình một cách hiệu quả hơn đồng thời tạo việc làm và nâng cao thu nhập và giảm nghèo, góp phần thực hiện tốt tiêu chí thu nhập (tiêu chí thứ 10), hộ nghèo (11) và lao động có việc làm (12). HTX nông nghiệp không chỉ hỗ trợ kinh tế hộ nông dân mà còn là trung gian tiếp nhận sự hỗ trợ của nhà nước đối với nông dân.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, các HTX còn gặp rất nhiều khó khăn, đa số các HTX có ít nguồn vốn để hoạt động, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết, sức cạnh tranh kém; khả năng huy động vốn của các thành viên rất hạn chế, khó vay vốn từ ngân hàng; trình độ cán bộ HTX còn rất hạn chế, chưa thực sự năng động trong cơ chế thị trường hiện nay. Việc liên kết, liên doanh giữa HTX với HTX và doanh nghiệp, giữa HTX với các thành viên kinh tế khác còn ít, hiệu quả chưa cao. Chưa có nhiều Doanh nghiệp tham gia liên doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các HTX. Ngoài ra, các thành viên còn chưa thể hiện vai trò, trách nhiệm của mình đối với các hoạt động và chưa vì sự tồn tại và phát triển của HTX. Các HTX cũng chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường. Lợi ích kinh tế trực tiếp do HTX mang lại cho thành viên chưa nhiều.

*1.2.2. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp*

Ước năm 2020, cả nước có 8.650 HTX phi nông nghiệp, tăng 1.254 HTX so với năm 2011 (tương đương 16,9%). Các HTX phi nông nghiệp bao gồm: 1.182 Quỹ Tín dụng nhân dân, 2.319 HTX Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, 2.225 HTX thương mại – dịch vụ, 1.700 HTX Giao thông Vận tải, 1.075 HTX Xây dựng, 149 HTX trong lĩnh vực khác. Các HTX trong lĩnh vực phi nông nghiệp phát triển cả về quy mô, chất lượng, tổ chức sản xuất đa dạng ngành nghề, tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả đạt từ 50%- 83%; phần lớn các HTX có liên kết với doanh nghiệp, chuỗi giá trị thị trường trong nước, nhiều HTX có sản phẩm xuất khẩu. Cụ thể như sau:

a) HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Ước năm 2020, ngành Công Thương cả nước có khoảng 4.544 HTX. Cụ thể các HTX hoạt động theo lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN): toàn quốc có khoảng 2.319 HTX lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, giảm 380 HTX (tương đương giảm 14%) so với năm 2011. Doanh thu bình quân đạt 4,088 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 324 triệu đồng; thu nhập bình quân của một lao động thường xuyên trong HTX ước đạt 47 triệu đồng/người (tăng gần gấp đôi so với năm 2011). Các HTX tập trung chủ yếu vào các ngành nghề như: chế biến nông, lâm, thủy sản; gốm, gỗ mỹ nghệ; mây tre lá đan lát; dệt, may, thêu; cơ khí, chế tạo; sản xuất hàng tiêu dùng…. Trong những năm gần đây, các HTX đã chú trọng huy động các nguồn lực đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hoàn thiện tổ chức sản xuất và quản lý. Nhiều HTX đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, xây dựng và quảng bá thương hiệu để chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Lĩnh vực thương mại - dịch vụ (TM-DV): cả nước ước có 1.944 HTX, tăng 641 HTX (tương đương tăng 49%) so với năm 2011, đạt mức tăng bình quân khoảng 9%/năm và 5 liên hiệp HTX. HTX lĩnh vực thương mại – dịch vụ tập trung 12 liên hiệp hợp tác xã, chủ yếu ở khu vực phía Bắc và khu vực miền Nam (vùng Đông Nam Bộ), tăng 5 LHHTX so với năm 2011. Một số tỉnh có số HTX thương mại lớn như Hà Nội (227 HTX), Hải Dương (110 HTX); TP Hồ Chí Minh (101 HTX)… Ngoài ra, còn nhiều HTX trong các ngành khác có hoạt động thương mại, dịch vụ, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực HTX nông nghiệp.

Trong lĩnh vực thương mại, các HTX hoạt động chủ yếu là kinh doanh bách hóa tổng hợp, vật tư, thiết bị nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, quản lý và kinh doanh chợ, cung cấp dịch vụ công cộng. Nhìn chung các HTX TM-DV vẫn duy trì hoạt động, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ. Các HTX TM-DV ở thành thị mở rộng kinh doanh dịch vụ, các HTX TM ở nông thôn hoạt động đa chức năng, bám sát nhu cầu của người sản xuất và tiêu dùng, tăng cường hoạt động đại lý, dịch vụ. Các HTX TM đã góp phần phục vụ sản xuất, bình ổn giá cả thị trường, đẩy mạnh hoạt động đưa hàng Việt về nông thôn.

Các HTX quản lý, kinh doanh, khai thác chợ và HTX dịch vụ công cộng hoạt động khá tốt. Trong giai đoạn này các HTX đã tiếp tục thực hiện liên doanh, liên kết với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác (công ty tư nhân, TNHH...), bước đầu mang lại hiệu quả nhất định.

Tại địa bàn thành thị, ở các thành phố lớn, bên cạnh các HTX được tổ chức theo hình thức HTX tiêu thụ, nổi lên việc phát triển các Liên hiệp HTXTM với phương thức kinh doanh tiên tiến, hiện đại (siêu thị, liên kết kinh doanh theo chuỗi, quan tâm các dịch vụ chăm sóc khách hàng...) và kinh doanh có hiệu quả, có khả năng cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Mô hình trên đây đã và đang phát triển mạnh ở thành phố Hồ Chí Minh và đang phát triển ở Hà Nội. Các siêu thị trong hệ thống Liên hiệp HTX TM-DV không chỉ phát triển trên địa bàn một tỉnh mà đang lan toả sang các tỉnh khác, ở phía Bắc là Thái Bình, Thanh Hoá, ở phía Nam là Cần Thơ, Bình Định… Tại các thành phố, thị xã khác đang hình thành và phát triển các HTXTM kinh doanh tổng hợp.

Các HTX đầu tư, kinh doanh và quản lý chợ tiếp tục phát triển và đã đạt được một số kết quả cả về kinh tế lẫn xã hội. So với hình thức tổ chức theo mô hình Ban Quản lý chợ hay tổ quản lý chợ, HTX kinh doanh và quản lý chợ đạt hiệu quả cao hơn. Số lượng HTX quản lý, kinh doanh, khai thác chợ liên tục tăng trong thời gian qua, cụ thể: Năm 2014 số lượng HTX kinh doanh, khai thác quản lý chợ là 292 HTX, đến năm 2015 là 312 HTX tăng 6,85%, đến năm 2016 tăng lên 403 HTX đạt tỷ lệ tăng đến 29,17% và đến năm 2017 tăng 24,8% so với năm trước đạt 503 HTX kinh doanh, khai thác quản lý chợ.

- Lĩnh vực điện năng: Trong giai đoạn 2011-2020, thực hiện chủ trương về bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn cho ngành điện quản lý và bán điện trực tiếp đến các hộ dân sử dụng điện, nhiều địa phương đã dần thực hiện bàn giao các HTX hoạt động không hiệu quả, không đảm bảo các quy định về kinh doanh bán điện sang các Công ty điện lực quản lý thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Đến năm 2020 có khoảng 21/63 tỉnh thành có HTX kinh doanh điện năng, với khoảng 281 HTX. Hầu hết các HTX này đều thực hiện việc chuyển đổi, đăng ký lại HTX theo Luật HTX năm 2012. Đóng góp của khu vực KTTT, HTX vào GDP các địa phương hiện nay trung bình khoảng 0,06%, giảm khoảng 0,04% so với thời điểm 31/12/2011.

Tuy nhiên, do năng lực nội tại của nhiều HTX còn yếu, quy mô nhỏ, lúng túng trong điều hành và định hướng kinh doanh; mức độ liên kết giữa các HTX và giữa HTX với doanh nghiệp thấp, chưa tạo được nhiều liên kết dọc từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản trị còn yếu và tâm lý chung của cán bộ HTX không muốn làm việc lâu dài cho HTX do thu nhập thấp, thiếu ổn định. Lao động có trình độ, tay nghề cao trong các HTX đang dần bị thu hút sang các loại hình kinh doanh khác có sức hấp dẫn hơn về tiền lương và chế độ phúc lợi nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

Đối với một số HTX hoạt động trong lĩnh vực điện năng hiệu quả kinh doanh còn thấp, chênh lệch giữa chi phí mua điện và bán điện chỉ đủ trả chi phí cho đội ngủ quản lý vận hành và chi phí quản lý; lợi nhuận rất ít không đủ để trích khấu hao để sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới hoặc khắc phục sự cố do thiên tai, bão lũ gây ra. Việc HTX tự bỏ vốn ra đầu tư mới còn rất hạn chế hoặc không có khả năng đầu tư mới. Đa số các HTX hoạt động với quy mô nhỏ lẻ, lực lượng lao động kỹ thuật và cán bộ quản lý rất hạn chế, còn yếu trong công tác quản lý vận hành và xử lý khi sự cố xảy ra; không thu hút được các nguồn lực về con người, vốn đầu tư, công nghệ để đổi mới và phát triển.

b) HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng

 Năm 2020, tổng số hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực xây dựng ước đạt: 1.075 hợp tác xã, tăng 610 hợp tác xã (khoảng 76%) so với thời điểm 31/12/2011. Số lượng hợp tác xã tăng không nhiều so với thời điểm năm 2011, do số lượng thành lập mới đạt thấp, trong khi đó nhiều hợp tác xã gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, hoạt động kém hiệu quả đã thực hiện giải thể; một số hợp tác xã thực hiện chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp. Các tỉnh có nhiều hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (Cao Bằng: 126 HTX, Hà Giang: 72 HTX, Lai Châu: 119 HTX).

Tổng số thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ước đạt: 8.048 người, tăng 4.664 người so với thời điểm 31/12/2011. Số lao động làm việc trong các HTX ước đến 31/12/2020: 26.480 người, tăng 17.332 người so với thời điểm 31/12/2011. Tổng vốn hoạt động của các hợp tác xã ước đạt: 1.019.858 triệu đồng; tổng giá trị tài sản: 13.315.831 triệu đồng. Doanh thu bình quân của một của HTX ước đạt: 5,3 tỷ đồng/năm, tăng 2.005 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2011; thu nhập bình quân của thành viên, lao động của hợp tác xã ước đạt: 48 triệu đồng/năm, tăng 22,7 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2011.

HTX xây dựng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, nhận thầu thi công các công trình có quy mô nhỏ, chủ yếu là tạo việc làm và tu nhập cho thành viên. Trong thời gian qua, các HTX xây dựng đã liên tục đổi mới về phương thức tổ chức và hoạt động, từng bước phát triển ổn định; đảm bảo tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tạo chỗ dựa vững chắc cho thành viên. Nhiều HTX liên kết với nhay và với các doanh nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh trong việc nhận thầu thi công công trình, mang lại hiệu quả kinh tế cao, thể hiện vai trò trong phát triển các công trình kết cấu hạ tầng tại địa phương.

Tuy nhiên, các HTX xây dựng phần lớn là hoạt động với vai trò nhà thầu xây lắp, nhận thi công các công trình đơn lẻ, manh mún nên thường gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm, chủ yếu hoạt động thời vụ, tính chủ động trong xây dựng kế hoạch không cao nên hiệu quả hoạt động thấp, chưa đáp ứng nhu cầu, lợi ích cho thành viên.

c) HTX hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải

 Tính đến tháng 6/2020 trong lĩnh vực giao thông vận tải có khoảng 1.700 HTX vận tải (đường bộ có 1.499 HTX, hàng hải có 7 HTX, còn lại là đường thủy nội địa), trong đó đang hoạt động khoảng 1.600 HTX, số lượng HTX thành lập mới chủ yếu là HTX lĩnh vực đường bộ. Tổng số thành viên của HTX khoảng 40.000 người, trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào HTX khoảng 10.000 người (chủ yếu là HTX vận tải đường bộ); số thành viên là cá nhân trên 22.000 người; số thành viên là đại diện hộ gia đình trên 3.000 người.

Doanh thu bình quân một HTX 6 tháng đầu năm 2020 khoảng 400 triệu đồng, giảm nhiều so với các năm do ảnh hưởng của dịch Covid.

Số lượng cán bộ quản lý HTX khoảng 1.800 người, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ đại học khoảng 900 người; sơ, trung cấp trên 700 người.

Số lượng các HTX đã tăng dần qua các năm và chất lượng hoạt động cũng ngày càng được đổi mới, phát triển. Đặc biệt là các HTX vận tải đường bộ, việc ứng dụng khoa học công nghệ đã thúc đẩy sự hình thành các HTX vận tải với số lượng kết nối thành viên HTX lên đến hàng chục nghìn thành viên và phương tiện tham gia hoạt động. Các HTX vận tải đã đóng góp một phần đáng kể vào việc đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá, hành khách của toàn xã hội.

Số lượng phương tiện đầu tư mới của các HTX vận tải tăng nhanh, đặc biệt từ năm 2014 đến nay, do tác động tích cực của việc ứng dụng công nghệ trong dịch vụ vận tải, các HTX đã tăng mạnh về số thành viên và đầu phương tiện tham gia kinh doanh vận tải trong lĩnh vực đường bộ. Đội ngũ nhân lực của các HTX cũng ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng các điều kiện trong kinh doanh vận tải.

 Tuy nhiên, các HTX giao thông vận tải có mô hình tổ chức chưa chặt chẽ, chủ yếu là dịch vụ hỗ trợ, không quản lý tập trung (nhiều HTX vận tải thủy không sở hữu phương tiện), cam kết giữa các thành viên mang tính hình thức nên hiệu quả quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh không cao. Cán bộ quản lý HTX cón yếu, chưa được đào tạo bài bản nên việc quản lý kém hiệu quả.

d) HTX hoạt động trong lĩnh vực tín dụng

Đến 31/03/2020, toàn hệ thống QTDND có 1.182 Quỹ, hoạt động trên 57 tỉnh, thành phố. So với thời điểm 31/12/2011, số QTDND tăng 87 Quỹ.

Số thành viên tham gia QTDND đến 31/03/2020 là 1.750.371 thành viên (bình quân 1.480 thành viên/Quỹ), tăng 192.553 thành viên so với thời điểm 31/12/2011.

Đến 31/3/2020, tổng nguồn vốn của các QTDND 131.446,7 tỷ đồng, tăng 288,1% so với 31/12/2011 (97.578,6 tỷ đồng); Tổng dư nợ đến 31/3/2019 đạt 98.248,4 tỷ đồng, tăng 242,8% so với 31/12/2011 (69.590,6 tỷ đồng), chiếm 74,7% tổng nguồn vốn hoạt động; Tỷ lệ nợ xấu đến 31/3/2020 là 1,19%; 31/12/2011 là 0,6%.

Hệ thống TCTD hợp tác thời gian qua đã được củng cố, phát triển trên cơ sở mô hình KTTT, góp phần tích cực vào việc tạo nguồn vốn phục vụ thành viên phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, hỗ trợ tích cực công cuộc xóa đói, giảm nghèo theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đến 31/3/2020, hoạt động của hệ thống QTDND cơ bản vẫn được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Các QTDND phát huy được ưu thế riêng trong công tác huy động vốn, cho vay trên địa bàn hoạt động của Quỹ; uy tín của QTDND tiếp tục được củng cố, được Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm hỗ trợ và nhân dân tin tưởng. Có thể nói, về cơ bản hầu hết các QTDND đang hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, hỗ trợ cho các thành viên phát triển sản xuất - kinh doanh, dịch vụ.

Tuy nhiên, các QTDND vẫn còn gặp một số khó khăn như: Quy mô hoạt động của các QTDND tương đối nhỏ, không đồng đều; bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát, kiểm toán nội bộ còn yếu, năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ QTDND còn hạn chế. Hoạt động cho vay còn nhiều bất cập, tiềm ẩn rủi ro, hiệu quả hoạt động kinh doanh có xu hướng giảm; hệ thống công nghệ thông tin có bất cập, chưa đáp ứng được công tác thống kê, quản lý, giám sát của QTDND.

***Về Ngân hàng Hợp tác xã***

Đến 31/3/2020, tổng tài sản đạt 35.514,7 tỷ đồng, tăng 191,4% so với năm 2011. Tổng dư nợ cho vay đạt 22.161,2 tỷ đồng, tăng 12.538,3 tỷ đồng (130,3%) so với năm 2011, tỷ lệ nợ xấu 1,59% (thời điểm 2011 là 2,91%).

Kết quả kinh doanh: Đến 31/3/2020, hoạt động kinh doanh của NHHTX có chênh lệch thu nhập lớn hơn chi phí là 55,8 tỷ đồng (năm 2011 là 161,1 tỷ đồng).

Công tác điều hòa vốn đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND): NHHTX có được nguồn vốn từ các QTDND khá cao, đến 31/3/2020 chiếm 69,4% tổng tài sản (thời điểm 31/12/2011 là 29,9%). Đến 31/3/2020, dư nợ cho vay các QTDND thành viên đạt 4.667,2 tỷ đồng (31/12/2011 đạt 3.810,4 tỷ đồng); tỷ trọng dư nợ cho vay QTDND/tổng dư nợ cho vay ở mức thấp 21,1% (thời điểm 31/12/2011 chiếm 39,6%).

Tuy nhiên, Ngân hàng HTX do năng lực tài chính thấp dẫn đến hạn chế khả năng điều hòa vốn và hỗ trợ khả năng thanh khoản cho các QTDND thành viên. Mạng lưới chi nhánh của Ngân hang HTX cón ít nên một số chi nhánh phải phụ trách địa bàn rộng gồm nhiều tỉnh, thành phố; tỷ lệ cho vay ngoài thành viên của Ngân hang HTX còn cao, cơ cấu tín dụng cần phải điều chỉnh theo hướng tập trung chủ yếu phục vụ cho các QTDND thành viên…

đ) HTX hoạt động trong các lĩnh vực khác (vệ sinh môi trường, y tế, cung cấp nước sạch, sửa chữa tầu thuyền, công tác thủy lợi,…)

Trong những năm vừa qua, một số mô hình HTX kinh doanh ngành nghề mới như: vệ sinh môi trường, nước sạch, y tế, dịch vụ trường học, nhà ở đã được thành lập tại một số địa phương, đang ngày càng chứng tỏ được vai trò của mình, nhất là ở khu vực nông thôn, nơi chưa có các công ty vệ sinh môi trường, góp phần đáng kể vào công cuộc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại các khu vực này. Uớc thực hiện năm 2020, cả nước có 149 HTX hoạt động trong các lĩnh vực này,

Bên cạnh các HTX dịch vụ môi trường, trong thời gian qua đã xuất hiện mô hình HTX nhà ở, HTX quản lý và cung cấp dịch vụ nhà ở…

**3. Tình hình phát triển HTX theo vùng, lãnh thổ**[[11]](#footnote-11)

3.1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc[[12]](#footnote-12)

Ước năm 2020, Vùng có 6.349 HTX, tăng 2.072 hợp tác xã (khoảng 48%) so với năm 2011; 19 LH HTX, tăng 12 LH HTX so với năm 2011. Tổng số thành viên HTX năm 2020 là 302 nghìn người, giảm 116 nghìn người (khoảng 28%) so với năm 2011. Số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã là 134 nghìn người, tăng 26 nghìn người (khoảng 24%) so với năm 2011. Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng năm 2020 đạt 1.911 triệu đồng/năm (tăng 61 triệu đồng, khoảng 3% so với năm 2011). Lợi nhuận bình quân của một HTX là 212 triệu đồng/năm (tăng 30 triệu đồng, tương đương tăng 18% so với năm 2011); thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX năm 2020 ước đạt 49,5 triệu đồng/năm, tăng 32 triệu đồng (tăng gấp 2 lần) so với năm 2011.

Một số HTX trong vùng đã thực sự hoạt động theo mô hình HTX kiểu mới, sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, từ sự liên kết chặt chẽ giữa các HTX với các thành viên, hộ gia đình để có sản phẩm đầu vào ổn định đến chế biến và liên kết với doanh nghiệp để xuất khẩu các sản phẩm của HTX. Tại các địa phương đã xuất hiện nhiều mô hình HTX hoạt động hiệu quả như: Hợp tác xã quế hồi Việt Nam (Trấn Yên, Yên Bái); Hợp tác xã Chè Tân Hương (Thái Nguyên); Hợp tác xã Mỳ gạo Hùng Lô (Phú Thọ); Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Hoa Phong (Đông Triều, Quảng Ninh)... Các HTX mới thành lập hoạt động có hiệu quả và việc thành lập HTX cơ bản đều xuất phát từ nhu cầu thực tế và nguyện vọng của người dân, có phương án sản xuất, kinh doanh cụ thể, rõ ràng hơn, đáp ứng được nhu cầu thực tế của thành viên và người dân địa phương.

3.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng[[13]](#footnote-13)

 Ước năm 2020, Vùng Đồng bằng sông Hồng có 7.392 HTX, tăng 1.175 hợp tác xã (khoảng 19%) so với năm 2011; 28 LH HTX, tăng 17 LH HTX so với năm 2011. Tổng số thành viên HTX năm 2020 là 2,874 triệu người, giảm 1,256 triệu người (khoảng 30%) so với năm 2011. Số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã là 546 nghìn người, giảm 260 nghìn người (khoảng 32%) so với năm 2011. Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng năm 2020 đạt 2.692 triệu đồng/năm, tăng 961 triệu đồng (khoảng 55%) so với năm 2011. Lợi nhuận bình quân của một HTX là 185 triệu đồng/năm (tăng 87 triệu đồng, tương đương tăng 89% so với năm 2011); thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX năm 2020 ước đạt 48,8 triệu đồng/năm, tăng 30 triệu đồng (tương đương 154%) so với năm 2011.

 Có thể nói, số lượng HTX tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng khá lớn, chiếm khoảng 28,3% số lượng HTX của cả nước. Các HTX trong Vùng có liên kết với doanh nghiệp, thực hiện các chuỗi sản xuất - tiêu thụ nông sản; HTX cung cấp dịch vụ, vật tư đầu vào, tổ chức sản xuất. Một số HTX đã xây dựng được chuỗi khép kín như HTX nông trại xanh Ba Vì, HTX Hoàng Long, HTX Phú Mỹ (TP Hà Nội),... Các HTX đang từng bước trở thành nhân tố mới, tích cực tham gia và có nhiều đóng góp trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

3.3. Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung[[14]](#footnote-14)

 Ước năm 2020, toàn Vùng có 5.890 HTX, tăng 1.473 hợp tác xã (tương đương 33%) so với năm 2011; 18 LH HTX, tăng 12 LH HTX (tăng gấp 2 lần) so với năm 2011. Tổng số thành viên HTX năm 2020 là 2,008 triệu người, giảm 701 nghìn người (khoảng 26%) so với năm 2011. Số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã là 232 nghìn người, giảm 130 nghìn người (khoảng 36%) so với năm 2011. Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng năm 2020 đạt 2.692 triệu đồng/năm, tăng 1.004 triệu đồng (khoảng 60%) so với năm 2011. Lợi nhuận bình quân của một HTX là 215 triệu đồng/năm (tăng 87 triệu đồng, tương đương tăng 68% so với năm 2011). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX năm 2020 ước đạt 42 triệu đồng/năm, tăng 20 triệu đồng (tương đương 94%) so với năm 2011.

Các địa phương đã chủ động xây dựng các mô hình HTX sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm nông nghiệp chủ lực của từng địa phương. Nhiều hợp tác xã trong vùng đã ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, cơ giới hóa nông nghiệp điển hình như HTX Bình Đào, huyện Thăng Bình, Quảng Nam (Tập trung ruộng đất làm cánh đồng mẫu lớn). Các hợp tác xã hoạt động hiệu quả sản phẩm thường gắn với các mặt hàng chủ lực tại các địa phương như: HTX nông nghiệp Cát Tài với sản phẩm đậu phộng và HTX nông nghiệp Ngọc An sản phẩm dầu dừa của tỉnh Quảng Nam; HTX Mây tre đan An Khê Thành phố Đà Nẵng ... Các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như của các tỉnh về kinh tế tập thể đã được quan tâm cụ thể hóa bằng các văn bản và được tổ chức triển khai thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX phát huy năng lực nội tại, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số hợp tác xã hoạt động hiệu quả đã biết phát huy nội lực, tranh thủ các điều kiện để phát triển sản xuất mang lại thu nhập ổn định cho một bộ phận lao động tại địa phương.

3.4. Vùng Tây Nguyên[[15]](#footnote-15)

 Theo báo cáo, ước năm 2020 toàn Vùng có 1.620 HTX, tăng 852 hợp tác xã (tương đương 111%) so với năm 2011; 15 LH HTX, tăng 11 LH HTX (tăng gấp gần 3 lần) so với năm 2011. Tổng số thành viên HTX năm 2020 khoảng 168 nghìn người, giảm 8,7 nghìn người (khoảng 5%) so với năm 2011. Số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã là 32 nghìn người, tăng 2,3 nghìn người (khoảng 8%) so với năm 2011. Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng năm 2020 đạt 5.687 triệu đồng/năm, tăng 4.945 triệu đồng (tăng khoảng 6,7 lần) so với năm 2011. Lợi nhuận bình quân của một HTX năm 2020 ước đạt 257 triệu đồng/năm (tăng 156 triệu đồng, tương đương tăng 155% so với năm 2011). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX năm 2020 ước đạt 52 triệu đồng/năm, tăng 35 triệu đồng (tăng 2 lần) so với năm 2011.

 Khu vực KTTT vùng Tây Nguyên mặc dù có nhiều khó khăn, số lượng HTX còn hạn chế, doanh thu của các HTX giảm nhưng với tinh thần chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành, các HTX tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh, giải quyết công văn việc làm cho nông dân, tích cực giảm chi phí đầu vào. Các hợp tác xã đã dần hình thành và tham gia vào chuỗi giá trị, điển hình một số HTX đã có sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc (HTX Công Bằng Thuận An, Hợp tác xã Tia Sáng tỉnh Đắk Nông; HTX nông nghiệp dịch vụ công bằng Ea Kiết tỉnh Đắk Lắk và tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm toàn cầu, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi như HTX Đồng Tiến tỉnh Đắk Nông.

3.5. Vùng Đông Nam Bộ[[16]](#footnote-16)

 Theo báo cáo của các địa phương, ước năm 2020 toàn Vùng Đông Nam Bộ có 1.824 HTX, tăng 731 HTX (tương đương 67%) so với năm 2011; 10 LH HTX, giảm 03 LH HTX so với năm 2011. Tổng số thành viên HTX năm 2020 khoảng 268 nghìn người, tăng 66 nghìn người (khoảng 33%) so với năm 2011. Số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 60,5 nghìn người, tăng 16,5 nghìn người (khoảng 37%) so với năm 2011. Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng năm 2020 dẫn đầu các vùng trong cả nước, đạt 7.928 triệu đồng/năm, tăng 5.006 triệu đồng (tương đương 171%) so với năm 2011. Lợi nhuận bình quân của một HTX năm 2020 ước đạt 531 triệu đồng/năm (tăng 286 triệu đồng, tương đương tăng 116% so với năm 2011). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX năm 2020 ước đạt 63,8 triệu đồng/năm, tăng 42 triệu đồng (tương đương 187%) so với năm 2011.

Vùng Đông Nam Bộ có số lượng hợp tác xã ở mức trung bình so với các vùng, miền khác trong cả nước. Tuy nhiên, doanh thu, lợi nhuận và thu nhập đem lại cho người lao động cũng như lợi ích cho thành viên hợp tác xã luôn đạt ở mức cao so với mức trung bình của cả nước. Các hợp tác xã của Vùng từng bước khẳng định thương hiệu, sản phẩm có chất lượng, tiêu chuẩn chủ yếu tập trung ở các hợp tác xã nông nghiệp, chuyên về cây ăn trái hoặc hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, như: HTX Nhuận Đức, HTX Ngã Ba Giòng, TP Hồ Chí Minh; HTX Evergreen Ninh Thuận; HTX Bầu Mây, HTX Ca cao hữu cơ Châu Đức (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); đặc biệt có LH HTX Thương mại TP Hồ Chí Minh (Saigon Coop) là liên hiệp hoạt động hiệu quả bền vững.

3.6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long[[17]](#footnote-17)

 Ước năm 2020, toàn Vùng có 3.037 HTX, tăng 1.184 HTX (tương đương 64%) so với năm 2011; 10 LH HTX, giảm 01 LH HTX so với năm 2011. Tổng số thành viên HTX năm 2020 khoảng 540 nghìn người, tăng 79 nghìn người (tương đương 17%) so với năm 2011. Số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã khoảng 128 nghìn người, tăng 46 nghìn người (khoảng 57%) so với năm 2011. Doanh thu bình quân của một HTX trong vùng năm 2020 ước đạt 5.412 triệu đồng/năm, tăng 2.151 triệu đồng (tương đương 66%) so với năm 2011. Lợi nhuận bình quân của một HTX năm 2020 ước đạt 485 triệu đồng/năm (tăng 300 triệu đồng, tương đương tăng 163% so với năm 2011). Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX năm 2020 ước đạt 528 triệu đồng/năm, tăng 30 triệu đồng (tương đương 142%) so với năm 2011.

Vùng Đồng bằng song Cửu Long có số lượng HTX đứng thứ 3 trong 6 vùng kinh tế với trên 70% là HTX nông nghiệp, tình hình phát triển KTTT, HTX của vùng khá ổn định. Số lượng các HTX tăng, hiệu quả hoạt động của các HTX có tăng nhưng không nhiều, do ảnh hưởng của thời tiết, thị trường tiêu thụ sản phẩm. HTX của vùng nỗ lực phát triển đa dạng nhiều lĩnh vực, phong phú hơn dịch vụ cung ứng cho thành viên, tham gia liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. Những năm gần đây, vùng xuất hiện nhiều mô hình THT, HTX gắn với chuỗi giá trị, việc liên kết, tham gia chuỗi giá trị trở thành một xu hướng tất yếu để phát triển sản xuất - kinh doanh bền vững, góp phần thiết thực trong an sinh xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm, như: HTX Bưởi da xanh tỉnh Bến Tre; HTX Gò Gòn huyện Tân Hưng, HTX thanh long Tầm Vu, tỉnh Long An; HTX Artemia Vĩnh Châu, HTX Đồng Tiến; HTX NN Mỹ Châu, HTX Xoài Cát Chu An Lộc, HTX dừa sáp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; HTX vận tải Đảo Ngọc Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

*Nhìn chung,* hoạt động khu vực KTTT, HTX phát triển cả về số lượng, chất lượng, đặc biệt kể từ năm 2012, sau khi Luật HTX năm 2012 được Quốc hội thông qua và Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2013 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khu vực KTTT, HTX đã có chuyển biến mạnh mẽ, thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài của giai đoạn trước đó.

Từ năm 2016 trở lại đây, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, ban hành nhiều quyết sách quan trọng trong công tác chỉ đạo phát triển KTTT, HTX. Nhiều HTX tổ chức lại làm ăn có lãi, tham gia vào chuỗi giá trị trong phạm vi trong nước và quốc tế, đặc biệt là hỗ trợ cho hơn 6 triệu thành viên trong sản xuất kinh doanh, xây dựng liên kết mới trong nông nghiệp, cùng với doanh nghiệp tạo ra diện mạo nông thôn mới, thoát nghèo bền vững, ổn định kinh tế - xã hội. Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX đã chỉ đạo quyết liệt các địa phương đẩy mạnh phát triển KTTT, HTX; các cấp ủy đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm, vào cuộc, tập trung nỗ lực, cố gắng nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật HTX năm 2012 và Chỉ đạo của Bộ Chính trị. Cụ thể là, trên cơ sở Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020; Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã đẩy mạnh thu hút đầu tư vào nông nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu, xây dựng vùng nguyên liệu; tổ chức triển khai Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tạo ra “*sân chơi*” cho các HTX phát triển, đặc biệt là các HTX nông nghiệp. Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo đã tổ chức các Diễn đàn để hỗ trợ phát triển KTTT[[18]](#footnote-18). Nhờ đó, khu vực KTTT, HTX đã được tạo điều kiện để phát triển cả về số lượng và chất lượng, số lượng HTX tăng theo từng năm, phát triển trên khắp các vùng miền, chất lượng hoạt động được nâng lên; tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả chiếm 58% trong tổng số HTX (55% đối với các HTX nông nghiệp, khoảng từ 50%- 83% với các HTX phi nông nghiệp). Các HTX hỗ trợ kinh tế hộ thành viên, tạo việc làm và thu nhập cho thành viên và người lao động, góp phần phát kinh tế - xã hội đất nước.

Về cơ bản các HTX dần hoạt động theo Luật Hợp tác xã; hoạt động hướng về thành viên, mang lại lợi ích cho thành viên, thành viên gắn bó với hợp tác xã hơn. Các HTX phát triển đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, đã phát triển được một số HTX trên một số ngành, nghề, lĩnh vực mới như y tế, giáo dục, môi trường, khoa học, công nghệ. HTX là một chủ thể quan trọng trong cung cấp dịch vụ và kết nối sản xuất cho hàng chục triệu hộ gia đình để tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao, gắn kết với doanh nghiệp trong tiêu thụ, chế biến.

Năm 2020, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Kết luận số 70-KL/TW ngày ngày 09/3/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể nhằm tiếp tục nhấn mạnh vai trò và vị trí của lĩnh vực này trong phát triển kinh tế chung của cả nước. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 về **Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW, theo đó, từng bộ, ngành, địa phương đã được giao những nhiệm vụ cụ thể để tháo gỡ những khó khăn, hỗ trợ và thúc đẩy kinh tế tập thể, hợp tác xã ngày càng phát triển hơn.**

**II. KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VÀ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU VỰC KTTT, HTX**

1. **Khung khổ pháp lý**

 ***1.1. Giai đoạn từ 2011-2012***

Thời kỳ này là thời kỳ triển khai thi hànhLuật Hợp tác xã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ IV- khóa XI ngày 26/11/2003 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2004. Luật hợp tác xã năm 2003 cùng các Nghị định, Thông tư, văn bản khác hướng dẫn thực hiện Luật đã tạo hành lang pháp lý rõ ràng, khá đồng bộ, cụ thể, thuận lợi cho hợp tác xã phát triển, bước đầu góp phần tạo bước chuyển biến trong nhận thức của các tầng lớp nhân dân về mô hình tổ chức hợp tác xã, theo đó hợp tác xã trở thành mô hình liên kết sản xuất, tương trợ nhau để cùng phát triển, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, trong điều kiện cơ chế kinh tế thị trường. Đã có 8 Nghị định của Chính phủ, 8 Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ cùng nhiều Thông tư và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan được ban hành trong thời gian từ 2003 – 2008, do đó thời kỳ 2011-2012 hầu như không có văn bản hướng dẫn nào được ban hành. Đây là thời kỳ đang triển khai xây dựng dự án Luật HTX sửa đổi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo sự phân công của Chính phủ tại Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 09/02/2009.

 ***1.2. Giai đoạn từ 2013-2020***

***-*** *Đối với khu vực tổ hợp tác:* Quốc hội ban hành Bộ Luật Dân sự số 90/2015/QH13 ngày 21/11/2015 thay thế Bộ Luật Dân sự năm 2005, quy định về tổ hợp tác từ Điều 101 - 104 Chương VI, Điều 504 - 512 Chương XVI mục 8. Chính phủ ban hành Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 về THT.

*- Đối với khu vực HTX:*

Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở khắc phục các hạn chế của Luật Hợp tác xã năm 2003, tiếp thu kinh nghiệm phổ biến quốc tế và phù hợp với xu hướng mới phát triển HTX ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức HTX, đã tạo ra khung pháp luật nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển HTX.

 Từ khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực, Chính phủ đã ban hành 02 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật; 28 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 17 Quyết định và 03 Chỉ thị về KTTT, HTX. Các Bộ, ngành đã ban hành 37 Thông tư, 19 Quyết định, 4 Chỉ thị và nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện Luật HTX, các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến lĩnh vực KTTT, HTX[[19]](#footnote-19).

Đặc biệt, trong giai đoạn này, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó quy định xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho các HTX nông nghiệp phát triển, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 có 15.000 HTX và liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; thúc đẩy và nhân rộng các mô hình liên doanh, liên kết có hiệu quả trong nông nghiệp.

Các địa phương đã ban hành nhiều văn bản để thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết, Luật, Nghị định nhằm thực thi trong cuộc sống. Các văn bản của địa phương đã cơ bản bám sát chỉ đạo của Trung ương, tình hình thực tế của địa phương mình và xu hướng phát triển HTX, từng bước tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các HTX. Ngày càng nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc cho các HTX, một số đoàn viên, thanh niên đã đứng ra thành lập HTX và tổ chức hoạt động một cách khoa học, hoạt động hiệu quả. Công tác thi đua khen thưởng, vinh danh các mô hình HTX làm ăn có hiệu quả bước đầu đã có tác động thúc đẩy KTTT phát triển.

 Đến nay, có 53/63 tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, toàn bộ 63/63 tỉnh, thành phố có Quyết định, Chỉ thị, Văn bản của UBND tỉnh về triển khai thi hành Luật Hợp tác xã 2012. Tại 61/63 tỉnh có Kế hoạch, chương trình, đề án nhằm phát triển KTTT, HTX và 42/63 tỉnh, thành phố có chính sách hỗ trợ phát triển KTTT theo đặc thù của địa phương[[20]](#footnote-20). Qua đó cho thấy sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc đẩy mạnh công tác thực thi Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn, góp phần khuyến khích khu vực KTTT, HTX phát triển.

 Sau 07 năm thi hành Luật HTX năm 2012, KTTT với nòng cốt là HTX, bước đầu thể hiện chuyển biến về chất lượng, hiệu quả, chứng tỏ ngày càng rõ nét hơn vai trò quan trọng và có ý nghĩa toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, bước đầu đã có những tín hiệu mới trong công cuộc phát triển phong trào hợp tác xã toàn quốc, thể hiện trên các mặt sau:

 - Luật Hợp tác xã năm 2012 đã thể hiện tư duy mới về mô hình HTX kiểu mới với hạt nhân là “hợp tác”, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt.

 - Các quy định của Luật phù hợp với điều kiện phát triển hợp tác xã tại Việt Nam (số lượng thành viên tối thiểu, số vốn góp tối thiểu, tỷ lệ dịch vụ phục vụ thành viên, điều kiện gia nhập và duy trì tư cách thành viên,…) và tương đồng với quy định về hợp tác xã của Liên minh Hợp tác xã quốc tế.

 - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, về cơ bản đã được Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành để hướng dẫn thi hành Luật. Các địa phương ban hành nhiều văn bản triển khai thi hành Luật và bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển KTTT, HTX tại địa phương. Qua đó cho thấy sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc đẩy mạnh công tác thực thi Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn, góp phần khuyến khích khu vực KTTT, HTX phát triển.

 - Trong quá trình triển khai thực hiện luật, không có những vướng mắc đáng kể về quy định pháp luật, ảnh hưởng đến sự thành lập và phát triển của hợp tác xã, thể hiện rõ rệt trong các mặt sau:

 + Số lượng HTX tăng lên, doanh thu và thu nhập của người lao động trong HTX được cải thiện, từng bước hoạt động ổn định, qua đó, tác động tích cực đến kinh tế hộ thành viên (hiện nay số hộ nông dân tham gia HTX và hưởng lợi từ hợp tác xã chiếm khoảng 50% tổng số hộ nông dân), góp phần thực hiện xoá đói giảm nghèo, ổn định an ninh, chính trị tại cộng đồng.

 + Hoạt động khu vực KTTT, HTX có chuyển biến tích cực về quy mô, công nghệ và thị trường. Quy mô của HTX được thể hiện qua số lượng thành viên và phạm vi hoạt động của HTX. Tuy số lượng thành viên của các HTX giảm đi so với giai đoạn trước nhưng chất lượng thành viên thì cải thiện đáng kể. Nếu giai đoạn trước thành viên tham gia HTX theo mệnh lệnh hành chính, không góp vốn thì giờ đây người dân tham gia HTX trên tinh thần tự nguyện, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm về hoạt động của HTX. Nhiều HTX có phạm vi hoạt động toàn xã, thậm chí toàn huyện.

 + Số lượng các HTX áp dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại vào sản xuất, kinh doanh, tham gia vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ngày càng nhiều, đặc biệt, các HTX nông nghiệp đã hoạt động gắn với các sản phẩm chủ lực của vùng, thực hiện liên kết chuỗi, nhiều HTX liên kết với các siêu thị, doanh nghiệp lớn để mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh. Một số HTX đã chủ động nghiên cứu, mở rộng thị trường, không những trong nước mà còn xuất khẩu.

 + Một số HTX có quy mô lớn, hoạt động rộng trên phạm vi nhiều tỉnh, doanh thu cao hàng trăm tỷ đồng đã xuất hiện tại các địa phương như: HTX Evergrowth (Sóc Trăng), HTX bò sữa Tân Thông Hội (Tp Hồ Chí Minh)... Đây là những mô hình HTX kiểu mới làm ăn có hiệu quả cần được nghiên cứu, đánh giá để nhân rộng.

 Đây là những dấu hiệu đáng mừng, cho thấy KTTT, HTX đang phục hồi và phát triển đúng hướng, chứng minh việc ban hành Luật Hợp tác xã 2012 kịp thời và hoàn toàn đúng đắn. Mô hình hợp tác xã kiểu mới rất phù hợp với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ra, vừa khuyến khích kinh tế cộng đồng thành viên hợp tác xã, vừa tôn trọng và nâng cao vị thế kinh tế hộ thành viên, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường.

 Tuy nhiên, sau hơn 7 năm triển khai, các quy định tại Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật vẫn còn bất cập: Một số văn bản dưới Luật còn ban hành chậm so với yêu cầu[[21]](#footnote-21). Các quy định tại Luật HTX 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật vẫn còn bất cập: Một số quy định còn chưa được hướng dẫn[[22]](#footnote-22) hoặc có hướng dẫn nhưng tính khả thi chưa cao, khó triển khai[[23]](#footnote-23). Một số chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho các HTX chưa thực sự phát huy hiệu quả trong thực tiễn (chính sách ưu đãi tín dụng, thuế, hỗ trợ đất đai, kết cấu hạ tầng, chế biến sản phẩm…).

 **2. Tình hình triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX**

***2.1. Giai đoạn 2011-2012***

Theo Điều 3 của Luật HTX năm 2003, Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, Nhà nước thực hiện các chính sách về đào tạo cán bộ; phát triển nguồn nhân lực; đất đai; tài chính; tín dụng; xây dựng Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX; áp dụng khoa học công nghệ; tiếp thị và mở rộng thị trường; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; tạo điều kiện để HTX được tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Trong giai đoạn 2011-2012, cả nước đã có 3.521 người được cử đi đào tạo với kinh phí khoảng 5,7 tỷ đồng; 65.445 lượt người được bồi dưỡng, nâng cao năng lực với kinh phí khoảng 50,2 tỷ đồng; 328 HTX được hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường với kinh phí khoảng 4,2 tỷ đồng; 2.714 JHTX được hỗ trợ về ứng dụng khoa học công nghệ, ứng dụng mới; 223 HTX được vay từ các tổ chức tín dụng với nguồn vốn vay khoảng 139,8 tỷ đồng; 950 HTX được vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX với kinh phí khoảng 285 tỷ đồng; 86 HTX được tham gia chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương; 1.066 HTX được hỗ trợ thành lập mới với kinh phí 6,6 tỷ đồng; 41 HTX được hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng với kinh phí khoảng 5,2 tỷ đồng; 172 HTX được ưu đãi tín dụng, lhỗ trợ lãi suất vay với kinh phí 76,8 tỷ đồng...

***2.2. Giai đoạn 2013-2020***

Điều 6 Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã, Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 đã quy định nhiều chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Bên cạnh đó còn có các chính sách hỗ trợ khác có liên quan đến KTTT, HTX như chính sách bảo hiểm xã hội, y tế, tài sản, mùa màng, hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã với doanh nghiệp......

Sau khi được quy định tại các văn bản luật, các chính sách hỗ trợ KTTT, HTX được các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai, chủ yếu trong giai đoạn 2015-2020, đã đạt được những kết quả như sau:

***2.2.1. Chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX***

*2.2.1.1. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực*

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm thường xuyên. Từ năm 2013-2020 có hơn 344.000 lượt cán bộ, thành viên HTX được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng (trong đó có gần 20.000 cán bộ hợp tác xã được hỗ trợ đào tạo từ sơ cấp đến đại học) với tổng kinh phí khoảng 323 tỷ đồng (trong đó ngân sách trung ương khoảng 148,9 tỷ đồng). Số lượt người được tham gia đào tạo và bồi dưỡng có xu hướng tăng dần qua các năm. Từ 1.980 lượt người được đào tạo, bồi dưỡng năm 2015 lên 10.899 lượt người năm 2020. Chính sách cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực đã có tác động tích cực trong việc nâng cao trình độ của cán bộ, thành viên HTX. Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX có trình độ cao ngày càng tăng. Ước tính đến năm 2020, tỷ lệ cán bộ đạt trình độ sơ, trung cấp chiếm 44%, số cán bộ đạt trình độ cao đẳng, đại học chiếm 17%.

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng khá đa dạng, đáp ứng được một phần yêu cầu tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương như: Hướng dẫn nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về HTX, các Luật liên quan, các vấn đề về tài chính, kế toán, tổ chức quản lý HTX, hướng dẫn xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh... Các giảng viên được mời từ nhiều nguồn khác nhau tùy theo đối tượng và nội dung bồi dưỡng. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào tổ chức tập huấn, bồi dưỡng dài ngày cấp chứng chỉ, đến các hội thảo, hội nghị, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm, học tập kết hợp thăm quan mô hình, điển hình thực tế… Phương pháp tập huấn linh hoạt, lý luận đi đôi với thực tiễn, gắn thực hành, hướng dẫn trực quan, cầm tay chỉ việc để đem lại hiệu quả cao nhất. Các khóa bồi dưỡng đã góp phần giúp cho cán bộ quản lý trong các HTX cải thiện về công tác tổ chức điều hành, từng bước kinh doanh hiệu quả, cải thiện chất lượng HTX yếu kém, trung bình, nâng số lượng HTX khá giỏi với mô hình HTX đa dạng, ngành nghề kinh doanh phù hợp, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Từ năm 2017, các địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm chính sách thu hút cán bộ trẻ về công tác tại HTX. Một số địa phương đã thực hiện chính sách tăng cường cán bộ chuyên môn cho HTX như: Miễn học phí cho sinh viên đại học theo các ngành kinh tế, kỹ thuật với điều kiện ra trường về làm việc cho các HTX tối thiếu 5 năm; hỗ trợ học phí cho cán bộ, thành viên, con em thành viên của HTX được cử đi học đại học, cao đẳng có cam kết về phục vụ cho HTX tối thiểu 5 năm[[24]](#footnote-24). Một số địa phương đã triển khai thí điểm hỗ trợ có thời hạn đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc ở HTX nông nghiệp, thông qua việc hỗ trợ lương cho cán bộ trẻ có trình độ về làm việc cho HTX trong thời hạn 3-5 năm. Ước giai đoạn 2015-2020 đã triển khai hỗ trợ 74 tỷ đồng tiền lương cho khoảng 2.022 cán bộ kỹ thuật, kế toán về làm việc cho các HTX nông nghiệp.

Tuy nhiên, số lượng cán bộ, thành viên HTX được đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn 2015-2020 còn chiếm tỷ lệ rất thấp (khoảng 4%) so với tổng số khoảng 6 triệu cán bộ, thành viên HTX cả nước, trong khi nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng là rất lớn. Đối tượng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT chưa được đào tạo, bồi dưỡng trong khi đây là nhóm cán bộ có tầm ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển của KTTT, HTX tại các cơ quan, địa phương. Kinh phí bố trí cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế, các định mức theo quy định của Bộ Tài chính còn thấp chưa phù hợp với tình hình thực tế. Chưa có hệ thống đào tạo về KTTT một cách bài bản, thống nhất, chưa thực hiện được việc đưa nội dung phát triển KTTT vào giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Nội dung đào tạo, tập huấn nặng về lý thuyết, ít nội dung về kinh nghiệm thực tiễn của các HTX. Đội ngũ giảng viên chưa chuyên nghiệp, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm.

*2.2.1.2. Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường*

Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hội nhập kinh tế quốc tế, không chỉ giới hạn các HTX sản xuất hàng hóa xuất khẩu hoặc có dự án xúc tiến thương mại mà được mở rộng cho toàn bộ các HTX, LHHTX. Các HTX, LHHTX được thụ hưởng chính sách này chủ yếu thông qua Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia với đầu mối triển khai là Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 171/2014/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ NSNN để thực hiện Chương trình.

Giai đoạn 2013-2020 có khoảng 7.156 HTX được hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường với tổng kinh phí hơn 93tỷ đồng (ngân sách Trung ương đóng góp hơn 37 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 55,6 tỷ đồng).

Từ năm 2011 đến nay, Liên minh HTX Việt Nam làm đơn vị chủ trì thực hiện 10 đề án trong khuôn khổ Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia với kinh phí được phê duyệt khoảng 17,09 tỷ đồng, hỗ trợ cho hơn 800 lượt HTX, doanh nghiệp trên cả nước tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế trong nước và một số thị trường mục tiêu tại nước ngoài như Ý, Đức…, tham gia các khóa đào tạo tập huấn kỹ năng kinh doanh và tiếp cận thị trường trong nước cho các HTX trên địa bàn cả nước. Năm 2020, Liên minh HTX Việt Nam được phê duyệt thực hiện 01 đề án Tổ chức Hội chợ quốc tế sản phẩm của khu vực kinh tế hợp tác, HTX Coop- Expo năm 2020.

Từ đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động xúc tiến thương mại của HTX, doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Các hoạt động xúc tiến thương mại ở nước ngoài hầu hết bị hủy hoặc hoãn vô thời hạn, hoạt động kết nối cung cầu trên thị trường trong nước không thể thực hiện được do quy định giãn cách xã hội và chỉ mới khơi thông trở lại. Để hỗ trợ các HTX, Bộ Công Thương đã chỉ đạo đổi mới phương thức hỗ trợ xúc tiến thương mại, giúp HTX xuất khẩu thích ứng với hoàn cảnh, từng bước tháo gỡ khó khăn, khôi phục sản xuất kinh doanh cho các HTX. Các hoạt động xúc tiến thương mại linh hoạt đó là: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào xúc tiến thương mại để tăng cường kết nối giữa HTX và doanh nghiệp, nhà nhập khẩu, người tiêu dùng, hệ thống tham tán..; xây dựng và ucng cấp cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, HTX xuất nhập khẩu khẩn trương, kịp thời; tổ chức và phối hợp tổ chức giao thương trực tuyến trong và ngoài nước; xây dựng các nền tảng hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kết nối cung cầu và xúc tiến xuất khẩu.

Bộ Công Thương thường xuyên cập nhật, đưa tin về các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm giới thiệu HTX, quảng bá thương hiệu của HTX trên cổng thông tin điện tử của Bộ, Cục Xúc tiến Thương mại. Thông qua các Chương trình, dự án lớn (Chương trình Thương hiệu quốc gia, Chương trình xây dựng thương hiệu ngành thực phẩm Việt Nam, Chương trình tư vấn phát triển thiết kế, phát triển sản phẩm…) đã tạo điều kiện cho HTX quảng bá, giới thiệu sản phẩm hàng hóa đến cộng đồng trong và ngoài nước, tạo cơ hội giao thương, liên kết hợp tác kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến thương mại liên kết vùng, các chương trình đưa hàng Việt Nam về nông thôn, biên giới, hải đảo, góp phần thúc đẩy thương mại, tạo lập kênh phân phối cung cấp sản phẩm thiết yếu cho thị trường trong nước. Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Công Thương đã và đang triển khai Đề án xây dựng, nhân rộng mô hình tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp, trong đó HTX là một trong những chủ thể tham gia tại 34 tinh, thành phố[[25]](#footnote-25).

Tuy nhiên, việc triển khai các nội dung của Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia đến các tổ chức KTTT, HTX còn nhiều hạn chế: Kinh phí bố trí cho các THT, HTX tham gia Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia còn ít, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng số kinh phí được phê duyệt từ Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia (khoảng 2%), tập trung chủ yếu vào các hoạt động xúc tiến thương mại tại địa phương và một số ít đề án hội chợ triển lãm tại nước ngoài. Nhiều nội dung xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường chưa được HTX tiếp cận như: tuyên truyền xuất khẩu, phát triển sản phẩm, thâm nhập thị trường, thông tin thị trường và kết nối cung cầu, v.v...

*2.2.1.3. Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới*

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ cho các HTX được thực hiện thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và cấp tỉnh. Giai đoạn 2013-2020 cả nước đã hỗ trợ được 5.778 HTX hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ với tổng số kinh phí khoảng 212 tỷ (ngân sách trung ương hơn 49 tỷ, ngân sách địa phương 163 tỷ). Hàng năm các Bộ, ngành đã phối hợp với các địa phương triển khai hoạt động hỗ trợ KTTT ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ thông qua hoạt động của các hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, Chương trình KHCN phục vụ nông thôn mới và các chương trình nghiên cứu phát triển do Bộ NN và PTNT phụ trách. Các hỗ trợ này góp phần nâng cao năng xuất lao động, chất lượng, hiệu quả của sản phẩm và giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn.

Tính đến năm 2018, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp 01 văn bằng sáng chế, 33 kiểu dáng công nghiệp, 489 nhãn hiệu và 389 nhãn hiệu tập thể có liên quan đến hợp tác xã, đã tổ chức 105 khóa đào tạo/tập huấn có sự tham gia của hợp tác xã (trung bình 07 khóa/năm); 116 HTX được hỗ trợ về các nội dung như: phổ biến các văn bản pháp quy, pháp lệnh về chất lượng hàng hoá, đo lường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bảo vệ môi trường của Nhà nước; hỗ trợ áp dụng TCVN, QCVN, áp dụng hệ thống quản lý, công cụ năng suất chất lượng, giới thiệu các quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vào các nước EU, Mỹ, Nhật Bản[[26]](#footnote-26)...

Tuy nhiên, hiện chưa có chính sách đặc thù đối với HTX, các HTX được thụ hưởng chung giống như các thành phần kinh tế khác nên số lượng HTX được hưởng chính sách này còn ít. Nguồn ngân sách hỗ trợ HTX trong lĩnh vực này còn hạn chế, bên cạnh không ít khó khăn về vốn đầu tư ban đầu, kiến thức cơ bản... khiến nhiều nông dân lúng túng trong chủ động tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Năng lực nghiên cứu khoa học của các HTX còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các vùng miền, đặc biệt công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại các tỉnh miền núi còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hiệu quả. Nhiều sản phẩm nông, lâm, thủy sản chưa có thương hiệu trên thị trường quốc tế, trong khi cạnh tranh về thị trường tiêu thụ nông sản ngày càng gia tăng. Sự liên kết hoạt động khoa học, công nghệ giữa các địa phương trong nước còn rời rạc. Nhiều địa phương chưa xây dựng được kế hoạch hợp tác chặt chẽ giữa tổ chức và cá nhân nghiên cứu khoa học với cơ quan quản lý nghiên cứu, cơ quan chuyển giao kết quả và tổ chức, cá nhân sử dụng kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án.

*2.2.1.4. Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX*

a) Về chính sách tiếp cận vốn

Giai đoạn 2011-2020, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, duy trì ổn định kinh tế, hỗ trợ tang trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ, tạo điều kiện cho khu vực KTTT bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, được tổ chức tín dụng xem xét cho vay có đảm bảo hoặc không có đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ưu tiên đầu tư tín dụng và đã triển khai, ban hành nhiều cơ chế, chính sách để tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho KTTT, HTX trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng, cụ thể tập trung: (1) Giảm mặt bằng lãi suất, ổn định tỷ giá, tăng thanh khoản hỗ trợ các tổ chức tín dụng, khơi thông dòng vốn tín dụng và triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các HTX; (2) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế tín dụng theo hướng tạo điều kiện cho HTX mở rộng sản xuất kinh doanh và tiếp cận các nguồn vốn tín dụng; (3) Xây dựng cơ chế đặc thù đối với một số ngành sử dụng nhiều lao động hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp; (4) Quy trình, thủ tục cho vay tại các tổ chức tín dụng đơn giản hóa theo hướng tạo điều kiện cho khu vực KTTT mở rộng sản xuất kinh doanh và tiếp cận nguồn vốn tại các tổ chức tín dụng.Có thể nói, nguồn vốn tín dụng ngân hàng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của HTX, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho thành viên của HTX. Dư nợ tín dụng đối với khu vực KTTT trong thời gian qua có xu hướng tăng đặc biệt là sau quá trình chuyển đổi, tổ chức lại hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Các HTX được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng nhiều hình thức: nhiều HTX đã tự xây dựng phương án kinh doanh tốt, có dự án sản xuất khả thi nên đã được các tổ chức tín dụng cho vay bằng hình thức thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay hoặc có thể được Nhà nước hỗ trợ lãi suất cho vay hoặc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư hoặc tỉnh thực hiện chính sách miễn, giảm thuế thu nhập trong một thời gian nhất định cho các HTX di dời, đầu tư vào các khu công nghiệp…

Trong giai đoạn 2011-2020, đầu tư tín dụng đối với loại hình KTTT đã đạt được những kết quả như sau: Doanh số cho vay đối với khu vực KTTT bình quân mỗi năm đạt trên 4.500 tỷ đồng; Dư nợ cho vay đối với HTX, LHHTX tăng từ 5.847 tỷ đồng năm 2011 lên 7.133 tỷ đồng (tăng 21,9%) vào thời điểm tháng 4/2020; Dư nợ cho vay đối với tổ hợp tác (THT) tăng từ 18 tỷ đồng năm 2011 lên khoảng 22 tỷ đồng (tăng 22,2%) vào thời điểm tháng 4/2020.Tuy nhiên, nhiều HTX khó tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng do các lý do sau đây:

- HTX không đáp ứng được những điều khoản, thủ tục cho vay. Hiện tại, phần lớn các HTX đều rơi vào tình trạng: Không trụ sở; rất ít vốn điều lệ; chưa xây dựng được phương án sản xuất, kinh doanh; thiếu công khai minh bạch, chưa thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính kế toán; ban quản lý HTX thực sự chưa đáp ứng yêu cầu về quản lý, điều hành HTX; Một số HTX sử dụng không hiệu quả nguồn vốn vay, sử dụng vốn vay sai mục đích, nợ quá hạn kéo dài, có tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Về phía Ngân hàng: Một số Ngân hàng thương mại chưa nhiệt tình trong việc tạo điều kiện cho các HTX vay vốn; thủ tục vay vốn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP các HTX phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi các HTX không có các giấy tờ này.

b) Về Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX: Hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được tổ chức từ Trung ương đến địa phương.

Ở Trung ương, Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX được giao cho Liên minh HTX Việt Nam quản lý. Vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp ban đầu là 100 tỷ đồng để hỗ trợ cho hoạt động của các HTX. Ngày 22/6/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg, theo đó vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX do ngân sách nhà nước cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển, năm 2018 tăng lên 500 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 1.000 tỷ đồng. Tại Quyết định này, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX được bổ sung thêm hai nhiệm vụ đó là: Bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư nhằm hỗ trợ cho các HTX tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại các ngân hàng thương mại để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2019, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX Trung ương đã được ngân sách cấp bổ sung vốn điều lệ là 300 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nâng tổng vốn điều lệ của Quỹ lên 400 tỷ đồng, tổng nguồn vốn đến ngày 31/12/2019 của Quỹ là 444,8 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ ngân sách nhà nước cấp ban đầu là 400 tỷ đồng, vốn bổ sung trong quá trình hơn 10 năm hoạt động kinh doanh 44,8 tỷ đồng. Năm 2020, Quỹ được ngân sách tiếp tục cấp bổ sung vốn điều lệ là 50 tỷ đồng.

Đến tháng 7/2020, tổng vốn điều lệ thực có của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thuộc LMHTXVN và 55 Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã cấp tỉnh do ngân sách nhà nước cấp là 1.345 tỷ đồng.

Giai đoạn 2015-2020 doanh số cho vay ưu đãi 1.027 HTX với 892.940 triệu đồng, bình quân 869 triệu đồng/HTX. Tổng số HTX được tiếp cận tín dụng ưu đãi là 286 HTX với tổng số tiền dự kiến cho HTX vay là 179.552 triệu đồng, tăng 46.813 triệu đồng (tương đương 35,2%) so với năm 2015. Tổng số lượt HTX được vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã là 9.931 HTX (chưa bao gồm thành phố Hồ Chí Minh).

Việc ra đời và đi vào hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX đã tạo thêm một kênh hỗ trợ về nguồn vốn đối với các HTX. Về cơ bản, các HTX sau khi vay vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX phát triển khá hiệu quả, đã tăng trưởng về quy mô và hiệu quả sản xuất kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận sau thuế tăng bình quân 50% - 60%; số thành viên tăng bình quân 4%; số lao động tăng bình quân 37%; thu nhập bình quân tăng 35%; số nộp ngân sách tăng bình quân 74%.

Tuy nhiên, nguồn vốn được ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX ở Trung ương còn hạn chế, đến năm 2020 mới bố trí được 450 tỷ đồng, số vốn huy động đóng góp tự nguyện không đáng kể (chỉ khoảng 367 triệu đồng), trong khi nhu cầu vay vốn hàng năm của các HTX lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng; thủ tục vay vốn theo quy định còn chặt chẽ, phức tạp.

Đối với các Quỹ hỗ trợ HTX địa phương việc triển khai còn gặp khó khăn do: Chưa có hành lang pháp lý thống nhất cho việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ nên nhiều địa phương còn lúng túng trong việc thành lập và tổ chức hoạt động. Năng lực tài chính của các Quỹ còn hạn chế, nguồn vốn hoạt động thấp, chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Nhân sự triển khai các hoạt động nghiệp vụ về cơ bản còn hạn chế cả về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm làm việc nên chất lượng hoạt động tín dụng của Quỹ còn tiềm ẩn nhiều rủi ro; sự phối hợp hoạt động của Quỹ Trung ương và địa phương còn mờ nhạt, chưa tận dụng được mạng lưới của mình.

*2.2.1.5. Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội*

Từ năm 2013, sau khi Luật HTX năm 2012 có hiệu lực thi hành, để khẳng định vai trò của HTX trong tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tiêu chí số 13 là xã nông thôn mới phải có HTX kiểu mới hoạt động theo Luật HTX 2012 và có hoạt động liên kết gắn với chuỗi giá trị sản phẩm. Nội dung này đã được các địa phương xây dựng kế hoạch và hướng dẫn các nội dung liên quan đến phát triển KTTT, HTX. Nhờ đó, các HTX được tạo điều kiện thành lập, tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: Nông thôn miền núi, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, Chương trình khuyến Công và xúc tiến thương mại, Chương trình Khuyến nông lâm ngư, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới…Một số công trình sau khi được hoàn thành, chủ đầu tư giao cho HTX chịu trách nhiệm quản lý, khai thác (hệ thống giao thông nội đồng, chợ nông thôn).

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, trong giai đoạn 2013-2020, đã tạo điều kiện cho hơn 4.300 HTX tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội.

*2.2.1.6. Chính sách thành lập mới HTX, LH HTX*

Việc hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của HTX được bố trí kinh phí từ từ nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung tuyên truyền, tư vấn hỗ trợ HTX, xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, tổ chức Đại hội, đăng ký HTX.... theo quy định tại Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi thường nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020.

Trong giai đoạn 2013-2020, cả nước đã hỗ trợ cho 7.602 HTX trên tổng số 16.190 HTX thành lập mới với tổng kinh phí là 121 tỷ đồng, trong đó kinh phí từ ngân sách Trung ương chỉ khoảng 6,3 tỷ đồng (chiếm 5%), chủ yếu là ngân sách địa phương (95% tổng kinh phí). Hầu hết HTX thành lập mới được hỗ trợ kinh phí từ 5 triệu đến 20 triệu đồng/HTX, đặc biệt như thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ 100 triệu đồng/HTX. Nội dung hỗ trợ bao gồm: Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật HTX trước khi thành lập HTX cho sáng lập viên HTX, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX, tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của HTX theo Luật HTX.

Nguồn kinh phí thành lập mới HTX, LH HTX theo quy định tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg do ngân sách địa phương hỗ trợ 100%, nhiều địa phương không cân đối được ngân sách nên số lượng các HTX cũng như kinh phí được hỗ trợ còn hạn chế. Mức hỗ trợ thành lập mới HTX không thống nhất do phụ thuộc vào sự cân đối ngân sách của từng địa phương. Số lượng HTX được hỗ trợ khi thành lập mới chưa nhiều, chỉ chiếm khoảng 50% tổng số HTX thành lập mới trong giai đoạn 2015-2020.

***2.2. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp***

*2.2.1. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng*

Trong giai đoạn 2013-2020, tổng hợp báo cáo của các địa phương có khoảng 2.209 HTX được hỗ trợ về phát triển kết cấu hạ tầng với tổng kinh phí là hơn 2.114 tỷ đồng. Kinh phí này chủ yếu được lồng ghép từ các chương trình hỗ trợ có mục tiêu có đối tượng thụ hưởng là các HTX[[27]](#footnote-27). Các hạng mục công trình thường được đầu tư gồm nhà kho, cửa hàng kinh doanh vật tư, lò sấy, cơ sở thu mua, chế biến bảo quản tiêu thụ sản phẩm, công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, khu làm việc và trưng bày sản phẩm, trụ sở làm việc, nhà xưởng giết mổ gia súc gia cầm; hệ thống điện 3 pha, trạm bơm điện, …

Quy trình thực hiện hỗ trợ được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2017/TTBKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, cũng có sự điều chỉnh linh hoạt đối với đặc thù mỗi địa phương. Thông thường UBND cấp xã làm chủ đầu tư, có nơi giao Sở Nông nghiệp và PTNT cấp tỉnh, có địa phương giao Liên minh HTX hoặc giao trực tiếp HTX nông nghiệp làm chủ đầu tư[[28]](#footnote-28).

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chính sách này còn nhiều hạn chế:

- Không có nguồn kinh phí riêng bố trí thực hiện: Quyết định số 2261/QĐ-TTg được ban hành ngày 15/12/2014 nhưng không được bố trí kinh phí thực hiện; đến năm 2018 các địa phương mới triển khai bước đầu nội dung hỗ trợ hạ tầng cho HTX, lồng ghép từ nguồn vốn Chương trình Nông thôn mới (Quyết định 1600/QĐ-TTg).

- Một số địa phương chưa thực sự quan tâm và đặt trọng tâm vào hỗ trợ phát triển KTTT, HTX: Ngày 01/02/2019, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo cho phép sử dụng 4.311,9 tỷ đồng vốn dự phòng 10% của Chương trình để bố trí vốn thực hiện các dự án thuộc các Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó có 51 địa phương được đề xuất phân bổ thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ (văn bản số 1011/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ); Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hướng dẫn sử dụng số vốn trên (văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019) nhưng đến ngày 09/9/2019, Bộ Tài chính mới nhận được báo cáo phân bổ của 15/51 địa phương với số vốn phân bổ thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg là 317,506 tỷ đồng.

- Số lượng HTX được thụ hưởng chính sách còn rất ít, các dự án hỗ trợ có quy mô nhỏ, chủ yếu tập trung hỗ trợ cho từng HTX gắn với quy mô hoạt động cấp xã, làm hạn chế tiềm năng liên kết vùng miền, nâng cao quy mô và sức cạnh tranh cũng như hiệu quả khai thác của công trình hỗ trợ. Nguồn kinh phí được bố trí từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (gắn liền với từng xã) nên các HTX nông nghiệp có trụ sở ở khu vực các phường, thị trấn không được hỗ trợ đầu tư hạ tầng, trong khi đây là những HTX có vị trí thuận lợi để phát triển tiêu thụ sản phẩm, kết nối vùng nguyên liệu, xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến.

- Danh mục các loại kết cấu hạ tầng được địa phương hỗ trợ chưa bám sát tinh thần chỉ đạo và hướng dẫn của các bộ, ngành (ưu tiên nâng cấp hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản và chế biến nông sản tuy nhiên nhiều địa phương hỗ trợ trụ sở làm việc của HTX); quy định về nội dung, tiêu chí thụ hưởng chính sách[[29]](#footnote-29) còn chưa phù hợp với tình hình thực tế của HTX (chưa hỗ trợ máy móc, thiết bị đi kèm hạ tầng sản xuất, chỉ tiêu doanh thu chưa phù hợp với đặc thù hoạt động của HTX, v.v.). Việc thực hiện hỗ trợ mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng các công trình hạ tầng mà chưa hỗ trợ các trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nên hiệu quả tác động của chính sách chưa cao (vì chưa đồng bộ) hoặc dễ bị thay đổi mục đích sử dụng công trình, không đáp ứng mục tiêu hỗ trợ ban đầu.

*2.2.2. Chính sách giao đất, cho thuê đất*

Triển khai Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Quyết định 686/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 và ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2016/NĐ-CP, Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC. Theo đó, đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, trong đó có đất sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh của hợp tác xã được Nhà nước cho thuê đất và được ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất nếu đầu tư vào lĩnh vực ưu đãi đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư[[30]](#footnote-30).

 Giai đoạn 2013-2020, cả nước có 485 hợp tác xã được giao 24 triệu m2 đất, 2.050 hợp tác xã được hỗ trợ cho thuê hơn 10,7 triệu m2 đất.

Bên cạnh những chính sách chung về đất đai, một số địa phương đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức hội nghị, lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai, trình tự, thủ tục xin thuê đất, giao đất và cấp giấy chứng nhận sử dụng đất; phối hợp tư vấn, hướng dẫn và giải quyết vấn đề liên quan đến đất đai của các HTX.

Mặc dù đã có những quy định ưu đãi về đất đai với các HTX nhưng việc triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn: Số HTX được thụ hưởng chính sách này không nhiều (chỉ chiếm khoảng 14% tổng số HTX NN) do quỹ đất công hiện nay hạn chế, thậm chí không còn quỹ đất (đất đai chủ yếu là sở hữu tư nhân). Một số địa phương có quỹ đất công nhưng chưa tạo điều kiện hỗ trợ HTX. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với HTX hiện nay được theo dõi chung với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyên dùng, còn vướng mắc do một số nguyên nhân sau đây: Quy định về quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định Luật Đất đai 2013 vẫn còn thiếu linh hoạt trong việc hỗ trợ tài chính cho HTX khi thế chấp tại tổ chức tín dụng. Nhiều HTX hiện đang quản lý, sử dụng đất không có giấy tờ pháp lý về đất đai. Đất một số HTX qua nhiều năm sử dụng đã có biến động, ranh giới, mốc giới không rõ ràng, giấy tờ về nguồn gốc sử dụng đất không có, tranh chấp đất ảnh hưởng đến tiến độ kê khai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Một số HTX không quan tâm đến thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không ít HTX chỉ tồn tại trên danh nghĩa, không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoặc không đăng ký kinh doanh, hoặc có quy mô quá nhỏ, đang quản lý đất đai, nhưng khó xử lý, thu hồi.

*2.2.3. Chính sách ưu đãi về tín dụng*

Ngân hàng Nhà nước đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ ưu đãi tín dụng đối với các HTX nông nghiệp theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có hiệu lực từ ngày 01/8/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx) (trên cơ sở khắc phục những bất cập của Nghị định số [55/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-55-2015-nd-cp-chinh-sach-tin-dung-phuc-vu-phat-trien-nong-nghiep-nong-thon-277254.aspx)).[[31]](#footnote-31) Chính sách cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Chính sách cho vay đối với chăn nuôi và thủy sản theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1149/TTg-KTN ngày 08/8/2012; Chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 5/3/2014… Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/07/2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013). Theo đó, khi mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, HTX được Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại đối với khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam, mức vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa; hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong 2 năm đầu, 50% trong năm thứ 3.Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước còn áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu… (hiện nay là 6,5%/năm, thấp hơn 1-2% so với mặt bằng chung). Để khuyến khích các tổ chức tín dụng đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các tổ chức tín dụng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp với dư nợ trên 40% được Ngân hàng Nhà nước áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn so mức bình thường và xem xét hỗ trợ từ nguồn tái cấp vốn nếu các ngân hàng này gặp khó khăn về nguồn vốn cho vay. Trong giai đoạn 2013-2020, dư nợ cho vay đối với HTX theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đạt khoảng 3.200 tỷ đồng, trong đó cho vay không có tài sản đảm bảo đối với các HTX đạt khoảng 70 tỷ đồng, cho 35 HTX, chiếm tỷ trọng rất ít (khoảng 2,18%) trong tổng dư nợ cho vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

*2.2.4. Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh*

Đây là một trong những chính sách mới được quy định theo Luật HTX năm 2012 đối với các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp[[32]](#footnote-32). Theo đó, HTX được ngân sách nhà nước kịp thời hỗ trợ bằng tiền, hoặc cây, con giống đảm bảo chất lượng, phù hợp với sinh thái địa phương khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ đối với diện tích cây trồng bị thiệt hại từ 30% trở lên; hỗ trợ đối với vật nuôi thiệt hại do thiên tai, thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm; hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy, hải sản bị thiệt hại từ 30% trở lên. Trong giai đoạn 2013-2020, có 521 HTX được hỗ trợ với kinh phí hơn 206 tỷ đồng (khoảng 3,5% tổng số HTX nông nghiệp).

Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ vốn, giống tập trung hỗ trợ trực tiếp sản xuất trong khi các HTX nông nghiệp chủ yếu thực hiện các hoạt động dịch vụ nên các địa phương trực tiếp cấp phát cho người dân, thành viên HTX vùng bị thiên tai, không thông qua HTX.

*2.2.5. Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm*

Nghị định số 193/2013/NĐ-CP đã quy định sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, cấp tỉnh và kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ để hỗ trợ các HTX, liên hiệp HTX đổi mới, ứng dụng công nghệ nhưng theo tổng hợp của các địa phương chưa có HTX được hỗ trợ. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Theo đó, đối với chế biến sản phẩm chỉ được hỗ trợ máy móc, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản; còn hỗ trợ kho, thiết bị sử dụng chứa, bảo quản thóc, ngô chỉ cho quy mô hộ gia đình[[33]](#footnote-33).

Ngoài ra, các địa phương đã vận dụng các chính sách hiện hành như chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, khuyến nông, chính sách hỗ trợ chế biến và ngành nghề nông thôn…để thực hiện hỗ trợ cho các HTX[[34]](#footnote-34). Theo báo cáo của các tỉnh, trong giai đoạn 2013-2020 có khoảng 1.600 HTX nông nghiệp được hỗ trợ gần 400 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ từ ngân sách Trung ương chiếm 87%.

Tuy nhiên, đa số các HTX chưa tiếp cận được chính sách hỗ trợ thiết bị theo Quyết định số 68/QĐ-TTg do chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, năng lực quản lý điều hành, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, thiếu cơ sở pháp lý để vay vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh.

***2.3. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác***

*2.3.1. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho cán bộ HTX*

Chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH) đối với các bộ quản lý, người lao động trong HTX đã từng bước được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện theo hướng mở rộng đối tượng thuộc diện tham gia nhằm đảm bảo quyền thụ hưởng chính sách của cán bộ quản lý, người lao động trong các HTX. Từ ngày 01/01/2018 với việc bổ sung chính sách BHXH tự nguyện đã tạo điều kiện để mọi thành viên, người lao động làm việc trong các HTX mà không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc cũng có cơ hội tham gia BHXH tự nguyện để được hưởng lương hưu khi về già.

Về chính sách BHXH đối với chủ nhiệm HTX quy mô toàn xã được thực hiện theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm HTX có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước, quy định: Những người có thời gian làm chủ nhiệm HTX nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có quy mô toàn xã từ ngày 1/7/1997 trở về trước, sau đó trực tiếp giữ chức vụ, chức danh ở cấp xã hoặc thuộc biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước hoặc làm các công việc thuộc đối tượng đóng BHXH bắt buộc thì thời gian làm chủ nhiệm HTX được tính cộng nối với thời gian đã đóng BHXH để tính hưởng chế độ BHXH theo quy định của pháp luật.

Theo số liệu báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người làm việc trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong giai đoạn 2013-2018 được thể hiện theo bảng tổng hợp dưới đây:

Biểu 3: Tình hình thực hiện BHXH trong HTX

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2013** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** |
| 1 | Số người tham gia BHXH (người) | 46.154 | 45.782 | 44.660 | 44.739 | 42.636 | 43.203 |
| 2 | Tiền lương bq làm căn cứ đóng BHXH (đồng) | 2.369.800 | 2.752.264 | 3.159.343 | 3.539.712 | 3.688.996 | 4.256.990 |
| 3 | Số tiền BHXH thu được (triệu đồng) | 320.533 | 395.007 | 445.511 | 499.411 | 526.990 | 569.311 |
| 4 | Số tiền BHXH còn nợ (triệu đồng) | 33.483 | 39.407 | 41.630 | 50.983 | 51.000 | 33.500 |

*Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam*

Trong giai đoạn 2013- 2018 số cán bộ quản lý hợp tác xã (bao gồm cả người lao động làm việc theo hợp đồng lao động) tham gia BHXH khoảng trên 40 nghìn người (bình quân 4 người/01 đơn vị hành chính cấp xã). Tiền lương đóng BHXH tăng ở mức tương đương với tốc độ tăng lương tối thiểu vùng (bình quân khoảng 14%/năm), năm 2018 là gần 4,3 triệu đồng/tháng (bình quân chung của các nhóm đối tượng là 5,1 triệu đồng/tháng). Số thu BHXH ở khu vực này tăng qua các năm, đến năm 2018 số thu BHXH là 569,311 tỷ đồng.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách BHXH còn một số hạn chế như sau:

- Trên thực tế, số người đóng BHXH mới chỉ có chưa đến 10% số cán bộ, người lao động làm việc trong khu vực HTX tham gia BHXH bắt buộc. Như vậy, phần lớn người làm việc trong HTX chưa được tham gia BHXH, đây là một thách thức lớn đối với việc đảm bảo an sinh xã hội lâu dài cho người lao động.

- Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX thấp hơn mức tiền lương đóng BHXH bắt buộc, thể hiện một thực tế là người có thu nhập càng cao, tỷ lệ tham gia BHXH càng cao. Những người có thu nhập thấp lại là những người “không được bảo hiểm”.

- Bộ Luật lao động đã có các quy định cụ thể về tiền lương của người lao động (trong đó có người lao động trong HTX) nhưng không áp dụng đối với người quản lý, điều hành HTX mà không có hợp đồng lao động, trong khi đó pháp luật về HTX cũng chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc trả tiền lương cho người quản lý điều hành, người lao động. Do vậy, rất khó khăn trong thực hiện chính sách BHXH bắt buộc đối với người quản lý, điều hành HTX có hưởng tiền lương.

- Việc thực hiện chủ trương đổi mới, phát triển HTX trong giai đoạn vừa qua bên cạnh việc nhiều HTX được thành lập mới thì nhiều HTX bị giải thể, tái cơ cấu. Do vậy, việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động thường xuyên (trong đó có chính sách BHXH) cũng là thách thức đặt ra.

*2.3.2. Chính sách ưu đãi về thuế*

Việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với HTX cũng giống như đối với nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp và tuân theo quy định của hệ thống thuế hiện hành (với 10 Luật về thuế, phí bao gồm: Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt...).

Để phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX, Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi thuế đối với HTX, đặc biệt là đối với các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp với các lĩnh vực, địa bàn được ưu đãi thuế; tập trung ở các sắc thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế sử dụng đất nông nghiệp...

Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), cùng với việc giảm mức thuế suất phổ thông (giai đoạn 2009 - 2013 là 25%, giai đoạn 2014 - 2015 là 22% và từ 01/01/2016 là 20%) các chính sách ưu đãi thuế TNDN ở mức cao nhất đối với HTX (như miễn thuế đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của HTX; thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn[[35]](#footnote-35),...) đã tạo điều kiện để HTX tăng thêm nguồn tài chính, tăng tích lũy nhằm đẩy mạnh đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo bình đẳng với mọi thành phần kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động; đồng thời thu hút được vốn đầu tư, tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho bà con nông dân, góp phần nâng cao đời sống của người dân, tạo dựng được môi trường kinh doanh tốt cho khu vực nông nghiệp, nông thôn và là một bước tiến quan trọng trong lộ trình xóa đói, giảm nghèo theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Về thuế giá trị gia tăng (GTGT), các quy định hiện hành đã góp phần khuyến khích sản phẩm nông nghiệp của HTX bán ra thị trường trong nước, tạo thuận lợi cho hoạt động của HTX và tăng sự cạnh tranh của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.[[36]](#footnote-36)

Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cùng với việc tạo khuôn khổ pháp lý để phù hợp tiến trình cải cách đồng bộ hệ thống chính sách thuế, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển sản xuất và xuất khẩu, hỗ trợ dịch chuyển cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo hộ hợp lý, có điều kiện, có chọn lọc đối với một số nhóm mặt hàng, ngành nghề phù hợp với tiến trình hội nhập và định hướng phát triển của Nhà nước, qua đó đã góp phần phát triển các ngành nghề của các HTX.

Về thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, việc thực hiện chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hợp tác xã nói chung, đối với lĩnh vực nông nghiệp nói riêng cùng với chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư sản xuất nông nghiệp đã tạo ra hệ thống chính sách ưu đãi đồng bộ nhằm thu hút đầu tư, tăng cường nguồn lực cho nông nghiệp, nông thôn. Các chính sách này thể hiện sự ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực sản xuất nông nghiệp, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, giảm bớt khó khăn, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Biểu 5: Thống kê tình hình nộp thuế của HTX giai đoạn 2014 – 2019

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại thuế** | **Năm 2014** | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm****2019** |
| **Tổng cộng** | **2.218.234** | **2.394.811** | **3.036.205** | **3.078.019** | **3.824.762** | **2.852.705** |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 491.064 | 585.104 | 604.131 | 715.111 | 648.041 | 696.279 |
| Thuế giá trị gia tăng | 807.555 | 760.096 | 816.362 | 902.408 | 928.495 | 971.096 |
| Thuế tài nguyên | 47.895 | 57.472 | 60.871 | 74.856 | 84.085 | 96.810 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.934 | 2.419 | 2.507 | 1.508 | 1.527 | 2.622 |
| Thu liên quan đến đất | 516.407 | 762.546 | 807.611 | 811.493 | 1.969.528 | 848.546 |
| Các loại thuế, phí khác | 352.379 | 227.173 | 744.723 | 572.642 | 193.087 | 237.352 |

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

Tuy nhiên, các chính sách về thuế đối với HTX còn phân tán và được lồng ghép theo chính sách thuế đối với doanh nghiệp, chưa có chính sách ưu đãi về thuế riêng cho các HTX. Một số quy định về thuế vẫn chưa phù hợp với bản chất của HTX (thuế thu nhập doanh nghiệp đối với vốn góp của thành viên, thuế doanh thu của HTX với thành viên…). Bản thân các HTX chưa hạch toán riêng biệt được phần thu nhập được miễn thuế. Công tác quản lý thuế hiện nay đang chủ yếu tập trung cho khối doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, trong khi quản lý thuế đối với HTX chưa được quan tâm chú trọng đúng mức.

*2.3.3. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp*

Ngày 25/10/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về chính sách phát triển hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Chính phủ khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng, ngân sách hỗ trợ miễn tiền thuê đất đai, mặt bằng xây dựng, kho tàng, cơ sở chế biến nông sản, kinh phí quy hoạch, cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hỗ trợ đào tạo nghề cho cán bộ hợp tác xã. Hỗ trợ một phần đầu vào và khuyến khích chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân, HTX.

Hiện nay, cả nước có 1.347 HTX tham gia liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có tổng số 609 doanh nghiệp tham gia liên kết với HTX, THT và nông dân trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Do Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg quy định việc thực hiện chính sách được lấy từ nguồn ngân sách địa phương nên ngoài ngân sách được bố trí trực tiếp, các địa phương đã kết hợp các chính sách, dự án triển khai trên địa bàn để thực hiện hỗ trợ các HTX nông nghiệp. Cụ thể như Dự án ACP, VnSAT do Ngân hàng Thế giới tài trợ; Dự án “xây dựng chuỗi cung ứng cá tra bền vững tại Việt Nam (SUPA)” do các tổ chức VNCPC, WWF, VASEP phối hợp thực hiện; Dự án Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP), do Ngân hàng Thế giới tài trợ. Ngoài ra, do tiêu chí xây dựng của huyện, xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành đều quy định trên địa bàn huyện, xã phải có ít nhất một chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nên các địa phương đã tập trung hỗ trợ. Nhiều địa phương đã xây dựng Đề án, kế hoạch để triển khai thực hiện như tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 2185/QĐUBND ngày 30/12/2016 của Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án mô hình chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2018 với 4 sản phẩm (nấm ăn, mỳ Chũ, thịt lợn sạch và rau an toàn), phấn đấu đến hết năm 2018, mỗi huyện, thành phố có ít nhất một chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Năm 2016, cả nước có 48/63 tỉnh, thành phố triển khai với 2.262 điểm xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, với tổng diện tích đất gieo trồng đạt 579,3 nghìn ha, trong đó chủ yếu trồng lúa (516,9 nghìn ha). Ngoài ra, các địa phương chủ động kết hợp các chính sách, dự án triển khai trên địa bàn để thực hiện hỗ trợ HTX. Giai đoạn 2013-2016 đã có 200 HTX nông nghiệp được hỗ trợ 81,7 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ từ ngân sách địa phương chiếm 98,16%.[[37]](#footnote-37)

Sau thời gian triển khai Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương đã coi xây dựng cánh đồng lớn là phương thức tổ chức sản xuất mới trong nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt hơn so với sản xuất truyền thống, trong đó nhiều hộ sở hữu đất đai riêng lẻ hợp tác với nhau thực hiện cùng một quy trình sản xuất đối với một loại sản phẩm (“*đồng trà, liền khoảnh*”), tạo liên kết ngang giữa những người sản xuất. Quá trình liên kết này còn được hỗ trợ bởi các doanh nghiệp đầu vào và đầu ra theo các hợp đồng sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân.

Tuy nhiên, chính sách này ở các địa phương diễn ra chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Diện tích cánh đồng mẫu lớn chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (khoảng 3,9%) so với tổng diện tích cây trồng. Số HTX NN tham gia liên kết xây dựng cánh đồng lớn chưa nhiều. Tỷ lệ bao tiêu sản phẩm qua hợp đồng trong cánh đồng lớn chưa cao, tình trạng phá hợp đồng thường xuyên xảy ra, do đó không đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay, đặc biệt là về quản lý chất lượng và tiêu thụ sản phẩm. Năng lực của các HTX còn hạn chế, trong khi kinh phí hỗ trợ chính sách này giao cho các địa phương tự cân đối ngân sách triển khai thực hiện, ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ một phần nên việc cân đối nguồn ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ rất khó khăn…

*2.3.4. Chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX*

Chính sách bảo hiểm nông nghiệp đã được hoàn thiện từ cơ chế thí điểm theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 và Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 27/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng cơ chế, chính sách bảo hiểm chung không chỉ đối với người nông dân mà gắn với HTX, tổ chức kinh tế thực hiện sản xuất, kinh doanh trong ngành nông nghiệp, thủy sản. Cơ chế bảo hiểm theo thông lệ quốc tế, thị trường, có sự chọn lọc đối tượng và giảm sự bao cấp từ ngân sách nhà nước.

Thực tiễn triển khai hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cho thấy chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp là hết sức đúng đắn. Đây là chính sách nhằm ổn định sản xuất và đời sống của người dân, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Các địa phương được lựa chọn làm thí điểm, các địa bàn huyện xã làm thí điểm với các sản phẩm cây lúa, chăn nuôi, thủy sản là những mặt hàng sản xuất nông nghiệp quan trọng, phù hợp với điều kiện, đặc thù sản xuất nông nghiệp, phân bố dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương.

Nhà nước đã thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm thủy sản cho các HTX nông nghiệp.

- Về bảo hiểm nông nghiệp: Hình thành 3 sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp (cây lúa, vật nuôi và thủy sản). Cây lúa được bảo hiểm trên cơ sở chỉ số năng suất, vật nuôi được bảo hiểm trên cơ sở giá trị vật nuôi, thủy sản (tôm, cá) được bảo hiểm theo chi phí nuôi trồng. Qua thực hiện cho thấy cách thức xây dựng các sản phẩm nói trên là có căn cứ, phù hợp với đặc tính của từng loại cây trồng, vật nuôi, thu hút được các hộ dân ở địa phương (huyện, xã) nơi thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của 20 tỉnh, thành phố tham gia.

Trong quá trình thực hiện, đã thực hiện bồi thường bảo hiểm kịp thời cho các hộ khi xảy ra tổn thất do rủi ro thiên tai, dịch bệnh, góp phần giúp hộ dân ổn định đời sống và có điều kiện tiếp tục sản xuất kinh doanh, cụ thể: Bảo hiểm cây lúa: số tiền bồi thường 17,4 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 19%. Bảo hiểm vật nuôi: số tiền bồi thường 19,5 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 23,3%. Bảo hiểm thủy sản: số tiền bồi thường 675,9 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 309,8%.

- Về chính sách bảo hiểm thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ nhằm góp phần khuyến khích khai thác hải sản xa bờ, hỗ trợ ngư dân nói chung và ngư dân (thuộc tổ đội, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá) bám biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc. Trong hai năm 2015, 2016, mỗi năm có trên 10.000 tàu được bảo hiểm với tổng giá trị bảo hiểm là 48.000 tỷ đồng, hơn 100.000 thuyền viên được bảo hiểm.

Trong quá trình triển khai chính sách bảo hiểm, Bộ Tài chính đã chỉ đạo các doanh nghiệp bảo hiểm tích cực tổ chức tập huấn, tuyên truyền, xây dựng sản phẩm bảo hiểm, tổ chức thiết lập mạng lưới, chuẩn bị mọi nguồn lực để sẵn sàng thực hiện bồi thường bảo hiểm đảm bảo nghĩa vụ cam kết khi phát sinh sự kiện bảo hiểm. Đồng thời, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập các đoàn công tác làm việc trực tiếp địa phương để nắm tình hình thực tiễn ở cơ sở, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Thực tế, trong giai đoạn 2013-2016, số HTX thực hiện mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX là 113 HTX với tổng kinh phí là 6.559 triệu đồng.[[38]](#footnote-38)

*2.3.5. Về chính sách ưu đãi lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí*

Đa số các HTX trên cả nước khi thành lập mới được miễn lệ phí đăng ký thành lập, đăng ký chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX 2012. Đây cũng là chính sách hỗ trợ của Nhà nước giúp các HTX ban đầu có khởi đầu thuận lợi để phát triển.

 Ngoài ra, các HTX còn được Nhà nước miễn lệ phí môn bài và lệ phí trước bạ trong một số trường hợp như:

- HTX được miễn lệ phí môn bài đối với: Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX hoạt động dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp; HTX chuyên kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX và của doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi[[39]](#footnote-39).

Việc miễn lệ phí môn bài, chính sách miễn lệ phí môn bài đối với HTX đã góp phần hỗ trợ khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các HTX hoạt động dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp và các HTX hoạt động tại địa bàn miền núi.

- Tài sản của tổ chức, cá nhân đã nộp lệ phí trước bạ (trừ trường hợp được miễn nộp lệ phí trước bạ) chuyển cho tổ chức, cá nhân khác đăng ký quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp lệ phí trước bạ, gồm có trường hợp: Tổ chức, cá nhân, xã viên HTX đem tài sản của mình góp vốn vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, HTX hoặc khi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, HTX giải thể hoặc phân chia hoặc rút vốn cho tổ chức, cá nhân thành viên tài sản mà tổ chức, cá nhân thành viên đã góp trước đây[[40]](#footnote-40).

**3. Công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX**

## *3.1. Công tác thành lập, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về HTX*

*Ở Trung ương*: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 22/3/2017 thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX, trong đó: Phó Thủ tướng làm Trưởng ban Chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Phó Trưởng ban Thường trực và 02 Phó Trưởng ban còn lại là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Các thành viên Ban Chỉ đạo là đại diện Lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan.

Bộ máy quản lý nhà nước về KTTT ở cấp Trung ương còn phân tán, chưa tập trung. Hiện nay mới chỉ có Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển Hợp tác xã), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế hợp tác trực thuộc Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Thanh tra giám sát 3) thành lập được đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT. Các Bộ, ngành khác không thành lập tổ chức chuyên trách, mà giao cho đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ thực hiện kiêm nhiệm và chỉ có một số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi, nên việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ còn nhiều hạn chế.

*Ở địa phương:* UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KTTT, thành viên là đại diện lãnh đạo một số ngành liên quan. Tại 63/63 tỉnh, thành phố đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT cấp tỉnh, một số tỉnh đã thành lập được Ban Chỉ đạo phát triển KTTT cấp huyện như: Hà Nội, Bắc Giang, Phú Thọ, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Gia Lai, Tiền Giang…. Tuy nhiên, cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo kinh tế tập thể của một số là Liên minh Hợp tác xã tỉnh (Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Sóc Trăng), không phải là cơ quan quản lý nhà nước về hợp tác xã nên chưa phát huy hết được vai trò và hiệu quả đối với công tác quản lý nhà nước về hợp tác xã tại địa phương.

Theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT trên địa bàn tỉnh[[41]](#footnote-41). Đến nay, 63/63 (100%) tỉnh, thành phố giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quan lý nhà nước cấp tỉnh về KTTT, HTX. Tuy nhiên, mới có 26/63 (41,3%) tỉnh, thành phố thành lập phòng Doanh nghiệp, KTTT và tư nhân. Một số tỉnh, thành phố đang triển khai thành lập phòng Phòng Doanh nghiệp, KTTT và tư nhân. Các địa phương còn lại chưa có phòng chuyên trách về KTTT thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, thường phân công không thống nhất cho phòng Nông nghiệp, phòng Đăng ký kinh doanh hoặc phòng Kinh tế ngành kiêm nhiệm. Tuy vậy, kể cả ở các tỉnh, thành phố đã thành lập được phòng Doanh nghiệp, KTTT và tư nhân thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thì đa số cũng chưa bố trí được cán bộ chuyên trách về lĩnh vực này mà chủ yếu vẫn kiêm nhiệm do hạn chế về biên chế, số lượng cán bộ.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố thành lập Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở để tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn nhưng thực tế lĩnh vực nông nghiệp, hầu hết các tỉnh có Chi cục Phát triển nông thôn theo dõi về KTTT, thành lập Phòng kinh tế hợp tác và trang trại, có cán bộ chuyên trách theo dõi về kinh tế tập thể; tuy nhiên trong 1-2 năm gần đây có một số tỉnh (Sơn La, Bình Phước, Đà Nẵng) giải thể Chi cục PTNT, chỉ bố trí cán bộ chuyên trách về kinh tế tập thể tại Sở Nông nghiệp và PTNT nên công tác chỉ đạo, hướng dẫn phát triển hợp tác xã nông nghiệp gặp khó khăn. Các sở, ngành còn lại không có các phòng nghiệp vụ mà chỉ bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác KTTT.

Tại cấp huyện: Phòng Tài chính- Kế hoạch là cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT. Tuy nhiên, đa phần mới chỉ bố trí được cán bộ kiêm nhiệm thực hiện chức năng này. Đối với lĩnh vực quan trọng như nông nghiệp, nhiều địa phương bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi tình hình các HTX nông nghiệp ở cấp huyện, rất ít nơi bố trí được cán bộ chuyên trách theo dõi.

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về HTX còn thiếu và yếu, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi nên gặp nhiều khó khăn trong việc tích lũy kiến thức chuyên ngành về HTX, cũng như bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về KTTT cho đội ngũ cán bộ này. Hệ thống số liệu cơ bản về HTX chưa đầy đủ và chính xác, độ tin cậy chưa cao nên hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về KTTT nhìn chung còn yếu và nhiều bất cập. Mặt khác, do thiếu cán bộ chuyên trách nên việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước về HTX còn rời rạc; quy chế phối hợp về quản lý nhà nước đối với KTTT giữa các ngành, địa phương chưa cụ thể. Do đó, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc hướng dẫn, tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật hợp tác xã, các văn bản dưới luật, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với HTX chưa chặt chẽ, dẫn đến hiện tượng hiểu sai, vận dụng chệch, hạn chế tiềm năng phát triển HTX.

## *3.2. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể*

Hàng năm, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX, các Bộ, ngành Trung ương chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với địa phương tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật tại các địa phương, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người dân và HTX. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm trực tiếp tổ chức 4-5 đoàn kiểm tra tại các địa phương để đánh giá và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với KTTT. Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp với các địa phương tổ chức các cuộc thanh, kiểm tra việc thực thi pháp luật về kinh tế hợp tác, HTX ở các địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong thực hiện pháp luật HTX và giải đáp những thắc mắc, kiến nghị của người dân và đại biểu Quốc hội; việc thực hiện tiêu chí số 13 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội từ Trung ương đến địa phương đã triển khai công tác giám sát thực hiện Luật HTX năm 2012 nhằm giúp các cơ quan quản lý nhà nước các cấp phát hiện những tồn tại, bất cập để khắc phục.

Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTH, HTX tại các địa phương đã thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình việc thực hiện Luật Hợp tác xã. Qua quá trình kiểm tra, nắm tình hình kịp thời phát hiện những sai sót và nhắc nhở, yêu cầu các HTX khắc phục những tồn tại; đồng thời kịp thời ghi nhận những khó khăn, vướng mắc của HTX để hướng dẫn giải quyết hoặc kiến nghị các cấp, ngành có thẩm quyền giải quyết.

Định kỳ hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác thực thi pháp luật về HTX trên địa bàn; Liên minh hợp tác xã tỉnh, thành phố phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan đã tổ chức kiểm tra, nắm tình hình việc thực hiện Luật Hợp tác xã. Một số địa phương đã chủ động thực hiện rà soát cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến thành lập, hoạt động của các HTX và thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công để tập trung giám sát việc thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc tỉnh.

Với lực lượng cán bộ quản lý nhà nước về HTX mỏng, trình độ năng lực còn hạn chế, kiêm nhiệm nhiều việc nên công tác kiểm tra, giám sát, nắm tình hình thực hiện Luật HTX 2012 chưa được triển khai thường xuyên, chưa kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc của HTX để hướng dẫn giải quyết hoặc kiến nghị các cấp, ngành có thẩm quyền giải quyết. Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đoàn thể xã hội, nhân dân trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong quá trình hoạt động của các HTX còn hạn chế.

## *3.3. Việc thực hiện chế độ báo cáo về HTX, LH HTX*

Việc thực hiện chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của HTX, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan đăng ký HTX của các tỉnh, thành phố, các huyện, thị xã còn chưa nghiêm túc, chậm về thời gian và số liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác. Nhiều địa phương giao việc theo dõi, quản lý nhà nước về HTX ở cấp huyện không thống nhất (có nơi giao cho phòng Nông nghiệp, có nơi giao cho phòng Kế hoạch-Tài chính). Lực lượng cán bộ mỏng, năng lực, kiến thức về KTTT còn hạn chế nên chưa đánh giá chính xác tình hình phát triển KTTT tại địa phương. Bản thân các HTX chưa thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình hoạt động của mình cho cơ quan quản lý nhà nước; hầu hết các HTX chỉ báo cáo theo quy định của cơ quan thuế, do đó các cơ quan quản lý nhà nước không kịp thời cập nhật số liệu về tình hình hoạt động của các HTX.

 **4. Hợp tác quốc tế về KTTT**

Hợp tác xã là tổ chức tự giúp đỡ của những người yếu thế, qua đó xoá đói giảm nghèo, tăng chất lượng cuộc sống và hỗ trợ cộng đồng. Đây cũng là mục tiêu hỗ trợ của nhiều cơ quan, tổ chức trên thế giới.

Trong thời gian qua, một số dự án hỗ trợ HTX đang được triển khai tại Việt Nam như sau: Dự án Tăng cường chức năng HTX nông nghiệp ở Việt Nam (với sự tài trợ của JICA) đã được triển khai tại Bộ Nông nghiệp và PTNT từ năm 2006, Dự án hỗ trợ phát triển HTX (do tổ chức Socodevi- Canada tài trợ) tại một số địa phương như Sóc Trăng, An Giang, Lâm Đồng, …, Dự án hỗ trợ xây dựng HTX cà phê Lâm Viên, Di Linh, Lâm Đồng (do Agrobank tài trợ), Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực chuyên môn và thông tin cho cán bộ liên minh HTX tỉnh Phú Yên, Sóc Trăng, Bến Tre (do Liên đoàn Hợp tác xã Cộng hòa liên bang Đức -DGRV tài trợ), Trung tâm HTX Thụy Điển (WE EFFECT) hỗ trợ Dự án “Phát triển phong trào HTX nông nghiệp đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Yên Bái”; Dự án VIEO36 của Chính phủ Luxembourg hỗ trợ cho tỉnh Cao Bằng để triển khai điều tra, đánh giá thực trạng các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Liên minh chiến lược tập thể của Bỉ (CSA) và tổ chức phát triển Hà Lan (Netherlands Development Organisation- SNV) tài trợ 2 Dự án “tăng cường sự tham gia của THT, HTX vào thị trường và chuỗi giá trị” và “nâng cao năng lực, nhận thức cho hội viên nông dân về tiềm năng và giá trị gia tăng thông qua mô hình kinh tế tập thể” tại tỉnh Quảng Ninh. Một số tổ chức quốc tế khác như CARE, Oxfam Anh, … hiện cũng có một số hoạt động hỗ trợ khu vực KTTT, HTX và bước đầu có kết quả tốt.

Đặc biệt, năm 2016, Liên minh HTX Việt Nam phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng HTX khu vực Châu Á- Thái Bình Dương lần thứ 10. Hội nghị đã giúp các bên tham gia cùng chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau để đến năm 2030 đạt mục tiêu 4 triệu HTX với số thành viên HTX tăng lên 2 tỷ người, chiếm 20% nền kinh tế toàn cầu.

Nhìn chung các dự án, chương trình hỗ trợ của quốc tế cho khu vực KTTT nói chung và HTX đều được thực hiện tốt, có hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ HTX nói riêng và cán bộ, nhân dân tại địa bàn tác động của chương trình, dự án nói chung, hỗ trợ HTX hoạt động ngày càng ổn định và phát triển hơn.

 **5. Vai trò của Liên minh HTX Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội đối với phát triển KTTT, HTX**

 ***5.1. Vai trò của Liên minh HTX Việt Nam***

Liên minh HTX các cấp đã được củng cố, tăng cường về vai trò, trách nhiệm và cán bộ trong việc phát triển KTTT. Cán bộ của hệ thống Liên minh HTX tăng cả về số lượng và chất lượng, hiện nay tổng số là hơn 1.600 người công tác tại Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ở Trung ương và các tỉnh, thành phố, trong đó trên 80% có trình độ từ đại học trở lên.

Liên minh HTX đã từng bước làm tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất và tham gia xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, tham gia công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết; tham gia xây dựng Luật Hợp tác xã năm 2003, 2012; tham gia góp ý vào các chính sách, văn bản liên quan đến KTTT; phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương trong việc tuyên truyền về phát triển KTTT; thực hiện một số dịch vụ công. Từng bước thực hiện có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ như đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các thành viên, chủ trì và làm tốt công tác tuyên truyền đối nội và đối ngoại, góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về KTTT, HTX; chủ trì công tác tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTX; cung ứng dịch vụ cho HTX; xây dựng mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị; tăng cường hợp tác khai thác nguồn lực từ các tổ chức quốc tế...là cầu nối giữa thành phần KTTT, HTX với hệ thống chính trị.

Liên minh HTX các tỉnh, thành phố đã phối hợp với các sở, ngành, chính quyền địa phương trong việc tham mưu về phát triển KTTT, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, đẩy mạnh công tác hỗ trợ phát triển HTX để các HTX có điều kiện phát huy năng lực, thế mạnh trong sản xuất, kinh doanh. Thực hiện công tác tuyên truyền quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng và pháp luật, chính sách của Nhà nước về phát triển KTTT, các hoạt động tư vấn hỗ trợ, tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ HTX, THT, tham gia củng cố HTX yếu kém, xây dựng mô hình HTX điển hình tiên tiến, quản lý và vận hành tốt Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh, góp phần giúp các HTX từng bước tháo gỡ khó khăn về vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm ổn định cho các thành viên.

Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động của Liên minh HTX Việt Nam có một số hạn chế sau đây:

Hệ thống Liên minh HTX Việt Nam chưa thực hiện hiệu quả một số chức năng, nhiệm vụ; công tác tuyên truyền chưa có chiều sâu, cung ứng dịch vụ chưa đáp ứng nhu cầu của HTX, liên hiệp HTX; năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, tham mưu xây dựng chính sách và pháp luật về HTX, xây dựng mô hình HTX còn hạn chế; lợi ích mang lại cho HTX còn ít, cho nên chưa thu hút được hết các HTX, liên hiệp HTX gia nhập. Tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí của phần lớn Liên minh HTX cấp tỉnh chưa ổn định; kinh phí hoạt động chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, không có khả năng tài chính để đào tạo, tuyển dụng cán bộ có năng lực

 ***5.2. Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội***

 Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên (Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam…) có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến các về các chủ trương, chính sách về KTTT, HTX; vận động nhân dân giữ gìn và phát triển nghề truyền thống, tham gia phát triển các loại hình tổ hợp tác, hợp tác xã; giới thiệu các mô hình liên kết, cung ứng sản phẩm, dịch vụ của Hợp tác xã cho thành viên; phối hợp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức cho cán bộ mặt trận và thành viên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức nhiều hội nghị tuyên truyền Luật HTX năm 2012 đến MTTQ Việt Nam các xã, phường, thị trấn và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư. Với việc triển khai nội dung “Vận động nhân dân đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế” (trong cuộc vận động “Toàn dân doàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” trước đây, nay là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”), động viên, khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp nhau phát triển kinh tế.

Các tổ chức chính trị - xã hội trong thời gian qua đã phối hợp khá tốt với các sở, ngành, chính quyền địa phương và ban hành nhiều nghị quyết về công tác tuyên truyền, vận động phát triển KTTT, vận động nhân dân tự nguyện tham gia phát triển KTTT, tham gia xây dựng nông thôn mới; hoạt động tuyên truyền đẩy mạnh thông qua các loại hình như: Bản tin, Website, Facebook, báo, đài…

 Đoàn Thanh niên các tỉnh, thành phố đã ký kết chương trình phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh về phát huy vai trò của thanh niên trong phát triển KTTT và xây dựng mô hình HTX do thanh niên làm chủ; tổ chức nhiều khóa tuyên truyền vận động thành lập mới HTX, THT trong hội viên; vận động hội viên xây dựng các mô hình HTX, THT trong sản xuất - kinh doanh, tham gia xây dựng và phát triển kinh tế tập thể.

Hội Nông dân Việt Nam xác định rõ tham gia phát triển KTTT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hội, được nêu trong Nghị quyết đại hội Hội Nông dân các cấp, là một chỉ tiêu phấn đấu thực hiện và là một tiêu chí xếp loại thi đua hàng năm. Hội đã chủ động ban hành nhiều nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể cho phù hợp yêu cầu từng giai đoạn.

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT còn có một số hạn chế như: Sự tham gia phát triển kinh tế tập thể chưa tích cực, chưa chủ động; vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội còn mờ nhạt trong việc vận động, giáo dục quần chúng tham gia và phát huy vai trò làm chủ của các tổ chức kinh tế tập thể, trong việc giám sát thi hành pháp luật về KTTT.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX**

**1. Thành tựu, vị trí, vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội**

## Phát triển kinh tế tập thể (KTTT), mà nòng cốt là hợp tác xã (HTX) là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước. Tại Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể đã nêu rõ: “*Khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị*”. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

 Kinh tế tập thể có vai trò to lớn, ý nghĩa toàn toàn diện về mặt kinh tế, chính trị - văn hóa - xã hội:

## *Về kinh tế*

 Đóng góp trực tiếp của khu vực KTTT, HTX giai đoạn 2011-2020 vào GDP trung bình khoảng 4% nhưng đóng góp gián tiếp vào thúc đẩy kinh tế hộ thành viên, cá thể, hộ gia đình trên 30% GDP cả nước. Khu vực KTTT, HTX tạo việc làm ổn định, thường xuyên cho hơn 2 triệu lao động, nhất là lao động nghèo, ở nông thôn. Tổ chức hợp tác xã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành viên, trong đó có hoạt động kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của từng thành viên, do vậy tạo ra một nguồn tăng trưởng kinh tế đối với kinh tế thành viên hoặc nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động kinh tế thành viên. Mặt khác, từ hoạt động của mình, tổ chức hợp tác xã tự tạo ra tăng trưởng của riêng nó.

Khu vực KTTT, HTX là hạt nhân quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, tái có cấu ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương mại- dịch vụ, góp phần xóa đói giảm nghèo, góp phần ổn định chính trị- xã hội. KTTT, HTX tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững; chất lượng tăng trưởng ổn định, khả năng tạo việc làm của khu vực này tăng mạnh; cải thiện chatas lượng đời sống của thành viên, cộng đồng dân cư, hạn chế biểu hiện tiêu cực, suy thoái đạo đức…

Trong lĩnh vực nông nghiệp: KTTT, HTX góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng sản lượng của hộ thành viên; phát triển mô hình HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị, phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương, chương trình OCOP…HTX có vai trò liên kết giữa hộ nông dân- doanh nghiệp trong thực hiện chuỗi liên kết sản xuất- chế biến- tiêu thụ sản phẩm; HTX cung ứng nhiều dịch vụ đầu vào, đầu ra cho thành viên với quy mô lớn hơn, đảm bảo chất lượng vật tư, dịch vụ, giá cả thấp hơn thị trường khoảng 8%.

Trong lĩnh vực công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải: HTX mang lại hiệu quả cho thành viên với chi phí đầu vào thấp hơn 8% -12%, chất lượng sản phẩm cao hơn, doanh thu tăng gấp 2 lần, thu nhâp thành viên tăng trên 30%. Khu vực KTTT, HTX góp phần mỏ rộng và xây mời các khu công nghiệp, nhà máy, công trình, phát triển làng nghề truyền thống, tạo thêm công ăn việc làm cho thành viên và người lao động.

Trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ: Khu vực KTTT, HTX có đóng góp tích cực vào sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hoạt động; huy động nguồn lực chủ yếu từ thị trường để đầu tư, cải thiện sản xuất, kinh doanh; chuyển mạnh từ kinh doanh hộ nhỏ lẻ sang mô hình hợp tác, liên kết quy mô lớn, thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thương mại- dịch vụ tại các địa bàn nông thôn.

 Như vậy, tổ chức hợp tác xã tạo ra hai kênh tăng trưởng, góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế, quan trọng hơn là nó góp phần nâng cao hiệu quả không chỉ hoạt động của từng thành viên mà còn của chung toàn xã hội, nâng cao sức cạnh tranh không chỉ của từng thành viên mà còn của toàn bộ nền kinh tế.

 ***Về chính trị - văn hóa - xã hội***

KTTT, HTX hướng tới phát huy vai trò trong phát triển tinh thần hợp tác, gắn kết cộng đồng, từng bước hiện thực hóa các giá trị đạo đức cao đẹp theo các nguyên tắc của hợp tác xã. Thành viên HTX nâng cao trách nhiệm xã hội của công dân, cũng như cộng đồng, tạo điều kiện cho cộng đồng ngày càng ổn định và gắn kết với nhau hơn. Thông qua HTX, thành viên của cộng đồng có thể cùng nhau giải quyết các vấn đề có thể liên quan đến cuộc sống của họ, góp phần giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ dân cư, củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xã.

Trước hết, KTTT với nòng cốt là HTX là một kênh quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển các HTX sẽ giúp thành viên, hộ gia đình thành viên tăng thu nhập, bảo đảm đời sống ổn định, góp phần xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Bên cạnh đó, với tinh thần “hợp tác” trong HTX, tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong các thành viên nói riêng và cộng đồng dân cư nói chung, nhất là ở nông thôn được phát huy; thành viên HTX mở rộng các sinh hoạt cộng đồng, giúp đỡ tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất-kinh doanh, cải thiện đời sống văn hóa. Phát triển HTX góp phần phát triển văn hóa cộng đồng, củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Xuất phát từ giá trị nhân văn, giàu tinh thần nhân ái của mình, các HTX còn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau để vượt nghèo, nâng đỡ các gia đình khó khăn.

Thông qua HTX, từng bước tăng cường tính dân chủ trong quản lý tổ chức KTTT nói riêng và trong đời sống dân cư địa bàn nói chung. Nhiều HTX tham gia tích cực cùng với chính quyền địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, các công trình phúc lợi công cộng như: Giao thông, hệ thống điện, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, kênh mương nội đồng…HTX tham gia tích cực vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là tiền đề quan trọng để thực hiện dân chủ hoá và nâng cao văn minh ở nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa.

Phong trào HTX góp phần tăng cường đoàn kết nhân dân ngay tại địa bàn dân cư. Thông qua HTX, thành viên có thể cùng nhau giải quyết các vấn đề có liên quan đến cuộc sống của họ, như thăm hỏi, giúp đỡ nhau trong lúc hiếu, hỷ, ốm đau...; tổ chức các hoạt động xã hội văn hoá và hoạt động chăm lo cộng đồng, góp phần giải quyết các mâu thuẫn trong nội bộ dân cư, góp phần củng cố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Phát triển HTX sẽ phát huy lan toả các giá trị tốt đẹp của HTX ra toàn xã hội như: tính trung thực, công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch, tinh thần giúp đỡ lẫn nhau, ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm, ý thức chăm lo cộng đồng…, có ý nghĩa rất lớn trong sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

***Trong giai đoạn 2011-2020, khu vực KTTT, HTX đã đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:***

- Khu vực KTTT, HTX đã từng bước thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài, có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, xuất hiện nhiều loại hình HTX, mô hình kinh tế hợp tác có hiệu quả, góp phần tạo được niềm tin vào triển vọng phát triển của KTTT, HTX, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân, nhất là hộ thành viên.

- Về cơ bản các HTX tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã; hoạt động hướng về thành viên, mang lại lợi ích cho thành viên, thành viên gắn bó với hợp tác xã hơn. Các HTX phát triển đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, đã phát triển được một số HTX trên một số ngành, nghề, lĩnh vực mới như y tế, giáo dục, môi trường, khoa học, công nghệ. HTX là một chủ thể quan trọng trong cung cấp dịch vụ và kết nối sản xuất cho hàng chục triệu hộ gia đình để tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao, gắn kết với doanh nghiệp trong tiêu thụ, chế biến.

- Số lượng các HTX áp dụng khoa học công nghệ, hiện đại vào sản xuất, kinh doanh, tham gia vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tăng lên; ngày càng nhiều cán bộ HTX trẻ, có trình độ, tâm huyết, giàu kinh nghiệm, nhạy bén với thị trường, mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất để thích ứng với thị trường cạnh tranh.

 ***Để có được kết quả đó, là do:***

***a) Chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển KTTT, HTX***

Kinh tế hợp tác hay kinh tế tập thể là một trong năm thành phần kinh tế quan trọng đã được Đảng và Nhà nước xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, được thể hiện trong các Văn kiện đại hội toàn quốc của Đảng các khóa X, XI, XII, và đặc biệt là có Nghị quyết chuyên đề của Ban chấp hành Trung ương (Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX).Nghị quyết này là kim chỉ nam cho các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển KTHT, HTX cho cả giai đoạn từ 2003 đến nay.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, trên cơ sở kết quả sơ kết 5 năm, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 20/01/2008 về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT và đã tiến hành sơ kết 03 năm thực hiện Kết luận vào năm 2015; tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020. Cụ thể như sau:

 - Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/03/2002 Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

 Nghị quyết nêu rõ "*Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt*", "*kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân*".

 Nghị quyết đưa ra “*Mục tiêu từ nay đến năm 2010 là: đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém hiện nay, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP của nền kinh tế*”. Đây cũng là mục tiêu xuyên suốt trong các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về KTHT, HTX.

 - Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

Nghị quyết nêu rõ “*Phát triển kinh tế tập thể là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đồng thời, đây cũng là sự nghiệp hết sức khó khăn, phức tạp đòi hỏi phải kiên trì*”.

 - Kết luận 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, đánh giá 10 năm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX

 Kết luận nêu rõ “*Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX; tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, đưa kinh tế tập thể thực sự là thành phần kinh tế quan trọng, góp phần cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Phát triển kinh tế tập thể phải gắn với tái cơ cấu nền kinh tế đất nước, chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia khác*.”

 - Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

 Nghị quyết nêu rõ “*Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển; phấn đấu đến năm 2020 có 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; thúc đẩy và nhân rộng các mô hình liên doanh, liên kết có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp*”.

 - Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

 Bộ Chính trị tiếp tục yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tập trung thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về kinh tế tập thể; đồng thời đưa ra 6 nhóm giải pháp quyết liệt nhằm phát triển KTHT, HTX trong thời gian tới.

 - Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị.

 Thực hiện các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, trong giai đoạn 2011-2020, Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở khắc phục các hạn chế của Luật Hợp tác xã năm 2003, tiếp thu kinh nghiệm phổ biến quốc tế và phù hợp với xu hướng mới phát triển HTX ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức HTX, đã tạo ra khung pháp luật nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển HTX. Luật Hợp tác xã năm 2012 cơ bản đã thể chế hóa đầy đủ quan điểm về bản chất tổ chức hợp tác xã đã được đề ra trong Nghị quyết. Đến nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đã được Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành để hướng dẫn thi hành Luật.

Đặc biệt, năm 2017, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 352/QĐ-TTg thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX, trong đó: Phó Thủ tướng làm Trưởng ban Chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Phó Trưởng ban Thường trực và 02 Phó Trưởng ban còn lại là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

 Ban Chỉ đạo có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan tới đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

*b) Về pháp luật, cơ chế, chính sách*

- Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm phổ biến quốc tế và phù hợp với xu hướng mới phát triển hợp tác xã ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức HTX, đã tạo ra khung pháp luật cơ bản phù hợp nhằm khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển HTX.

Trong giai đoạn 2011-2020, đặc biệt sau 07 năm triển khai Luật HTX năm 2012, KTTT với nòng cốt là HTX, bước đầu thể hiện chuyển biến về chất lượng, hiệu quả, chứng tỏ ngày càng rõ nét hơn vai trò quan trọng và có ý nghĩa toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, bước đầu đã có những tín hiệu mới trong công cuộc phát triển phong trào hợp tác xã toàn quốc.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, về cơ bản đã được Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành để hướng dẫn thi hành Luật. Các địa phương ban hành nhiều văn bản triển khai thi hành Luật và bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển KTTT, HTX tại địa phương.

## *c) Về tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách*

- Công tác tuyên truyền, học tập, quán triệt, kế hoạch triển khai Nghị quyết, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về KTTT, HTX được chỉ đạo tổ chức, triển khai nghiêm túc, sâu rộng và nhận được sự quan tâm của toàn xã hội, thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong phát triển KTTT.

- Nhận thức của các cấp, các ngành về các quan điểm phát triển KTTT, mà nòng cốt là HTX có sự chuyển biến tích cực, bước đầu đạt được sự thống nhất về nhận thức trong toàn xã hội về vị trí, vai trò quan trọng của khu vực KTTT, HTX trong phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Xã hội nói chung và HTX nói riêng đã dần phân biệt được HTX với doanh nghiệp, với tổ chức xã hội và với hợp tác xã kiểu cũ. Ưu thế và vai trò của HTX đối với phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế địa phương nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung dần được khẳng định.

## *d) Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX*

- Bộ máy và hoạt động quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX từng bước được thiết lập, củng cố, đặc biệt là, Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX các cấp được tổ chức thành lập, từng bước kiện toàn từ Trung ương đến địa phương, nhằm tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp, tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết và pháp luật về phát triển KTTT, HTX*.*

Ở Trung ương, đã thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có đơn vị chuyên trách về KTTT. Tại các Bộ, ngành khác có đơn vị kiêm nhiệm, cán bộ kiêm nhiệm.

Ở địa phương, Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển KTTT, HTX các cấp tại các địa phương được kiện toàn, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về KTTT, đã bố trí phòng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức năng này. Cấp huyện chức năng quản lý nhà nước về KTTT đa số được giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

- Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, kết hợp với công tác phối hợp hiệu quả giữa Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ngày càng được nâng cao, góp phần thúc đẩy phát triển KTTT.

**2. Tồn tại, hạn chế**

Tuy đạt được một số thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung khu vực KTTT, HTX vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Phong trào KTTT, HTX phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Sự tồn tại, hạn chế thể hiện ở cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, công tác thực hiện chức năng quản lý nhà nước và bản thân các tổ chức KTTT, HTX, cụ thể như sau:

## *2.1. Về pháp luật, cơ chế, chính sách*

- Một số quy định của Luật còn chưa được hướng dẫn cụ thể hoặc có hướng dẫn thì chưa khả thi dẫn đến khó triển khai, như: thủ tục giải thể bắt buộc đối với HTX[[42]](#footnote-42); hướng dẫn chuyển đổi HTX sang các loại hình tổ chức khác[[43]](#footnote-43); công tác kiểm toán đối với HTX…

- Luật Hợp tác xã 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các hợp tác xã nhưng thực tế các chính sách này đi vào cuộc sống chưa nhiều. Có chính sách đến năm 2019 mới thực hiện được như chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng. Một số chính sách thực hiện chưa hiệu quả như chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm…; số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế.

- Một số chính sách hỗ trợ được ban hành phân tán, chưa đồng bộ, thiếu tính khả thi, chưa được hướng dẫn cụ thể, thiếu nguồn lực; thiếu kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành Luật Hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

## *2.2. Về tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách*

- Thời gian ban hành một số văn bản hướng dẫn Luật HTX kéo dài và phải điều chỉnh nên quá trình triển khai thực hiện Luật gặp nhiều khó khăn, như: Thông tư số 31/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc xử lý tài sản hình thành từ nhiều nguồn vốn khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản mới được ban hành ngày 30/3/2018.

- Việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền phổ biến về pháp luật hợp tác xã chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao dẫn đến nhận thức về pháp luật HTX chưa thống nhất. Một số địa phương còn lúng túng trong việc triển khai một số quy định mới của luật như: quy định làm hợp đồng dịch vụ giữa HTX với các thành viên, mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, sản phẩm, dịch vụ của HTX cho thành viên…

- Một số địa phương vẫn chưa thấy rõ vai trò của HTX trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nên mới chỉ dừng lại ở chủ trương, chưa chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, không có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các HTX trong quá trình thực hiện.

- Việc thực hiện một số quy định của Luật như: (1) chế độ kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về hợp tác xã còn thực hiện chưa thường xuyên và nghiêm túc, chưa kịp thời xử lý vi phạm pháp luật của HTX, các cá nhân, tổ chức liên quan; (2) chế độ báo cáo thống kê giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt nên rất khó khăn trong việc tổng hợp; không có hệ thống số liệu về KTTT, HTX hoặc nếu có thì không đầy đủ, không cập nhật, chưa chính xác; (3) Việc xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả theo chuỗi giá trị chưa được triển khai rộng rãi giúp cho người dân tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do HTX mang lại.

## *2.3. Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX*

- Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX còn nhiều bất cập, chưa hiệu quả, một số nơi thể hiện sự can thiệp quá sâu của các cấp chính quyền, có nơi buông lỏng quản lý, chưa thực hiện đầy đủ các nội dung quản lý nhà nước về KTTT, HTX theo quy định của pháp luật. Công tác phối hợp trong việc thực hiện báo cáo thống kê giữa các Bộ, ngành Trung ương và địa phương chưa thực hiện tốt nên rất khó khăn trong việc tổng hợp. Không có hệ thống số liệu về KTTT, HTX hoặc nếu có thì không đầy đủ, không cập nhật, chưa chính xác.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về KTTT các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức về HTX.

## *2.4. Về bản thân HTX*

- Phần lớn các tổ chức KTTT, HTX có quy mô nhỏ, phân tán, phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, giữa nông nghiệp và phi nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỷ lệ đóng góp vào GDP chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều hợp tác xã chỉ thực hiện các dịch vụ đầu vào cho thành viên là chủ yếu, hiệu quả hoạt động chưa cao. Sự gắn kết lợi ích giữa HTX và thành viên mờ nhạt.

- Chưa xây dựng được nhiều mô hình HTX kiểu mới quy mô lớn, việc chuyển đổi từ HTX kiểu cũ sang HTX kiểu mới còn chậm và gặp nhiều vướng mắc. Việc phổ biến, nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả chưa được triển khai rộng rãi, giúp cho người dân tin tưởng vào các lợi ích về kinh tế - xã hội do HTX mang lại. Sự liên kết, hợp tác của các HTX chưa chặt chẽ, còn hạn chế, hiệu quả thấp, vai trò của LH HTX chưa được phát huy.

- Công tác kế toán, tài chính của HTX chưa được thực hiện nghiêm túc, bài bản, do đó chế độ báo cáo của HTX chưa thường xuyên. Việc xây dựng báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh còn hạn chế.

**3. Nguyên nhân**

 - Tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế gặp nhiều khó khăn, bất ổn nên nguồn lực hỗ trợ cho KTTT còn hạn chế, không có dòng ngân sách riêng để hỗ trợ HTX; nguồn vốn tín dụng khó tiếp cận đối với HTX, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX hạn hẹp.

- Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu, của cán bộ lãnh đạo, đảng viên và người dân vẫn chưa đúng, chưa đầy đủ, chưa thống nhất về tinh thần của Nghị quyết, về bản chất tổ chức KTTT và đặc biệt chưa thấy hết được vai trò, vị trí quan trọng của khu vực KTTT trong nền kinh tế, nhất là đối với nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

Chưa có sự quan tâm đúng mức của các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, định hướng, xây dựng cơ chế chính sách, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho KTTT, HTX phát triển.

- Công tác xây dựng cơ chế, chính sách chưa kịp thời, còn nhiều vướng mắc chậm tháo gỡ; môi trường pháp lý chưa thuận lợi cho các chủ thể kinh tế tham gia HTX; cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực cho khu vực KTTT, HTX và kinh tế hộ còn nhiều bất cập; chính sách ưu đãi, hỗ trợ KTTT, HTX được ban hành nhiều nhưng nguồn lực thiếu nên khó đi vào thực tiễn.

- Bộ máy quản lý nhà nước về HTX chưa được quan tâm, kiện toàn theo yêu cầu, thiếu cán bộ chuyên trách về KTTT, đa phần là kiêm nhiệm, chưa nắm chắc chuyên môn, thiếu thực tế, nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về HTX còn hạn chế.

- Năng lực nội tại của các HTX còn yếu và thiếu nguồn lực từ cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, vốn hoạt động. Tâm lý e ngại đối với hợp tác xã kiểu cũ vẫn còn ảnh hưởng nặng nề trong đông đảo tầng lớp nhân dân, thói quen tổ chức sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, phân tán, không liên kết vẫn còn phổ biến.

**4. Bài học kinh nghiệm**

Từ thực tế phát triển kinh tế tập thể những năm qua, có thể rút ra các bài học kinh nghiệm như sau:

*Một là*, Nâng cao nhận thức là giải pháp của mọi giải pháp để phát triển KTTT. Cần chú trọng công tác giáo dục, đào tạo, tuyên truyền tổng kết thực tiễn, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các ngành, lĩnh vực để nhận thức rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc phát triển KTTT trong cơ chế thị trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Gắn mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTTT, HTX với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển HTX gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

*Hai là*, Phát triển KTTT phải bám sát các quan điểm chỉ đạo được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Chủ trương, chính sách phát triển KTTT, HTX phải phù hợp cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải tôn trọng giá trị, nguyên tắc hoạt động của tổ chức KTTT, HTX; bảo đảm tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự vươn lên của tổ chức KTTT, HTX, phát huy vai trò làm chủ thực sự của thành viên, gắn bó chặt chẽ giữa quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên trong HTX.

Việc ban hành chính sách mới cần nêu rõ điều kiện, tiêu chí, nguồn lực, cách thức thực hiện để các HTX tiếp cận một cách công bằng. Cơ chế, chính sách của Nhà nước cần phải tập trung, sát với nhu cầu của HTX và phát huy được nhiều nguồn lực hỗ trợ HTX (ngân sách nhà nước, vốn góp của thành viên, tín dụng ngân hàng và nguồn lực xã hội). Phải coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, xử lý các sai phạm trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển KTTT.

*Ba là*, Vai trò, ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đặc biệt là người đứng đầu, sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển KTTT. Ở đâu các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, coi nhiệm vụ lãnh đạo phát triển KTTT là nhiệm vụ trong tâm, thường xuyên và có sự vào cuộc tích cực của các tổ chức đoàn thể, thì nơi đó kinh tế tập thể có sự chuyển biến rõ nét và ngược lại.

*Bốn là*, Bộ máy quản lý nhà nước cần được quan tâm củng cố đủ năng lực thể chế và quản lý nhà nước theo kịp bối cảnh mới. Cán bộ quản lý nhà nước cần được bồi dưỡng, đào tạo, cập nhật thường xuyên các kiến thức, kinh nghiệm quản lý HTX trong và ngoài nước, đảm bảo có trình độ năng lực, khả năng tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác định hướng, phát triển KTTT, HTX gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Công tác kiểm tra, giám sát thi hành luật phải được thực hiện định kỳ, chấn chỉnh kịp thời những trường hợp sai phạm cũng như hoạt động yếu kém, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của quản lý nhà nước nói riêng và hoạt động của khu vực HTX nói chung.

 *Năm là*, Đối với các HTX cần đảm bảo hài hòa lợi ích đa dạng của các thành viên; quản trị dân chủ, minh bạch; thực hiện đổi mới, sáng tạo và đầu tư công nghệ cao. Đề cao vị trí của ban lãnh đạo, nhất là vai trò người đứng đầu HTX. Trình độ cán bộ quản lý, điều hành HTX có vai trò quyết định đến sự phát triển hợp tác xã, do đó cần tập trung củng cố, đào tạo bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho đội ngũ Giám đốc, kế toán và cán bộ kỹ thuật của HTX đáp ứng nhu cầu trong tình hình mới.

**Phần thứ hai**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

 **I. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ**

 **1. Tình hình quốc tế**

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn của tình hình thế giới và khu vực. Phát triển bền vững, tăng trưởng xanh là xu thế bao trùm. Liên hợp quốc cam kết thực hiện Chương trình nghị sự về phát triển bền vững đến năm 2030 có ảnh hưởng đến phương thức tăng trưởng và hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới trong những năm tới.

Tình hình kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi, các nền kinh tế phát triển đang có dấu hiệu tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, một số khu vực trên thế giới xảy ra bất ổn về chính trị, khủng bố và tranh chấp lãnh thổ gia tăng, biến đổi khí hậu và môi trường bị tàn phá, đặc biệt là cuộc chiến thương mại giữa 2 nước lớn là Mỹ và Trung Quốc. Ở trong nước, với sự hội nhập kinh tế toàn diện, thu hút mạnh các dòng vốn FDI, Chính phủ vẫn kiên trì với mục tiêu tái cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh, nhu cầu tiêu dùng, tiêu thụ sản phẩm an toàn, chất lượng của người dân ngày càng được nâng lên. Đây sẽ là cơ hội cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp, các HTX nói chung.

Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa và cạnh tranh gay gắt, xu hướng chung của thế giới hướng đến sử dụng hàng hóa an toàn, có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng cao, đặc biệt là hàng nông sản hữu cơ, đòi hỏi các HTX phải thích ứng với thị trường bằng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn.

Thương mại điện tử được xem như một trong những giải pháp hiệu quả, bền vững để các HTX nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường cũng như tham gia vào các hoạt động kinh tế trước cách mạng công nghiệp 4.0.

Biến đối khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế là cơ hội đồng thời cũng là thách thức lớn cho các thành phần kinh tế trong đó có HTX, đòi hỏi các HTX phải năng động, sáng tạo, nắm bắt thông tin, tiếp cận khoa học, công nghệ tiên tiến để áp dụng vào sản xuất, phù hợp với thực tế Việt Nam.

Về lĩnh vực KTTT, HTX, theo Tổ chức Liên minh HTX Quốc tế, đến tháng 6/2019 trên thế giới có 1 tỷ người là thành viên và khách hàng HTX, tổng số hơn 3 triệu HTX. Các HTX đóng góp vào tăng trưởng kinh tế bền vững và việc làm ổn định, chất lượng, sử dụng 280 triệu người lao động trên toàn cầu, tương ứng với 10% người lao động trên thế giới.

Trong tổng số 2.575 tổ chức đại diện HTX trên toàn cầu vào năm 2018, 300 HTX hàng đầu thế giới hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, bao gồm: bảo hiểm (32%), nông nghiệp (35%), thương mại bán buôn và bán lẻ (19%), dịch vụ tài chính ngân hàng (8%), công nghiệp và tiện ích (2%), y tế , giáo dục và chăm sóc xã hội (2%) và các dịch vụ khác (2%) và có tổng doanh thu 2.100 tỷ USD.

Kết quả hoạt động HTX của năm 2018 cho thấy các tổ chức lớn nhất trong phong trào HTX đều hoạt động tốt. Trong bảng xếp hạng Top 300 dựa trên doanh thu, HTX Groupe Crédit Agricole và Groupe BPCE, cả hai đều đến từ Pháp, lần lượt xếp thứ nhất và thứ hai, với HTX BVR của Đức đứng thứ ba. Các HTX đã và đang cùng phát triển các dự án và sáng kiến ​​để đảm bảo lao động công bằng, bảo vệ môi trường và nhiều hơn nữa để đáp ứng các mục tiêu phát biển bền vững SDGs. Nổi bật là những hành động được thực hiện bởi HTX Grupo Sancor Seguros (Argentina), HTX Metsä Group (Phần Lan) và HTX Sicredi (Brazil), ba trong số 300 HTX hàng đầu.

 **2. Tình hình đất nước**

Sau hơn 30 năm đổi mới, kinh tế nước ta có nhiều thay đổi tích cực, quá trình đô thị hóa của nước ta diễn ra nhanh chóng, đời sống nhân dân ngày càng nâng cao. Tuy nhiên, nền kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro; nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu của nền kinh tế còn lớn. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất của biến đổi khí hậu; các nguồn tài nguyên ngày càng suy giảm; thiên tai, dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam đang tham gia ngày càng sâu rộng vào tiến trình Toàn cầu hóa và Hội nhập kinh tế quốc tế với các cam kết mở thị trường về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư theo các hiệp định Mậu dịch tự do song phương, khu vực. Ngoài việc là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ tháng 01/2017 đến nay nước ta đã tham gia 13 hiệp định Mậu dịch tự do, đặc biệt là đã ký kết Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA và IPA). Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế theo những hiệp định Mậu dịch tự do, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang mở ra cho nước ta nhiều cơ hội cũng như thách thức. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế cả nước, đồng thời là cơ hội để Chính phủ khẳng định với thế giới về môi trường đầu tư an toàn của Việt Nam để thu hút đầu tư nước ngoài trong thời gian tới.

 **3. Cơ hội và thách thức đối với khu vực KTTT, HTX**

 ***3.1. Cơ hội***

Với bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và phát triển đa dạng của nền kinh tế*,* các HTX có nhiều cơ hội được học hỏi, cọ sát và nâng cao năng lực, cũng như tiếp nhận công nghệ sản xuất và công nghệ quản lý mới. Thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là từ các đối tác lớn, có công nghệ nguồn. Mở rộng xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu nông sản và nông sản chế biến. Hội nhập cũng tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế nhất là vị thế trong khu vực. Cùng với sự phát triển của HTX trong khu vực và quốc tế, tạo động lực và niềm tin để lĩnh vực KTTT, HTX nước ta ngày càng phát triển hơn.

 ***3.2. Thách thức***

 Bên cạnh cơ hội, khu vực KTTT, HTX sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức: Về cạnh tranh thị trường, nguồn nhân lực trong HTX, dễ bị ảnh hưởng của tác động bên ngoài, không đủ năng lực thích ứng với tình hình mới và bị tụt hậu ngày càng xa hơn về công nghệ; tác động của biến đổi khí hậu…

 Tuy nhiên, cạnh tranh hàng hóa sẽ diễn ra rất gay gắt, cả thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các sản phẩm mới, kể cả sản phẩm nội địa và đặc biệt là sự xâm lấn của thị trường nước ngoài sau khi các hàng rào thuế quan dần được xoá bỏ theo các thoả thuận thương mại quốc tế mà Việt Nam tham gia. Những thuận lợi của thời kỳ “*cơ cấu dân số vàng*” có thể sẽ không còn duy trì được lâu, kết hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn tới lợi thế lao động rẻ của Việt Nam sẽ không còn; lợi thế tài nguyên cũng đang giảm dần, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo là thách thức lớn thay thế nguồn lao động dồi dào trong xã hội, hàng triệu lao động có thể mất và phải chuyển đổi việc làm.

Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những biến động của thị trường quốc tế như cách cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hay nạn khủng bố,...Thách thức khi không thích ứng với tình hình mới và bị tụt hậu ngày càng xa hơn về công nghệ…

Bên cạnh đó, trước sự phát triển không ngừng của đời sống, sản xuất, tốc độ gia tăng dân số, đô thị hóa mạnh mẽ và yêu cầu ngày càng cao về sản phẩm an toàn, chất lượng, an ninh lương thực, đã tạo sân chơi mới cho các HTX. Khu vực KTTT, HTX phải đối mặt và giải quyết có hiệu quả vấn đề về chất lượng và cạnh tranh. Hiện nay, sản phẩm nông nghiệp vẫn sản xuất nhỏ lẻ nên khâu kiểm soát sau thu hoạch còn yếu, thông tin về thị trường không cập nhật, không đáp ứng các tiêu chuẩn để xuất khẩu đi nước ngoài.

 **4. Dự báo xu hướng phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030**

Trong thời gian tới, các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất hiện nhiều hình thức liên kết kinh tế mới, các định chế tài chính quốc tế, khu vực, các hiệp định song phương, đa phương thế hệ mới. Trong khi đó, Việt Nam sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng kinh tế ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn rất nhiều so với giai đoạn trước.

KTTT, HTX tiếp tục phát triển ở các nước phát triển và đang phát triển (chiếm tỷ trọng từ 8% - 30% GDP), là phương thức tổ chức hoạt động kinh tế, đời sống của xã hội văn minh, phù hợp với phát triển kinh tế bao trùm, kinh tế chia sẻ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, các thành viên trong xã hội đều được hưởng lợi, không ai bị bỏ lại phía sau. Nước ta có gần 100 triệu người, với hơn 26 triệu hộ gia đình ở nông thôn và thành thị, 60 triệu lao động, có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển nhanh, bền vững các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là nông sản, thực phẩm là một xu hướng tất yếu, đòi hỏi các HTX phải hợp tác, liên kết sản xuất, thương mại, đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu. Xu hướng liên kết chính là xu hướng mới trong tổ chức sản xuất quy mô lớn, hiện đại mà thế giới đang thực hiện.

Mỗi địa phương trong cả nước có ưu thế riêng về thổ nhưỡng, khí hậu cũng như cây trồng, vật nuôi, chính vì vậy việc thành lập các mô hình HTX hoạt động với quy mô liên xã, liên huyện với những sản phẩm chủ lực của địa phương là một xu thế tất yếu mà các HTX cần hướng tới.

 **II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

Để phát triển KTTT, mà nòng cốt là HTX trong thời gian tới, cần xác định rõ các quan điểm như sau:

1. Kinh tế tập thể, mà nòng cốt là hợp tác xã là thành phần kinh tế quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, góp phần phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Phát triển KTTT là xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Phát triển KTTT nhanh và bền vững, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của người dân và tổ chức tham gia với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và của cả nước.

3. Phát triển KTTT theo hướng gắn sản xuất, kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm và đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng cộng đồng thân thiện, văn minh, nhất là ở khu vực nông thôn.

4. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Các cấp ủy đảng, chính quyền coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong phát triển kinh tế tập thể.

5. Phát triển kinh tế tập thể phù hợp với quy luật khách quan, xu hướng phát triển và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tiếp thu kinh nghiệm, ứng dụng linh hoạt, hiệu quả các mô hình thành công trong nước và quốc tế; phát huy tối đa sức mạnh của mô hình hợp tác xã kiểu mới, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia.

 **III. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

### 1. Mục tiêu tổng quát

 Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống thành viên, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030, cả nước có khoảng 140 nghìn tổ hợp tác, 45 nghìn hợp tác xã, 340 Liên hiệp Hợp tác xã, với 2 triệu thành viên tổ hợp tác, 8 triệu thành viên hợp tác xã, 1.700 hợp tác xã thành viên của Liên hiệp Hợp tác xã.

- Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả đạt 70% trên tổng số hợp tác xã cả nước. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt 25% trở lên.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp để phấn đấu đến năm 2030 cả nước có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Xử lý dứt điểm các hợp tác xã đã ngừng hoạt động và các hợp tác xã chưa chuyển đổi theo Luật hợp tác xã năm 2012.

 **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2021-2030**

**1. Định hướng chung**

 Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể trên các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế, trên mọi vùng lãnh thổ; mở rộng quy mô thành viên; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh. Hợp tác xã tập trung các dịch vụ phục vụ thành viên, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, liên kết với doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích thành viên...

**2. Định hướng phát triển kinh tế tập thể theo ngành, lĩnh vực chủ yếu**

***2.1. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp***

- Định hướng phát triển kinh tế tập thể gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

+ Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

+ Phát triển liên hiệp hợp tác xã trong nông nghiệp để phát huy thế mạnh của từng hợp tác xã trong hỗ trợ các hợp tác xã khác và liên kết với doanh nghiệp, vươn tầm hoạt động ra địa bàn cả nước và xuất khẩu.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã, trong đó: Các hợp tác xã tập trung sản xuất nông sản hàng hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tập trung phát triển hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ; phát triển hợp tác xã công nghệ cao ....

- Khuyến khích hợp tác xã nông nghiệp tổ chức sản xuất nông nghiệp gắn với sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên tạo thành chuỗi giá trị khép kín.

- Tăng cường hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho các hợp tác xã nông nghiệp, tạo điều kiện cho các hợp tác xã vay vốn, thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp ở các địa bàn, lĩnh vực nông nghiệp, các sản phẩm chủ lực còn ít hoặc chưa có hợp tác xã.

- Phát triển kinh tế tập thể trong lĩnh vực trồng trọt (lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, điều, trái cây, mía đường..), chăn nuôi (bò sữa, đại gia súc, lợn, gia cầm các loại), lâm nghiệp, thủy sản (nuôi trồng, khai thác), diêm nghiệp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển các sản phẩm chủ lực tại địa phương ...

- Xử lý giải thể dứt điểm hợp tác xã ngừng hoạt động, thành lập mới hoặc phát triển quy mô thành viên trong các hợp tác xã ở các địa bàn trước đây hợp tác xã giải thể hoạt động, đảm bảo các địa bàn sản xuất nông nghiệp đều có hộ nông tham gia hợp tác xã.

***2.2. Định hướng chiến lược phát triển* kinh tế tập thểhợp tác xã *trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.***

*a) Đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã* *trong lĩnh vực Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:*

Tiếp tục củng cố và mở rộng qui mô, phạm vi hoạt động của các hợp tác xã hiện có. Chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã gắn với các chương trình khuyến công, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển ngành nghề, xoá đói, giảm nghèo ở từng địa phương. Từng bước nghiên cứu xây dựng một số liên hiệp hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở những vùng có nhiều làng nghề, cụm công nghiệp.

Chú trọng hướng dẫn xây dựng các hợp tác xã dịch vụ công nghiệp ở các làng nghề, tại các cụm công nghiệp nông thôn, tạo tiền đề cho việc hình thành, phát triển các làng nghề mới. Giúp đỡ các hợp tác xã hiện đại hoá trang thiết bị, đổi mới công nghệ và sản phẩm, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất.

Chú trọng phát triển các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, tập trung vào mở mang, phát triển các ngành nghề truyền thống, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất cơ khí phục vụ nông nghiệp, bảo quản chế biến nông sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

*b) Đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực Thương mại – dịch vụ:*

- Xây dựng mô hình hợp tác xã thương mại theo hướng dịch vụ đa ngành nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất đồng thời góp phần tiêu thụ nông sản cho nông dân. Tiếp tục củng cố các Liên hiệp hợp tác xã hiện có tại các thành phố lớn; các tỉnh, thành phố khác có thể thành lập một hoặc một số Liên hiệp hợp tác xã để hỗ trợ các hợp tác xã thành viên về nguồn hàng, thị trường...

- Khuyến khích phát triển các hợp tác xã theo hướng kinh doanh tổng hợp (mua bán hàng hoá, gia công chế biến, cung ứng dịch vụ), khuyến khích các hợp tác xã tham gia vào hệ thống phân phối hoặc chuỗi kinh doanh của các Liên hiệp hợp tác xã thương mại hoặc các doanh nghiệp lớn nhằm liên kết để nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Phát triển hợp tác xã kinh doanh và quản lý chợ trên các địa bàn theo mô hình hợp tác xã kinh doanh và quản lý chợ (đối với các hợp tác xã trúng thầu hoặc được giao quản lý chợ) hoặc hợp tác xã là chủ đầu tư kết hợp kinh doanh và quản lý chợ.

*c) Đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực điện năng:*

Tiếp tục củng cố và phát triển hợp tác xã điện năng theo các quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của thành viên tham gia hợp tác xã, nguyên tắc về góp vốn, công tác tổ chức và chiến lược hoạt động. Khuyến khích các hợp tác xã kinh doanh điện năng đổi mới, nâng cao hiệu quả và mở rộng phạm vi hoạt động, từ bán lẻ điện sinh hoạt nông thôn tới cung cấp dịch vụ điện năng phục vụ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương.

***2.3. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực xây dựng***.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã hiện có nhằm cung cấp dịch vụ cho thành viên, hiện đại hóa máy móc thi công, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến. Tham gia đấu thầu thi công hoặc ký hợp đồng thi công với chủ đầu tư; tổ chức giám sát; quản lý thi công theo quy định. Liên kết giữa các hợp tác xã việc làm và hợp tác xây dựng để chia sẻ công việc trong lĩnh vực xây dựng.

- Nghiên cứu, cập nhật đưa các quy định về chính sách liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã vào xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của ngành xây dựng (Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản), đặc biệt là quan tâm đến chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Phát triển các hợp tác xã xây dựng kiểu mới nhằm đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên là cá thể, hộ gia đình, các pháp nhân, kể cả các doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, như: sản xuất và/hoặc cung ứng vật liệu xây dựng; tư vấn, khảo sát thiết kế xây dựng; thi công xây dựng; trang thiết bị phục vụ xây dựng; v.v...

- Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã xây dựng áp dụng công nghệ chế tạo sẵn quy mô lớn theo hướng đa ngành nghề kết hợp xây dựng, khai thác, sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, thi công xây lắp, quản lý tòa nhà…

***2.4. Định hướng chiến lược phát triển Kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực giao thông vận tải.***

*a) Lĩnh vực đường bộ*

- Tăng cường số lượng, chất lượng trong các hợp tác xã theo hướng hợp tác xã tập trung chuyên kinh doanh vận tải tách bạch với hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ. Trên cơ sở đó xây dựng tính chuyên nghiệp và quy mô trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động vận tải.

 - Mở rộng kết nối vận tải đường bộ quốc tế trong khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, tập trung mở rộng phạm vi hoạt động của các hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa trong chuỗi phát triển logistics.

 - Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực hợp tác xã vận tải đường bộ; nâng cao chất lượng phương tiện vận chuyển, đáp ứng tối đa tiêu chí an toàn trên mọi lộ trình, rút ngắn thời gian di chuyển, giá thành hợp lý, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, ứng dụng công nghệ trong vận hành, quản lý.

 *b) Lĩnh vực đường thủy nội địa và hàng hải*

 - Nâng cao số lượng hợp tác xã thành lập mới.

 - Thúc đẩy phát triển kinh doanh đánh bắt thủy, hải sản gắn liền với hoạt động bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- Tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ giữa các hợp tác xã. Tạo sự liên kết các hợp tác xã vận tải thủy, hàng hải với hợp tác xã vận tải đường bộ và các đơn vị kinh doanh vận tải để hình thành mạng lưới vận tải thuận lợi cho sự lưu thông hàng hóa, hành khách và phát triển logistic.

***2.5. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực tín dụng***

- Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo đúng mục tiêu, tôn chỉ của loại hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã theo quy định của pháp luật; có cơ cấu tổ chức, đủ năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững.

- Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của thành viên quỹ tín dụng nhân dân, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp - nông thôn, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, đảm bảo an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tập thể, trong đó nòng cốt là các hợp tác xã.

- Phát triển Ngân hàng Hợp tác xã có đủ năng lực tài chính, tăng cường năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững để thực hiện tốt vai trò là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân.

- Thực hiện tính liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn, đảm bảo an toàn hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân, hỗ trợ thúc đẩy phát triển các loại hình kinh tế tập thể là hợp tác xã khác trên phạm vi toàn quốc.

***2.6. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong các lĩnh vực khác***

- Tiếp tục thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để cung cấp các dịch vụ phục vụ đời sống cho người dân như: Y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục; du lịch, nhà ở ....

+ Về nhà ở: Khuyến khích phát triển hợp tác xã nhà ở theo hướng các thành viên là người sử dụng (mua) các căn hộ chung cư do hợp tác xã là chủ đầu tư và sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong chung cư do hợp tác xã cung ứng sau xây dựng. Khuyến khích phát triển các hợp tác xã dịch vụ nhà ở trong các chung cư, khu dân cư, như dịch vụ vệ sinh, nước, điện, cung ứng thực phẩm, v.v...

+ Về y tế: Xây dựng và phát triển các hợp tác xã cung ứng các sản phẩm, dịch vụ chung cho các cơ sở khám chữa bệnh, như: thực phẩm phục vụ nhân viên và bệnh nhân; dịch vụ giặt, tẩy sạch; nhân sự chuyên môn; v.v...; Xây dựng và phát triển cáchợp tác xã bệnh viện, y tế cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh, dịch vụ tư vấn sức khoẻ, dịch vụ chăm súc sức khoẻ cho thành viên, nhất là ở vùng nông thôn.

+ Về trường học: Phát triển các hợp tác xã dịch vụ trong các trường học cung ứng dịch vụ chung cho thành viên - là học sinh, giáo viên của trường về: dịch vụ ăn uống, thực phẩm; dịch vụ ký túc xá, nhà ở; dịch vụ máy tính, photocopy, Internet,...; dịch vụ sinh hoạt văn hóa; dịch vụ du lịch, thực tập, vui chơi giải trí.

+ Về môi trường, cung cấp nước sạch: Phát triển cáchợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường tại các khu dân cư mà thành viên là nhân dân sinh sống tại các khu vực đó. Phát triển các hợp tác xã nước sạch tại các khu dân cư, nhất là ở nông thôn. Tuỳ điều kiện cụ thể, hợp tác xã này ở nông thôn có thể độc lập hoặc lồng ghép với hợp tác xã nông nghiệp đa chức năng.

- Khuyến khích thành lập các hợp tác xã do hội viên các tổ chức chính trị- xã hội (Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cực chiến binh Việt Nam…) làm chủ; bảo đảm các quy định phù hợp với tính chất, đặc điểm của tổ chức nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các hội viên tham gia thành lập hợp tác xã; tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia thành lập hợp tác xã.

- Phát triển hợp tác xã tiêu dùng nhằm hỗ trợ lẫn nhau, hướng tới dịch vụ mua chung, bán chung, tận dụng những lợi thế của công nghệ thông tin để tối đa hóa lợi ích thành viên; giảm chi phí quản lý, dễ dàng thu hút thành viên tham gia, mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của hợp tác xã.

**3. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xãtheo vùng, lãnh thổ**

***3.1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc***

- Tiếp tục củng cố, phát triển nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với sản xuất nông nghiệp an toàn theo hướng nông nghiệp hữu cơ và chuỗi giá trị sản phẩm, hàng hóa chủ lực.

- Hỗ trợ khuyến khích phát triển mạnh hơn, hiệu quả hơn đối với các hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh cây ăn quả có múi.

- Tập trung phát triển hợp tác xã gắn với sản phẩm chủ lực của Vùng như chè, trồng cây dược liệu, cây ăn quả, hoa lan, chế biến gỗ, các sản phẩm OCOP, chăn nuôi đại gia súc.... nhằm phát huy lợi thế về tài nguyên rừng, khoáng sản, các cửa khẩu, văn hóa dân tộc đặc sắc, phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng, dịch vụ...

- Xây dựng và mở rộng mô hình hợp tác xã ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến. Hướng tới thành lập các HTX nông nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm sau thu hoạch để nâng cao giá trị, sản lượng hàng hóa.

- Phát triển mô hình liên kết giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp. Tư vấn hỗ trợ hợp tác xã thiết kế nhãn mác, bao bì đóng gói sản phẩm, hình thành và phát triển thương hiệu, hướng tới xây dựng các thương hiệu có uy tín sản xuất sản phẩm có chất lượng cao.

- Phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã đa dạng lĩnh vực hoạt động, phù hợp với điều kiện phát triển vùng cao, vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm giải quyết việc làm, tạo điều kiện tăng thu nhập cho hộ thành viên, đảm bảo sinh kế bền vững.

***3.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng***

- Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sạch, phù hợp quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, trong đó xác định rõ các vùng sản xuất tập trung gắn với các sản phẩm có thế mạnh của từng địa phương như vùng sản xuất rau an toàn, rau chế biến, vùng sản xuất hoa, vùng sản xuất cây ăn quả, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất cây lâm nghiệp.

- Nâng cao khả năng thích nghi của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường, kinh tế hội nhập; nâng cao giá trị của hợp tác xã đối với thành viên, người lao động về cung ứng dịch vụ, tăng thu nhập, nâng cao đời sống.., nhất là địa bàn nông thôn. Đóng góp tích cực vào các chương trình xóa đói, giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; thực hiện hiệu quả các vấn đề văn hóa, xã hội.

- Xóa bỏ hoàn toàn nhận thức, mô hình hoạt động hợp tác xã kiểu cũ; nâng cao chất lượng bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo về kinh tế tập thể; xây dựng các hợp tác xã chuyên ngành, phát triển đa dạng các loại hình hợp tác xã với các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa khác nhau nhằm phát huy thế mạnh của địa phương.

Tập trung xây dựng các hợp tác xã tiêu dùng trong khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư nhằm mở rộng quy mô, cung cấp dịch vụ, hàng hóa tiêu dùng cho thành viên, theo đó thành viên là người lao động tại khu công nghiệp, người dân các khu đô thị, chung cư... vừa là chủ sở hữu vừa là người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã.

 ***3.3. Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung***

- Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, trồng cây công nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy sản, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm hiệu quả kinh tế cao ….

- Tập trung mở rộng quy mô thành viên; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh; sản xuất theo chuỗi giá trị; liên kết với doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích thành viên.

- Chú trọng quy mô thành viên, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ hợp tác xã, các thành viên, các hộ gia đình đảm bảo duy trì phát triển sản xuất kinh doanh, đủ sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác trong nước và từng bước tham gia thị trường quy mô thành viên; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ hợp tác xã, các thành viên và xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, ổn định xã hội; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho các thành viên hợp tác xã và các chủ thể khác tham gia vào kinh tế hợp tác một cách bình đẳng và trong khuôn khổ pháp luật.

- Khơi thông nguồn lực và thu hút nhân lực lao động tạo sự phát triển bền vững cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, chú trọng công tác quản lý và đổi mới khoa học công nghệ cho hợp tác xã.

 ***3.4. Vùng Tây Nguyên***

 - Khuyến khích phát triển nông nghiệp bền vững, nòng cốt là hợp tác xã nông nghiệp với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, ứng dụng công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo ra các sản phẩm “sạch” cho xã hội, sản phẩm có giá trị và đáp ứng được yêu cầu xuất khẩu.

 - Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, liên kết chuỗi giá trị bằng các mô hình hợp tác xã, thành lập các liên hiệp hợp tác xã nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

 ***3.5. Vùng Đông Nam Bộ***

- Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã cả về chất lượng, số lượng trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế; thu hút mọi giới, thành phần xã hội tham gia, nhất là thanh niên và phụ nữ.

- Đối với tổ hợp tác: Tập trung phát triển các tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt, ngành nghề nông thôn); lĩnh vực dịch vụ (thu gom rác thải, vệ sinh môi trường, thủy lợi, cung cấp cây, con giống, vay vốn tín dụng...).

- Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Khuyến khích các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, trong đó: ưu tiên ứng dụng khoa học, công nghệ (4.0), công nghệ thông tin truyền thông (ICT), công nghệ sinh học, công nghệ tự động và bán tự động hóa, công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp. Phấn đấu giá trị sản xuất của các sản phẩm nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao tăng hơn 2,0 lần so với phương thức sản xuất thông thường.

- Khuyến khích xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp phù hợp với các chương trình cây, con giống trọng điểm theo hình thức liên kết với các doanh nghiệp, công ty, siêu thị từ đầu vào đến đầu ra.

 ***3.6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long***

- Phát triển các hợp tác xã sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, có thương hiệu, gắn với thế mạnh của vùng là sản xuất lương thực, thủy sản, hoa quả, mở rộng sản xuất những sản phẩm tinh chế phục vụ mục đích xuất khẩu thông qua phát triển các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có trình độ quản lý hiện đại để áp dụng tối đa lợi thế của hội nhập quốc tế và ưu thế của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tiếp tục tập trung phát triển các hợp tác xã xuất khẩu các sản phẩm có tiềm năng và giá trị cao như lúa, tôm, cá, rau quả đông lạnh; khuyến khích phát triển các hợp tác xã du lịch sinh thái (miệt vườn sông nước, đất ngập nước…), du lịch biển và du lịch văn hóa lễ hội.

 - Phát triển hợp tác xã theo hướng tập trung chuyên ngành, chuyên sâu gắn với vùng nguyên liệu, vùng kinh tế vườn, vùng chuyên canh hoa màu, vùng chăn nuôi gia súc gia cầm.

Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các hợp tác xã nuôi trồng thủy sản với quy mô thích hợp, xây dựng mô hình hợp tác xã theo hướng bền vững, hợp tác xã dịch vụ thủy sản và hợp tác xã chế biến, tiêu thụ thủy sản. Tuyên truyền vận động thành lập Liên hiệp hợp tác xã trên lĩnh vực lúa gạo, trái cây, thủy sản.

**Phần thứ ba**

**GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

Các Bộ, ngành, hiệp hội Trung ương và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công xây dựng giải pháp cụ thể nhằm thực hiện Chiến lược phát triển KTTT, HTX trong thời gian tới, trong đó tập trung vào nhóm giải pháp sau:

## 1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền về bản chất, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của hợp tác xã trong điều kiện mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người dân; tránh tình trạng nhận thức không thống nhất, không đầy đủ, bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình hợp tác xã kiểu cũ; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương.

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là nội hàm của tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Hợp tác xã chính là liên kết của các hộ nông dân, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã không làm mất đi vai trò của kinh tế hộ mà còn nâng đỡ, phát huy sức mạnh cho kinh tế hộ phát triển. Hiệu quả của hợp tác xã chính là hiệu quả của hộ gia đình, hợp tác xã phát triển thì đời sống hộ thành viên nói riêng và nông thôn nói chung tăng lên.

- Đưa nội dung phát triển kinh tế tập thể vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu để Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Rà soát, nghiên cứu, tổng kết, hoàn thiện hệ thống lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng và đưa nội dung giảng dạy về kinh tế tập thể vào trong hệ thống các trường chính trị, các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân và của các Bộ, ngành.

- Xây dựng nội dung và phương pháp đào tạo, tuyên truyền phù hợp cho từng đối tượng để việc tuyên truyền thiết thực và hiệu quả, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tổ chức cuộc thi tìm hiểu về hợp tác xã, mở các chuyên san, chuyên mục về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức triển lãm, hội chợ giới thiệu các sản phẩm của hợp tác xã, xây dựng các phim phóng sự, phim truyền hình về hợp tác xã, phát động phong trào thi đua trong các hợp tác xã…

- Tổ chức tôn vinh, khen thưởng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

## 2. Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định còn bất cập tại Luật Hợp tác xã năm 2012 theo hướng: Mở rộng đối tượng điều chỉnh là tổ hợp tác; đơn giản hóa các thủ tục hành chính (thành lập, đăng ký và giải thể hợp tác xã); khuyến khích mở rộng quy mô (số lượng thành viên, tỷ lệ vốn góp của thành viên, tài sản chung không chia…); thành lập doanh nghiệp trong hợp tác xã; tỷ lệ cung ứng dịch vụ bên ngoài thành viên; chế tài xử lý vi phạm Luật,..) trên cơ sở tổng kết 10 năm thi hành Luật.

- Rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi các Luật liên quan (Luật Đất đai, Luật Thuế…), kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững, phù hợp với xu thế phát triển hợp tác xã quốc tế và tình hình thực tế của Việt Nam trong mỗi giai đoạn phát triển.

- Các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương xây dựng Kế hoạch/Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo từng giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2026-2030 theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

- Bổ sung, sửa đổi các chính sách hỗ trợ, ưu đãi để thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp bản chất, tránh bao cấp, nhu cầu, trình độ phát triển của tổ chức kinh tế tập thể; việc hỗ trợ cần tập trung, tránh dàn trải, phân tán và thiếu nguồn lực thực hiện, đặc biệt chú trọng chính sách hỗ trợ hợp tác xã đối với những vùng dân tộc thiểu số. Tập trung chỉ đạo, triển khai có hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã tại địa phương.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ cấp vốn bổ sung cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã địa phương để tạo điều kiện cho hợp tác xã đa dạng hóa nguồn vay.

- Các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương chủ động cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và điều kiện cụ thể của Bộ, ngành, địa phương.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế để các hợp tác xã có đủ năng lực, điều kiện được tham gia thực hiện một số nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình đầu tư công.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong hợp tác xã, doanh nghiệp liên kết với hợp tác xã trong việc chế biến, tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã được vay vốn từ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Ứng dụng công nghệ vào xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về hợp tác xã trên toàn quốc. Xây dựng và công bố sách trắng về hợp tác xã; tổ chức Diễn đàn kinh tế hợp tác, hợp tác xã hàng năm.

##  3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển hợp tác xã

- Củng cố vai trò của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã từ Trung ương đến địa phương và bổ sung các thành viên của Ban chỉ đạo nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt, toàn diện trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, điều hành giữa các Bộ, ngành, địa phương trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

 Kiện toàn Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã từ Trung ương đến địa phương, theo hướng: Ở Trung ương là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ở địa phương là Sở Kế hoạch và Đầu tư để thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt trong công tác chỉ đạo, phối hợp, điều hành.

Tăng cường trách nhiệm của các thành viên là các cơ quan chuyên ngành trong Ban Chỉ đạo các cấp; tăng tính trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; chủ động đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp nhằm đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo hướng ngành Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước chung về kinh tế tập thể; các Bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế tập thể theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Các Bộ, ngành, địa phương bố trí đơn vị, công chức chuyên trách đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã, tránh tình trạng không có đơn vị hoặc cán bộ chuyên trách theo dõi về kinh tế tập thể.

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện pháp luật của hợp tác xã; hỗ trợ, hướng dẫn để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hợp tác xã hoạt động; tránh tình trạng buông lỏng hoặc can thiệp quá sâu, không đúng đối với tổ chức, hoạt động của hợp tác xã. Chính quyền các cấp cần phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hợp tác xã, không can thiệp vào công việc nội bộ của hợp tác xã đặc biệt là phương án sản xuất kinh doanh và công tác nhân sự.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã; bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý, kinh tế, thương mại, công nghệ cho thành viên, những người tham gia kinh tế tập thể.

- Quan tâm, phát triển các tổ chức, cơ sở đảng, đoàn thể trong tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã.

## 4. Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã theo đúng bản chất của Luật Hợp tác xã. Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo vệ lợi ích của thành viên trong hợp tác xã; vận động thành viên hợp tác xã góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động hợp tác xã thu hút thêm thành viên mới; quan tâm phát triển cả hợp tác xã nông nghiệp và phi nông nghiệp; tháo gỡ rào cản, quy định nhằm nâng cao khả năng huy động và tiếp cận nguồn lực cho các hợp tác xã.

 - Chỉ đạo, hướng dẫn xử lý đối với các trường hợp hợp tác xã không đăng ký và tổ chức lại hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; giải thể các hợp tác xã không hoạt động nhưng vướng mắc về công nợ, vốn góp, không để các hợp tác xã tồn tại hình thức và các hợp tác xã hoạt động không đúng bản chất; xử lý nợ tồn đọng để lành mạnh hóa khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Tập trung ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước trong việc hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã; nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, cải thiện tiềm lực tài chính và quy mô cho hợp tác xã.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đào tạo và thu hút cán bộ có trình độ về công tác tại các hợp tác xã, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng địa bàn khó khăn. Có chế độ ưu đãi và quy định cụ thể để giữ lại đư­­ợc những cán bộ hợp tác xã giỏi, có năng lực quản lý và tâm huyết đối với hợp tác xã. Tiếp tục hỗ trợ cho các hợp tác xã có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho cán bộ hợp tác xã.

- Tăng cường năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng công khai, minh bạch thông qua các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước; củng cố bộ máy kế toán, kiểm toán; bồi dưỡng, nâng cao trình độ năng lực quản lý, kinh tế, thương mại, công nghệ cho thành viên, những người tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tạo điều kiện cho hợp tác xã tham gia thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Xây dựng mô hình hợp tác xã và tổng kết mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, chương trình OCOP nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho thành viên; mô hình hợp tác xã quy mô cấp tỉnh, cấp vùng miền, cấp quốc gia theo ngành hàng.

- Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng nhân rộng, tổng kết các mô hình hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, từng bước khẳng định kinh tế tập thể, hợp tác xã là nhân tố quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

##  5. Tăng cường vai trò, trách nhiệm và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

- Củng cố tổ chức của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, bảo đảm thống nhất về tổ chức và hoạt động, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, tăng cường trách nhiệm của hệ thống Liên minh Hợp tác xã các cấp với vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên. Thống nhất, liên kết chặt chẽ hệ thống về tổ chức bộ máy và hoạt động từ trung ương đến địa phương.

 - Đẩy mạnh và đổi mới phương thức tuyên truyền về chủ trương, chính sách pháp luật hợp tác xã, lợi ích của hợp tác xã mang lại cho các thành viên để nâng cao nhận thức của người dân và các cấp, các ngành về hợp tác xã kiểu mới. Xây dựng chương trình phối hợp nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về kinh tế tập thể, hợp tác xã giữa Liên minh Hợp tác xã với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; nghiên cứu đề xuất đổi mới mô hình Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để tăng khả năng huy động nguồn lực từ thị trường, liên kết và thống nhất về cơ chế hoạt động của hệ thống Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã từ Trung ương đến địa phương.

- Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động để tham gia thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, dịch vụ công và một số nhiệm vụ khác do Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương giao, ủy thác (kiểm toán, đào tạo, tín dụng, xúc tiến thương mại, công nghệ...) theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn. Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, quản trị hệ thống và đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

- Tập trung tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong toàn hệ thống và cán bộ quản lý hợp tác xã trên cơ sở đổi mới phương thức hoạt động; cơ cấu lại hệ thống các trường đào tạo, các trung tâm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để hỗ trợ hợp tác xã phù hợp với điều kiện và tình hình mới. Đẩy mạnh việc khai thác có hiệu quả các trường đào tạo trực thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý hợp tác xã và đào tạo nghề cho thành viên.

- Xây dựng mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm chủ lực quốc gia, địa phương, chương trình OCOP để nhân rộng; nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất, chế biến và xuất khẩu sản phẩm chủ lực quốc gia, vùng, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, đảm bảo xây dựng nông thôn mới bền vững; đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng để động viên khuyến khích các hợp tác xã. Tăng cường hợp tác quốc tế về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trên cơ sở Luật Hợp tác xã năm 2012, các quy định pháp luật liên quan và tình hình thực tế hiện nay, nghiên cứu, đề xuất các quy định về nội dung, phương thức hỗ trợ đối với hợp tác xã của dân cư tại các khu đô thị, khu chung cư; tuyên truyền, vận động dân cư khu đô thị, khu chung cư tham gia thành lập hợp tác xã của dân cư đô thị; bảo đảm các quy định phù hợp với tính chất, đặc điểm của dân cư đô thị nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân tại các thành phố tham gia thành lập hợp tác xã; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thành lập hợp tác xã.

- Nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với liên đoàn hợp tác xã. Tuyên truyền, vận động các liên hiệp hợp tác xã cùng ngành nghề, lĩnh vực tham gia thành lập các liên đoàn hợp tác xã cấp tỉnh, vùng, quốc gia theo các quy định đã ban hành.

##  6. Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, đặc biệt là người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và trong phát triển kinh tế tập thể. Đưa phát triển kinh tế tập thể là một trong những nội dung quan trọng trong kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của các bộ, ngành, địa phương.

- Củng cố và phát triển tổ chức đảng trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Đảng trên cơ sở tôn trọng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân nắm rõ chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về kinh tế tập thể; gắn các hoạt động của tổ chức hội với các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc trong việc vận động, giáo dục quần chúng, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và thực hiện các quy định pháp luật về kinh tế tập thể; Mặt trận tổ quốc cần có chương trình, kế hoạch hành động, phối hợp với các tổ chức thành viên trong việc phát triển kinh tế tập thể.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể nhân dân, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức hội, hiệp hội khác trong việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trên cơ sở Luật Hợp tác xã năm 2012, các quy định pháp luật liên quan và tình hình thực tế hiện nay, nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với hợp tác xã do hội viên làm chủ; bảo đảm các quy định phù hợp với tính chất, đặc điểm của hội viên mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các hội viên tham gia thành lập hợp tác xã; tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia thành lập hợp tác xã.

## 7. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Đẩy mạnh các hình thức hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế tập thể nhất là trong việc tiếp thu kinh nghiệm tốt của các nước, vùng lãnh thổ có phong trào hợp tác xã mạnh. Tiếp thu các hỗ trợ kỹ thuật phát triển trong việc thành lập và nâng cao năng lực hợp tác xã. Thành lập và nâng cao năng lực cơ cấu trợ giúp tổ chức kinh tế tập thể.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế như Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA), các tổ chức hợp tác xã các nước, các tổ chức đại diện và hỗ trợ hợp tác xã các nước để học tập kinh nghiệm, tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật, thiết bị, máy móc, liên kết và mở rộng thị trường

- Chủ trì, tham gia các hội nghị quốc tế về hợp tác xã. Thành lập Diễn đàn các tổ chức quốc tế để hỗ trợ khu vực hợp tác xã. Trên cơ sở Diễn đàn, tùy theo thế mạnh và định hướng hỗ trợ của từng tổ chức để kêu gọi các tổ chức quốc tế hỗ trợ các hợp tác xã và thực hiện các dự án hỗ trợ hợp tác xã.

## 8. Xây dựng chương trình, dự án mang tính đột phá

Xây dựng, triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án điển hình hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển, như:

- Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025.

- Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025”.

- Đề án “Xây dựng phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2021-2030”.

- Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã tiêu dùng.

- Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất, chế biến và xuất khẩu sản phẩm chủ lực quốc gia, vùng, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, đảm bảo xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Đề án Hỗ trợ HTX phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021-2030.

- Đề án Xây dựng thí điểm và nhân rộng cơ chế, chính sách để khuyến khích KTTT, HTX tham gia vào hoạt động thu gom, xử lý chất thải theo nguyên tắc của kinh tế thị trường, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

- Xây dựng Kế hoạch/Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

- Xây dựng Chương trình đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc biệt nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển KTTT, HTX.

**Phần thứ tư**

**KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2021-2030 để thực hiện Chiến lược.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình Mục tiêu quốc gia và các chương trình đầu tư công giai đoạn 2021-2030.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và kinh phí hợp pháp khác.

- Kinh phí đóng góp từ các tổ chức kinh phí tập thể và các doanh nghiệp liên kết với tổ chức kinh tế tập thể.

**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Quốc Hội**

- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi một số nội dung còn bất cập của Luật HTX năm 2012 và các Luật liên quan phù hợp với xu thế phát triển HTX quốc tế và tình hình thực tế của Việt Nam trong mỗi giai đoạn phát triển.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh các Luật có liên quan như Luật Thuế, Luật Đất đai và các quy định của pháp luật liên quan phù hợp với tính chất, quy mô, hình thức hoạt động theo hướng ưu đãi hơn hiện nay cho các HTX, THT.

**2. Chính phủ**

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030 có hiệu quả. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược.

- Thực hiện, chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan thuộc thẩm quyền của Chính phủ; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược một cách đồng bộ, có hiệu quả.

- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với KTTT, HTX cho phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.

- Củng cố vai trò của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của Trung ương, địa phương và các thành viên của Ban chỉ đạo nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, điều hành giữa các bộ ngành, địa phương trong phát triển KTTT, HTX.

- Chỉ đạo củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT theo hướng ngành Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước chung về kinh tế tập thể từ Trung ương đến địa phương theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Các Bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nghiên cứu, thống kê chính xác giá trị gia tăng của khu vực KTTT hằng năm gián tiếp đóng góp vào GDP, làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược và hoạch định chính sách phát triển KTTT.

**3. Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương**

***3.1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư***

 - Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Phối hợp và hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan liên quan xây dựng và thực hiện Chương trình/Kế hoạch hành động các ngành, các cấp.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương để thực hiện Chiến lược.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Định kỳ hàng năm đánh giá, sơ kết kết quả thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách cần thiết.

***3.2. Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng và Ngân hàng Nhà nước***

- Xây dựng chương trình/kế hoạch hành động của ngành, lĩnh vực phục trách; bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược.

- Lồng ghép các nội dung của Chiến lược trong quá trình hoạch định chính sách; xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực mình.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức về tinh thần và nội dung của Chiến lược.

- Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

***3.3. Bộ Tài chính***

 Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan cân đối, bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện Chiến lược.

***3.4. Các Bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ*:** Có trách nhiệm thực hiện hiệu quả các nội dung, nhóm giải pháp nêu tại Chiến lược theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

***3.5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, hội, hiệp hội******Liên minh Hợp tác xã Việt Nam***

- Chủ động xây dựng kế hoạch hành động và tham gia triển khai thực hiện Chiến lược trong phạm vi chức năng và hoạt động của mình.

- Tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện Chiến lược.

- Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

***3.6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương***

- Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng chương trình/kế hoạch hành động của địa phương; bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ở địa phương mình. Lồng ghép các nội dung của Chiến lược trong quá trình hoạch định chính sách; xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về Chiến lược và chương trình/kế hoạch hành động của tỉnh, thành phố thực hiện Chiến lược.

- Xây dựng và triển khai các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả tại địa phương phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ nhận thức của người dân để phổ biến, nhân rộng.

- Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh, thành phố, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

1. Diễn đàn Kinh tế hợp tác năm 2019, Diễn đàn Pháp lý Liên minh HTX quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương, Hội nghị Bộ trưởng HTX khu vực Châu Á- Thái Bình Dương, Diễn đàn kết nối mạng lưới OCOP toàn cầu… [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh HTX Việt Nam và các tỉnh, thành phố. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điển hình như: THT khai thác hải sản Tân Tiến ở thôn Thượng Đức, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, Quảng Bình có 11 tàu công suất từ 400CV đến 725CV, tổng vốn đầu tư khoảng 20 tỷ đồng, mỗi tháng tổ chức khai thác 2 chuyến, mỗi chuyến 10-12 ngày. Tổng doanh thu của tổ hợp tác khoảng 17 tỷ đồng/năm, bình quân thu nhập của 1 thuyền viên trên 5 triệu đồng/tháng, thuyền viên là chủ tàu thu nhập từ 10-20 triệu đồng/tháng.

Trong khai thác thủy sản các thành viên đã góp vốn để mua dầu, nước đá, ngư lưới cụ nhằm có được giá thấp nhất, tiêu thụ với sản lượng lớn để tránh ép cấp, ép giá. Bình quân giá mua nguyên liệu đầu vào giảm từ 1.000-2.000 đồng đối với 1 kg nước đá, từ 1.000-2.000 đồng/lít dầu, bán với giá cao hơn từ 2.000-3.000 đồng/kg sản phẩm… [↑](#footnote-ref-3)
4. BC của 61 tỉnh, thành phố [↑](#footnote-ref-4)
5. BC của 33 tỉnh, thành phố [↑](#footnote-ref-5)
6. BC của 59 tỉnh, thành phố [↑](#footnote-ref-6)
7. BC của 49 tỉnh, thành phố [↑](#footnote-ref-7)
8. BC của 24 tỉnh, thành phố [↑](#footnote-ref-8)
9. BC của 11 tỉnh, thành phố [↑](#footnote-ref-9)
10. BC của 16 tỉnh, thành phố [↑](#footnote-ref-10)
11. Dành cho các Bộ, ngành trung ương. [↑](#footnote-ref-11)
12. Bao gồm 14 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Hòa Bình, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Tuyên Quang. [↑](#footnote-ref-12)
13. Bao gồm 11 tỉnh: Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam, Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Thái Bình, Quảng Ninh [↑](#footnote-ref-13)
14. Bao gồm 14 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) [↑](#footnote-ref-14)
15. Bao gồm 5 tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Gia Lai, Lâm Đồng [↑](#footnote-ref-15)
16. Bao gồm 6 tỉnh: Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Tp Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu. [↑](#footnote-ref-16)
17. Bao gồm 13 tỉnh: Sóc Trăng, Kiên Giang, Cần Thơ, Long An, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Cà Mau [↑](#footnote-ref-17)
18. Diễn đàn Pháp lý Liên minh HTX quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương, Hội nghị Bộ trưởng HTX khu vực Châu Á- Thái Bình Dương, Diễn đàn kết nối mạng lưới OCOP toàn cầu… [↑](#footnote-ref-18)
19. Chi tiết Phụ lục VI [↑](#footnote-ref-19)
20. Báo cáo sơ kết 5 năm thi hành Luật Hợp tác xã 2012 [↑](#footnote-ref-20)
21. Luật HTX năm 2003, năm 2012 được ban hành nhưng phải đến hơn một năm sau Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật mới được ban hành, thậm chí một số văn bản hướng dẫn, thay thế văn bản cũ 2-3 năm mới được ban hành, sửa đổi. [↑](#footnote-ref-21)
22. Hướng dẫn về kiểm toán HTX; quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ HTX ở địa phương; Thành lập DN trong HTX, cơ chế quản lý mô hình HTX có doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-22)
23. Thủ tục đăng ký HTX được cho là phức tạp hơn so với doanh nghiệp (yêu cầu phải đầy đủ các thủ tục, biểu mẫu theo quy định, trong đó có chữ ký, chứng minh nhân dân của thành viên HTX. Vấn đề này, theo một số địa phương đã gây khó khăn đối với các HTX có quy mô lớn, nhiều thành viên, dẫn đến chậm trễ trong quá trình chuyển đổi HTX); thủ tục giải thể bắt buộc HTXthiếu tính cụ thể, rất khó áp dụng trên thực tế. [↑](#footnote-ref-23)
24. Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cap hiệu quả kinh tế tập thể kèm theo Tờ trình số 822-TTr/BCSĐ-HTX ngày 18/12/2019 của Ban cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư [↑](#footnote-ref-24)
25. Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020. [↑](#footnote-ref-25)
26. Theo Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện NQ TW số 13-NQ/TW, Báo cáo sơ kết 5 năm thi hành Luật HTX năm 2012, Báo cáo tình hình phát triển KTTT, HTX năm 2017, 2018. [↑](#footnote-ref-26)
27. Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư, nguồn ngân sách địa phương. Ngoài ra, một số các chương trình, dự án cũng bố trí nguồn lực như Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT), dự án Nâng cao chất lượng an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học (QSEAP)... Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. [↑](#footnote-ref-27)
28. Quảng Nam quy định việc thẩm định hồ sơ thiết kế và dự toán do UBND cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế và dự toán cho các HTX được hỗ trợ trong năm kế hoạch; HTX ra Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán công trình và tổ chức thực hiện trên cơ sở kết quả thẩm định của UBND cấp huyện*.* Sau khi hoàn thành, HTX có văn bản đề nghị UBND cấp huyện tổ chức nghiệm thu công trình để được hỗ trợ. [↑](#footnote-ref-28)
29. Thông tư 15/2016/TT-BNNPTNT [↑](#footnote-ref-29)
30. Về đơn giá thuê đất: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm là 1%; trường hợp đất thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đất sử dụng vào mục đích sản xuất lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, UBND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để xác định đơn giá thuê đất một năm nhưng tối thiểu không thấp hơn 0,5%.

- Về ưu đãi tiền thuê đất: Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với hợp tác xã nông nghiệp sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở hợp tác xã, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; Giảm 50% tiền thuê đất đối với Hợp tác xã thuê đất để sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh. [↑](#footnote-ref-30)
31. HTX, THT, LH HTX được vay vốn không cần tài sản đảm bảo theo các mức từ 50 triệu đến tối đa 2 tỷ đối với HTX và 3 tỷ đối với LH HTX tùy thuộc dự án sản xuất kinh doanh. [↑](#footnote-ref-31)
32. Hiện nay, các HTX được thụ hưởng chính sách này thông qua Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009, Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg); Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại thiên tai, dịch bệnh; Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 và Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21/03/2013 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. [↑](#footnote-ref-32)
33. Các HTX, tổ hợp tác, cá nhân, hộ gia đình được hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay tại ngân hàng thương mại trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-33)
34. Tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ 5.010 triệu đồng cho 34 HTX; Tỉnh Quảng Trị lồng ghép các chính sách hỗ trợ cho 04 HTX trong lĩnh vực sơ chế biến sản phẩm nông nghiệp (bao gồm máy xay xát gạo; nhà xưởng và trang thiết bị sơ chế sản phẩm nông nghiệp). Thành phố Cần Thơ lồng ghép các chính sách, dự án ACP hỗ trợ cho 02 HTX xây dựng nhà kho trên 5.000 triệu đồng; hỗ trợ 03 HTX sản xuất rau an toàn trang thiết bị sơ chế trên 75 triệu đồng;Tỉnh An Giang lồng ghép trong dự án ACP hỗ trợ cho 03 HTX nông nghiệp với số tiền khoảng 15 tỷ đồng để xây dựng nhà kho, lò sấy, máy gặt đập liên hợp; tỉnh Quảng Ninh đã hỗ trợ 10 HTX với tổng kinh phí 5.032,7 triệu đồng, còn thực hiện đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm” với 36 HTX tham gia, tổng kinh phí hỗ trợ là 1.557,4 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-34)
35. HTX được miễn thuế TNDN đối với: Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của HTX; thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản; phần thu nhập hình thành từ tài sản không chia của HTX được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật HTX; thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-35)
36. HTX áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu; sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt mà thành phần chính là NaCl thuộc diện không chịu thuế GTGT.Trường hợp HTX mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, HTX khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. [↑](#footnote-ref-36)
37. Theo báo cáo chuyên đề của Bộ NN và PTNT [↑](#footnote-ref-37)
38. Theo Báo cáo sơ kết của Bộ NN và PTNT [↑](#footnote-ref-38)
39. Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ về lệ phí môn bài [↑](#footnote-ref-39)
40. Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ [↑](#footnote-ref-40)
41. Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ [↑](#footnote-ref-41)
42. Thông tư số 31/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 về việc hướng dẫn việc xử lý tài sản hình thành từ nhiều nguồn vốn khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản. [↑](#footnote-ref-42)
43. Văn bản số 3926/BKHĐT- HTX ngày 31/5/2018 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, trong đó có hướng dẫn thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng cho các hợp tác xã nông nghiệp; Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 về việc hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với HTX nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-43)